



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 63

Số: **51**

(2654)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 18 - 12 - 2010

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



“NGƯỜI LÍNH MẶC ÁO NHÀ VĂN” VÀ CÂU CHUYỆN THẾ HỆ

Nhà văn ĐỖ TIẾN THỤY

“**N**GƯỜI lính mặc áo nhà văn”, tôi muốn dùng cụm này để gọi một lớp nhà văn trưởng thành qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, bởi họ làm lính trước khi viết văn, nhiều người vừa cầm súng, vừa cầm bút đồng hành với hai cuộc kháng chiến vĩ đại giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Dù còn tại ngũ hay đã ra quân thì họ đều viết về chiến tranh với tâm thế của người trong cuộc nên tác phẩm mang cái chất rất riêng - chất lính. Chính những tác phẩm văn học đậm “chất lính” này đã trở thành dòng chủ lưu của văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX với nhiều tên tuổi sáng giá mà trong phạm vi bài viết này không thể liệt kê ra vì quá dài.

Những đóng góp của lớp nhà văn này là rất lớn, thế mà vẫn “bị” coi là “chưa có tác phẩm xứng tầm thời đại”.

Theo qui luật thời gian, lớp nhà văn từng kinh qua trận mạc ngày càng thưa thớt dần. Sử mệnh nối dài dòng văn học để tài chiến tranh cách mạng được chuyển giao cho lớp nhà văn trẻ. Thế nhưng, có một thực tế đáng buồn là lực lượng “Người lính mặc áo nhà văn” trẻ hiện nay quá “mỏng”, không đếm đủ mười đầu ngón tay, tập trung chủ yếu ở Tạp chí Văn nghệ Quân đội.

Hàng chục năm qua, Văn nghệ Quân đội luôn tổ chức các cuộc thi thơ và truyện ngắn với thể lệ ưu tiên tác phẩm viết về đề tài chiến tranh cách mạng và người lính, nhằm phát hiện những cây bút mới, vậy mà số lượng tác giả trong quân đội tham gia rất hiếm. Có khá đông tác giả bên ngoài đã cố gắng thử sức đề tài này, nhưng do thiếu vốn sống quân ngũ nên phần lớn các tác phẩm dự thi đều trong tình trạng salon, thiếu sức sống. Để bổ sung đội ngũ, Văn nghệ Quân đội đành phải lấy các tác giả đoạt giải ở các mảng đề tài khác và cả những tác giả vừa tốt nghiệp các trường đại học ngoài quân đội về làm việc, sau đó nhập ngũ, trở thành những “Nhà văn mặc áo lính”. Nghĩa là họ trở thành nhà văn trước khi là lính. Xét về mặt tài năng, họ có thể viết rất hay về các đề tài dân tộc miền núi, nông thôn, thị dân, học sinh sinh viên... Nhưng về đề tài chiến tranh cách mạng và người lính thì... chưa thấy tác giả nào phát tiết.

Văn biết để có tác phẩm lớn đòi hỏi phải có thời gian. Và không chỉ nhà văn quân đội mới có thể viết hay về chiến tranh. Nhiều người hay dẫn kiệt tác Chiến tranh và hoà bình được L.Tolstoi, một nhà văn qui tộc viết khi cuộc chiến tranh vệ quốc của nước Nga kết thúc mấy chục năm để hi vọng về một tác phẩm tương tự của Việt Nam. Tôi cũng hi vọng như thế. Nhưng tôi lại nghĩ, thời kinh tế thị trường, các nhà văn bên ngoài mấy ai mặn mà với đề tài chiến tranh, vừa mất thời gian công sức, vừa khó bán sách. Cứ nhìn số lượng tác giả trẻ đang mải mê với các đề tài hot như Sex, đồng tính, trình thám, kinh dị... thì đủ biết. Bởi vậy, với đội ngũ nhà văn quân đội “mỏng” cả về “lượng” và “chất” như hiện nay, nếu không có những quan tâm thích đáng thì thật khó có thể hi vọng tác phẩm lớn về hai cuộc chiến tranh thần thánh của dân tộc ra đời. ■

PHIA tây thành phố nắng đã nhạt hẳn. Giờ này quán nước của bà Béo thường có mấy người chờ mua kết quả số số. Người đàn bà ngồi đầu ghế bằng khoảng ngoài bốn mươi tuổi, nhưng trang phục lại như thiếu nữ mới lớn. Chiếc quần bò lửng màu trắng bó sát bắp chân cùng chiếc áo xit đồ trẻ cổ, lộ cả xu chiêng lót ngực giả. Những lọn tóc sóng to buồng xỏa, che quá nửa đôi mắt vừa sắc vừa lẳng, càng làm cho khuôn mặt như vành trăng khuyết và cặp môi mỏng rõ nét chanh chua hơn. Người đàn bà nói với chủ quán:

- Chị Béo có thấy thằng cha mới dọn đến ngõ này lạ lắm không?

Vừa hỏi, đôi mắt lẳng vừa hướng về phía rẽ vào ngõ. Đôi mắt không giấu nổi sự bức tức hằn học. Nhớ lại. Hôm dành lấy phích nước sôi từ quán bà Béo đem vào cho người đàn ông mới chuyển đến. Chủ nhà chỉ nói: “cảm ơn chị” xong lại cầm cùi viết. Quan sát. Mắt lẳng chỉ thấy trong nhà mỗi sách xếp đặc hai cái giá gỗ

nhiều tầng. Chiếc giường đôi kê sát cửa sổ cạnh bàn làm việc có mỗi cái gối, còn trên góc bàn làm việc, đến mấy chai rượu tây các loại. Đứng rất lâu mà chủ nhân vẫn không biết, mãi đến khi môi mỏng chủ động gọi: “Anh gì...oi!” Lúc ấy chủ nhà mới ngẩng lên: “Tôi đã trả tiền nước rồi chị ạ”. “Không, em muốn hỏi anh sống chỉ một mình thôi ư” Bỗng. Khuôn mặt như vành trăng khuyết nhận được ánh mắt vừa ngạc nhiên vừa lạnh lùng của chủ nhà: “Xin lỗi, tôi đang làm việc chào chị...”

Không trả lời cô, Bà Béo hỏi lại:

- Có thấy anh ấy lạ thế nào?

- Đôi mắt lạnh tanh, vô hồn.

- Có đã vào nhà anh ấy, mà không có cách sưởi cho đôi mắt ấy ấm lên được ư?

Hất ngược những lọn tóc sóng to, đôi mắt lẳng nhìn bà Béo, nhìn khắp mọi người ngồi quanh quán, nhún vai.

Ai thêm, trông như người rừng, kinh bố mẹ.

(Xem tiếp trang 20)

NGƯỜI ĐÀN ÔNG SỐNG ĐỘC THÂN

Truyện ngắn của NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

KỶ KẾT CHƯƠNG TRÌNH
PHỐI HỢP PHÁT TRIỂN VĂN HỌC
VỀ ĐỀ TÀI NÔNG NGHIỆP,
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 2010 – 2020



S AU nhiều tháng bàn bạc và chuẩn bị, chiều ngày 14 – 12 – 2010 vừa qua, tại Hà Nội dự thảo Chương trình đã được hoàn tất. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Cao Đức Phát, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam Hữu Thỉnh đã cùng ký tên, chính thức triển khai Chương trình phối hợp đầy kỳ vọng này, trước hơn 20 đại biểu của các cơ quan thông tấn báo chí, các nhà văn và quan chức của Bộ.

Chương trình phối hợp là một hoạt động cụ thể nhằm đi một bước dài thực hiện Nghị quyết 7 T.Ư (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn (tam nông); nhằm khuyến khích và tôn vinh những tác phẩm văn học viết về đề tài đầy tiềm năng và vô cùng lớn này; khuyến khích và có các biện pháp cụ thể để nông dân có thể thụ hưởng các tác phẩm văn học, phục vụ chiến lược con người, vì con người, trước hết là 2/3 dân số sống ở nông thôn. Theo nội dung Chương trình, Bộ Nông nghiệp & PTNT có trách nhiệm giúp các nhà văn nắm rõ và sâu những vấn đề của tam nông trước quá trình công nghiệp hóa ngày càng rầm rộ, trong quá trình người nông dân hội nhập với CNH và với thị trường, giúp phương tiện và trữ liệu những điểm hấp dẫn của tam nông để các nhà văn đi thực tế lâu dài khả dĩ hiểu sâu những gì sẽ viết, sáng tạo bằng được hình ảnh người nông dân trong hoàn cảnh mới và hy vọng đó sẽ là hình tượng nghệ thuật lớn của thời đại. Hội Nhà văn Việt Nam có trách nhiệm cố vũ, tổ chức để các nhà văn khám phá và sáng tạo về vùng quê sáng tác rõ ràng là rất quen thuộc nhưng bấy giờ dường như đã trở nên xa xôi là nông dân và nông thôn, nông nghiệp. Bộ trưởng Cao Đức Phát và Chủ tịch Hội Hữu Thỉnh đã nói như vậy trong Lễ ký kết Chương trình và cả hai đều cảm nhận trọng trách trước một vùng sáng tác, một đòi hỏi chính đáng của công chúng nông thôn và một sứ mệnh trước bước ngoặt lịch sử của người nông dân – những người tạo dựng và lưu giữ một đất nước bao la, một nền văn hóa sâu sắc và nhân ái – nơi nuôi dưỡng tâm hồn và là điểm xuất phát của hầu hết các nhà văn chúng ta.

Một trong các hoạt động khởi đầu của Chương trình là phối hợp tuyển chọn để trao Tặng thưởng cho các tác phẩm xuất sắc viết về tam nông từ Đổi mới đến hết năm 2010. Hoạt động này không những tôn vinh các nhà văn có tác phẩm đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng công chúng, đã vượt qua được thời gian mà còn có giá trị khởi động, tạo đà sôi nổi và khí thế để các nhà văn phấn khởi viết tiếp những tác phẩm xuất sắc hơn. Đó sẽ là nguồn để Bộ Nông nghiệp và Hội Nhà văn xét trao Giải thưởng vào năm 2015, 2020 và nếu “mùa màng” văn học bội thu thì có thể trao Giải hằng năm như một sơ kết của quá trình 10 năm.

Trước mắt Ban chỉ đạo (gồm Bộ trưởng Cao Đức Phát, Chủ tịch Hội Hữu Thỉnh là Đồng Trưởng ban) đã ký quyết định thành lập Ban tổ chức và Hội đồng tuyển chọn 10 cuốn tiểu thuyết, 5 tập truyện ngắn và 5 tập thơ để trao thưởng vào tháng 4 năm 2011.

Ban tổ chức gồm 13 thành viên, trong đó nhà văn Đào Thắng, Ủy viên BCH, Trưởng ban Ban Văn học Để tài Hội Nhà văn Việt Nam; TSKH Bạch Quốc Khang, Ủy viên Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT là Đồng Trưởng ban. Thành viên của Ban tổ chức còn gồm có nhà văn Trịnh Bảo, Phó tổng Biên tập báo Văn nghệ, nhà thơ Trần Đăng Khoa, Giám đốc hệ phát thanh có hình của Đài tiếng nói Việt Nam, nhà báo Trịnh Bá Ninh, Phó tổng biên tập báo Nông nghiệp Việt Nam và các cơ quan này sẽ phối hợp thực hiện Chương trình. Sau khi Tặng thưởng đợt 1 được trao (dự kiến vào tháng 4 – 2011) Ban tổ chức sẽ mãn nhiệm, hai bên sẽ thành lập bộ phận thường trực giúp việc Ban chỉ đạo.

Về thể lệ tuyển chọn và cơ cấu giải thưởng:
Tất cả các tác giả là nhà văn chuyên nghiệp và các cây bút không chuyên, là công dân Việt Nam đang sống ở mọi miền đất nước đều được tham gia xét Tặng thưởng.

Các tác phẩm gồm tiểu thuyết, tập truyện ngắn và tập thơ - trường ca đã xuất bản từ Đổi mới đến hết năm 2010, được công chúng đón nhận và được thử thách qua thời gian; các tác giả đã và đang tiếp tục viết về tam nông.

Hội đồng Tuyển chọn tiếp nhận các tác phẩm tham gia xét Tặng thưởng từ các nguồn như sau:

- Tác giả tự gửi đến
- Các Nhà xuất bản, các Hội VHNT ở Trung ương và địa phương giới thiệu
- Ban tổ chức, Ban Văn học để tài Hội Nhà văn Việt Nam sưu tầm và giới thiệu

Thời hạn nhận tác phẩm từ ngày 14 – 12 – 2010 đến hết 29 – 2 – 2011. Tác phẩm gửi về Ban Văn học Để tài, Hội Nhà văn Việt Nam, số 9 Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội

Cơ cấu giải thưởng dự kiến sẽ gồm 20 tác phẩm; trong đó:
- 10 cuốn tiểu thuyết
- 5 tập truyện ngắn
- 5 tập thơ hoặc trường ca
Đồng hạng, mỗi tặng thưởng 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng). ■

PV

ĐÓN BẠN “LIỀN NÚI LIỀN SÔNG”

LÃ THANH TÙNG

Nhân dịp 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, Hội Nhà văn Trung Quốc đã cử Đoàn Đại biểu gồm 5 thành viên sang thăm và giao lưu với các đồng nghiệp Việt Nam.

Sáng 11/12/2010, lễ đón Đoàn đã diễn ra ấm áp tại Trụ sở Hội Nhà văn số 9 Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội.

Đ OÀN do nhà văn Dương Đình Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Trung Quốc, Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Cát Lâm (vùng Đông Bắc Trung Quốc) dẫn đầu, cùng bốn thành viên: Nhà văn Hàn Tử Dũng, Giám đốc Sở Văn hóa tỉnh Tân Cương; Nhà Lý luận Phê bình Trương Huy Lợi, Viện trưởng Viện Văn học thành phố Tân Hoàng Đảo, tỉnh Hồ Bắc; Nhà văn Âu Dương Bình, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Hồng Nhan, Thành phố Trùng Khánh; và Nhà văn- Dịch giả Thẩm Tố Anh, phiên dịch viên.

Cùng đi với Đoàn còn có Ngài Lưu Tam Chấn, Tham tán Văn hóa Đại sứ quán Trung Quốc, mới nhậm chức tại Việt Nam; và Ngài Đàm Dực, Tùy viên Văn hóa Đại sứ quán Trung Quốc.

Đón Đoàn, về phía Việt Nam, có các nhà văn, nhà thơ, dịch giả lớn, do hai Phó Chủ tịch Hội là nhà văn Nguyễn Trí Huân và nhà văn Lê Quang Trang dẫn đầu.

Nhà văn Dương Đình Ngọc là tác giả của tiểu thuyết **Trường thôn** (đã chuyển thể thành phim và được chiếu ở Việt Nam hồi đầu những năm 90 của thế kỷ trước). Tác phẩm nhân văn và đầy những tình tiết hài hước thú vị này viết về sự thay đổi to lớn ở nông thôn Trung Quốc sau thời điểm cải cách mở cửa. Bộ phim truyền hình chuyển thể từ tiểu thuyết đã gây được ảnh hưởng lớn ở đất nước đông dân nhất thế giới, đạt giải thưởng Kim Kê và rất được khán giả trong và ngoài Trung Quốc hoan nghênh, yêu thích.

Trọng lời phát biểu chào mừng Đoàn, Nhà văn Nguyễn Trí Huân bày tỏ: “Chúng tôi chờ đón các bạn từ khá lâu rồi. Hai nước chúng ta gần gũi nhau cả về địa lý, lẫn tâm thức, con người, văn hóa, và tình cảm. Người Việt Nam vẫn quan niệm ‘bàn anh em xa mua láng giềng gần’, nhưng chúng tôi không bán ai, cũng không phải mua ai, vì chúng ta vốn đã có nhau”.

Phát biểu trong buổi giao lưu, nhà văn Hoàng Minh Tường cho biết: Cách đây 17 năm, ông có dịp được sang Trung Quốc 15 ngày, được gặp và được Nhà văn Ba Kim tặng một cuốn sách với lời đề tặng: **Tặng Hoàng Minh Tường tiên sinh** (món quà mà nghe nói ngoài thị trường có giá đến 3 vạn tệ). Sau cuộc tạo loạn thì các nhà văn và nhân dân hai nước mới nhận ra là phải yêu nhau. Rồi ông đặt hai câu hỏi cho phía bạn:

1. Các nhà văn Trung Quốc có đọc các nhà văn Việt Nam nhưng quanh đi quẩn lại chỉ **Từ điển đầu Tô quốc, Sóng như Anh: Ông Cổ vấn...** 17 năm qua, sách văn học Việt Nam dịch sang Trung Quốc không được bao nhiêu trong khi các nhà văn Việt Nam đọc các nhà văn Trung Quốc rất nhiều, tại sao?

2. Việt Nam và Trung Quốc có sự tương đồng về chính trị, các nhà văn Trung Quốc xuất hiện trong dòng văn học vết thương nay thấy dần chìm lắng. Điều đó có phải do khó khăn về xuất bản hay do bản thân họ bế tắc?

Nhà văn Dương Đình Ngọc đã thay mặt Đoàn trả lời khá thẳng thắn: “Tôi rất đồng cảm với đồng chí về giao lưu và dịch thuật. Hai nước chúng ta đã có một tình cảm rất tốt. Nhưng giới xuất bản Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi thị trường, và Hội nghị hồi đầu năm 2010 của Hội Nhà văn Trung Quốc đã ra nghị quyết nhằm sớm khắc phục tình trạng này. Còn về câu hỏi thứ hai, theo tôi thì:

Các nhà văn như Trương Hiến Lượng, Mạc Ngôn... mỗi người đều có thời hoàng kim riêng. Giờ đây họ im lặng có lẽ bởi họ đang nung nấu, tìm tòi, mong sớm trở lại thời hoàng kim, chứ không phải vì luật xuất bản. Nhưng chúng ta cũng cần lưu ý, những tác phẩm bán chạy chưa chắc đã là ưu tú nhất, những cuốn ưu tú có thể bấy giờ chưa bán chạy, nhưng hy vọng sẽ có lúc bán chạy”.

Phát biểu tại buổi giao lưu, nhà văn Thủy Toàn có ý kiến: “Chúng tôi thấy rằng văn học Việt Nam vẫn được dịch và đăng ở Trung Quốc nhưng là ở các trường Đại học (Bắc Kinh và các thành phố lớn), có các chuyên gia và bộ phận ở các trường, vụ, viện nghiên cứu. Theo danh sách các chuyên gia cung cấp thì có thể thấy là tương đối phong phú nhưng do hoàn cảnh thị trường không thể in ra sách. Trong tương lai nếu giữa hai Hội có sự trao đổi kỹ càng, có thể chúng ta sẽ giới thiệu được rõ ràng, kỹ càng, đầy đủ và tốt hơn”. Ý kiến của ông được các bạn đồng tình, tán thưởng.

Nhà văn Lê Quang Trang giới thiệu với các bạn Trung Quốc: Dịch giả Thủy Toàn là chuyên gia dịch và giới thiệu văn học Nga. Ông mới được tổng thống Nga trao Huân chương Hữu nghị. Rồi ông bày tỏ giá như Trung Quốc cũng có một cơ sở tương tự đối với các nhà nghiên cứu và dịch giả Việt Nam.

Cuộc giao lưu diễn ra khá sôi nổi với những ý kiến trao đổi thẳng thắn giữa các nhà văn hai nước. Tuy nhiên trong khuôn khổ một buổi sáng chưa thể nói hết những vấn đề hệ trọng của cả hai nền văn học vốn đã từ lâu gần bó.

Chiều và tối cùng ngày, Đoàn Đại biểu Hội Nhà văn Trung Quốc đã đến thăm Trụ sở Báo Văn nghệ mới xây dựng xong, thể hiện tình cảm và sự quan tâm của phía bạn đối với một trong những cơ quan ngôn luận chính thống và quan trọng của Hội Nhà văn Việt Nam.

Trong buổi tiếp Đoàn, bạn đã rất ngạc nhiên và khâm phục khi thấy các nhà văn, nhà báo Việt Nam, dù phải đương đầu với cơ chế thị trường và sự xuống cấp của văn hóa đọc, vẫn không ngừng khẳng định được bản lĩnh và vai trò tuyến một của nền Văn chương đương đại Việt Nam. Bạn hứa khi về nước sẽ sớm báo cáo, đề Lãnh đạo hai Hội hình thành và xúc tiến những bước đi cụ thể, thắt chặt tình đoàn kết và sự học hỏi lẫn nhau giữa các nhà văn và tác giả hai nước.

Theo chương trình, Đoàn nhà văn Trung Quốc còn lưu lại Việt Nam một tuần. Bạn sẽ thăm và làm việc tại các cơ quan văn hóa lớn của Việt Nam, thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám, Vịnh Hạ Long, Thành địa Mỹ Sơn, Địa đạo Củ Chi và tọa đàm với các nhà văn thuộc Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, trước khi lên đường về nước vào ngày 17/11/2010. ■



Đoàn Nhà văn Trung Quốc thăm báo Văn nghệ
Ảnh: HỮU ĐỒ

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ CUỘC THI TIỂU THUYẾT LẦN THỨ BA (2009-2010) CỦA HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM CHÀO MỪNG ĐẠI LỄ KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI

Trong thời hạn tổ chức cuộc thi, Ban Tổ chức đã nhận được 247 tác phẩm của 245 tác giả tham dự.

Hội đồng Sơ khảo đã tiến hành bình chọn: 51 tác phẩm vào chung khảo.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Chung khảo, sau nhiều ngày làm việc, tại phiên họp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam đã quyết định trao giải thưởng cho các tác phẩm sau đây:

Giải A: - Tác phẩm **Hội thế** của Nguyễn Quang Thân

Giải B:

1. Tác phẩm **Chân trời mùa hạ** của Hữu Phương

2. Tác phẩm **Vùng lõm** của Nguyễn Quang Hà

3. Tác phẩm **Quyển** của Nguyễn Văn Thọ

Giải C:

1. Tác phẩm **Lửa đắng** của Nguyễn Bắc Sơn

2. Tác phẩm **Heo may về** (Giò chuyển mùa) của Đỗ Thị Hiền Hoà

3. Tác phẩm **Xiềng khoảng mù sương** của Bùi Bình Thi

4. Tác phẩm **Thần thánh và bướm bướm** của Đỗ Minh Tuấn

5. Tác phẩm **Biết đâu địa ngục thiên đàng** của Nguyễn Khắc Phê

6. Tác phẩm **Xuân từ chiều** của YBan

7. Tác phẩm **Đêm Sài Gòn không ngủ** của Trầm Hương

8. Tác phẩm **Thức giấc** của Thủy Dương

9. Tác phẩm **Đất trời văn vũ** của Nguyễn Một

10. Tác phẩm **Những cánh hoa lòng** (Đồng sông chết) của Thiên Sơn

Hà Nội, ngày 10/12/2010
HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

VĂN NGHỆ SĨ VỚI DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO HIỆN THỰC CUỘC SỐNG

NSNA. HOÀNG KIM ĐĂNG (Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam)

Đại hội X đã sắp kết thúc nhiệm kỳ, một dự thảo Cương lĩnh và Nghị quyết cho Đại hội XI đã được công bố, xin ý kiến toàn Đảng, toàn dân nhằm mục tiêu: "Xây dựng đất nước mang tính kế thừa, bổ sung và phát triển", "Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại" và "Lấy con người là trung tâm của chiến lược phát triển" trong mọi hoạt động.

Đây thực sự là một nghị quyết mang tính tổng quát, một định hướng rất "chuẩn" nhưng điều quan trọng là sau khi Dự thảo Nghị quyết và Cương lĩnh đã được Đại hội XI thông qua, cần đưa nghị quyết vào cuộc sống, trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của sự phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Nghị quyết thì rộng, sâu, nhưng tôi chỉ xin hiến kế đôi điều để thực hiện cho được "phần hồn" của nghị quyết ấy.

Phần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại ta thực sự làm tốt. Tôi có cảm giác bạn đọc Việt Nam hiểu văn học nghệ thuật nước ngoài hơn văn học nghệ thuật đất nước mình. Điều này phải ghi nhận công lao và sự thấm đĩnh tinh tế của một số dịch giả danh tiếng Việt Nam, nhưng cũng lưu ý rằng: Văn học nghệ thuật nước ta trước Cách mạng, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và hôm nay không ít những tác phẩm đứng ngang hàng, không hề thua kém các quốc gia khác. Điều nghịch lý là bạn đọc nước

ngoài rất ít biết đến những tinh hoa của văn học nghệ thuật Việt Nam, bởi các nhà dịch thuật Việt Nam đang đi lệch pha nhưng chúng ta không có quyền chèn trách họ, bởi chúng ta chưa có một tổ chức dịch thuật quy mô, đúng tầm cỡ, chưa có một hội đồng dịch thuật quốc gia đủ uy tín để thẩm định những tác phẩm văn học nghệ thuật đủ tầm cỡ để "tung" ra thị trường quốc tế.

Trong điểm 7 của Nghị quyết: "Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế". Nhấn mạnh lĩnh vực: "Tăng cường đầu tư của Nhà nước" như vậy còn chung chung quá, xin được chi tiết hóa, cụ thể là "Tăng cường đầu tư về kinh phí, đầu tư về phương tiện và đầu tư trí tuệ có hiệu quả" thì Nghị quyết mới trở thành hiện thực, mới có tính khả thi lâu bền được.

Với những nhận thức trên, tôi xin hiến một số chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng như sau:

1. Trước mắt, Hội Nhà văn Việt Nam đang có một Hội đồng dịch thuật nhưng hoạt động chưa đủ mạnh. Nhà nước cần thiết lập một Trung tâm dịch thuật quốc gia. Trung tâm này có nhiệm vụ liên kết với các hội chuyên ngành để tuyển chọn những tác phẩm văn hóa - nghệ thuật đủ sức tỏa sáng quảng bá ra nước ngoài.

Văn nghệ sĩ sẽ rất hoan nghênh chủ trương của Đảng và Nhà nước: xây dựng thêm một số "Trung tâm văn hóa Việt Nam" ở nước ngoài. Chủ trương này nếu

được thực hiện, sẽ là bệ đỡ, là địa điểm giao lưu, đối thoại, để quảng bá những tinh hoa Văn học - Nghệ thuật Việt Nam truyền thống và đương đại. Lẽ dĩ nhiên những người được giao nhiệm vụ "đem chuông đi đánh nước người" phải là những nhân sự có tài thực, tâm huyết và phải có máu "vì màu cờ sắc áo!".

Trong thực tế hiện nay Nhà nước đầu tư kinh phí cho thể thao là quá lớn nhưng hiệu quả ít. Trong lĩnh vực Văn học - Nghệ thuật thì còn nghèo nàn quá!

2. Trong Văn bia ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám được soạn thảo từ năm 1442, nhà hiền triết Thân Nhân Trung đã rút ra những triết luận: "Hiện tại là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh, không đời nào không coi trọng việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc, cần kíp" và tôi cũng thực sự tâm đắc với danh ngôn của ông Vôn-te (dĩ nhiên không phải là người Việt Nam tôi) rằng: "Đối với một số người, tuổi già là mùa đông, còn đối với người lao động trí óc, đó là mùa gặt hái". Thấm lời ông Vôn-te, trước khi nghỉ hưu tôi có một văn bản đề nghị Đảng và Nhà nước nghiên cứu, thiết lập một tổ chức công quyền để tập hợp, huy động những nhân tài trên nhiều lĩnh vực, giúp họ cả về tinh thần và vật chất để họ thực hiện "mùa gặt hái" thành công.



NSNA. HOÀNG KIM ĐĂNG

Thời đại Hồ Chí Minh cũng xuất hiện nhiều "nguyên khí quốc gia". Họ đều qua tuổi "thất thập", "bát thập". Nếu được giúp đỡ có hiệu quả, thì mùa gặt hái của họ cũng sẽ rất khả quan. Trong văn học nghệ thuật Việt Nam, trong khoa học kỹ thuật Việt Nam cũng có đến hàng trăm nhân tài như thế!

Cũng chính từ danh ngôn của ông Vôn-te mà tôi cũng mạo muội đề nghị: Trong Văn học Nghệ thuật, những người có tài thực sự trong sáng tác và quản lý thì không nên cáo bằng nghỉ hưu ở độ tuổi 60 và cũng không vì tuổi tác mà thay đổi người quản lý một khi người mới kém tài người tiền nhiệm.■

TỔNG KẾT 4 NĂM THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH"

SỨC LAN TỎA TỪ MỘT CUỘC VẬN ĐỘNG LỚN

Có lẽ không có cuộc vận động nào vừa mang ý nghĩa chính trị, vừa mang ý nghĩa văn hóa lại được người dân hưởng ứng sôi nổi và sâu rộng như cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

4 năm qua, cùng với phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động đã đưa tư tưởng, đạo đức của Bác đến với từng nhà, từng người, từng cơ quan, đơn vị, để mỗi người, mỗi đơn vị có thể nhận diện, phát huy những phẩm chất vốn có, đã có, để hoàn thiện mình, sống tốt hơn, đẹp hơn, góp phần vào sự nghiệp chung xây dựng Đất nước.

Ngày 12 tháng 12 năm 2010, Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động đã tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 4 năm triển khai cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Báo cáo tổng kết 4 năm thực hiện cuộc vận động, đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, khẳng định: "Cuộc vận động đã chuyển biến mạnh mẽ về lối lối, tác phong làm việc, ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo gương Bác, nâng cao đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, góp phần đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và các tệ nạn xã hội"... và: "Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác là hết sức thiết thực với mọi người, đem lại lợi ích cho mình, gia đình, quê hương và đất nước".



Các đại biểu tham dự hội nghị

Để cập tới cuộc vận động, sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí về tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đồng chí Tô Huy Rứa nhấn mạnh: "Trong thời gian qua, các Hội Văn học, nghệ thuật, Hội Nhà báo ở Trung ương và 63 tỉnh, thành phố đều đã tiến hành cuộc vận động, sáng tác, quảng bá các tác phẩm có giá trị, gây được ấn tượng trong nhân dân"... Tuy vậy: "Cuộc vận động còn chưa được như mong muốn, sáng tác mới của các văn nghệ sĩ tập trung nhiều

về hình tượng Bác Hồ, nhưng chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác còn ít. Chất lượng các tác phẩm mới nói chung chưa cao, không vượt qua được những tác phẩm đã có".

Đây là một thực tế mà các văn nghệ sĩ cần hết sức quan tâm, nghiên cứu và trao đổi.

Phần thời gian còn lại của Hội nghị được dành cho đại diện các tập thể và cá nhân điển hình phát biểu tham luận. Nhiều đại biểu đề nghị: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh phải là một

hoạt động liên tục, thường xuyên, không có điểm dừng và phải tìm mọi phương thức hoạt động đi vào chiều sâu, tránh hình thức, phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, tôn giáo và dân tộc. Cũng có ý kiến đề nghị cần thiết đưa nội dung cuộc vận động vào chương trình, nghị quyết của đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI...

Phát biểu tổng kết hội nghị, đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động khẳng định: Việc phát động, triển khai cuộc vận động là một quyết định đúng đắn, cần thiết, là sự tương hợp, hài hòa giữa ý Đảng và lòng dân... Mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực sự là một tấm gương về phẩm chất, đạo đức... Từ đó lan tỏa, tác động đến toàn dân, toàn xã hội".

Đồng chí Tổng Bí thư lấy làm tiếc về thời gian có hạn nên Hội nghị không thể được nghe thêm những tấm gương sáng của cuộc vận động. Những tấm gương cảm động, đầy ý chí và nghị lực đang nẩy nở ngày một nhiều trên các lĩnh vực học tập và công tác.

Nhân dịp này, Hội nghị đã công bố quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động cho 59 tập thể, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 72 tập thể và 1012 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong 4 năm thực hiện cuộc vận động.■

VÀNG TRONG CÁT

Bút ký của ĐÌNH KÍNH

ĐỒNG đội của Đào Hồng Tuyển thời sống cùng anh trên "tàu không số" kể rằng, người này rất "quái", nhanh, hoạt, thường tạo ra bất ngờ. Mười lăm tuổi, khai tăng để đi bộ đội. Vào đoàn "tàu không số", học thợ máy, rồi đi biển. Tham gia vận chuyển vũ khí vào chiến trường và đưa các vị lãnh đạo vào Nam ra Bắc. Việc gì cũng năng động, tháo vát, gây ấn tượng.

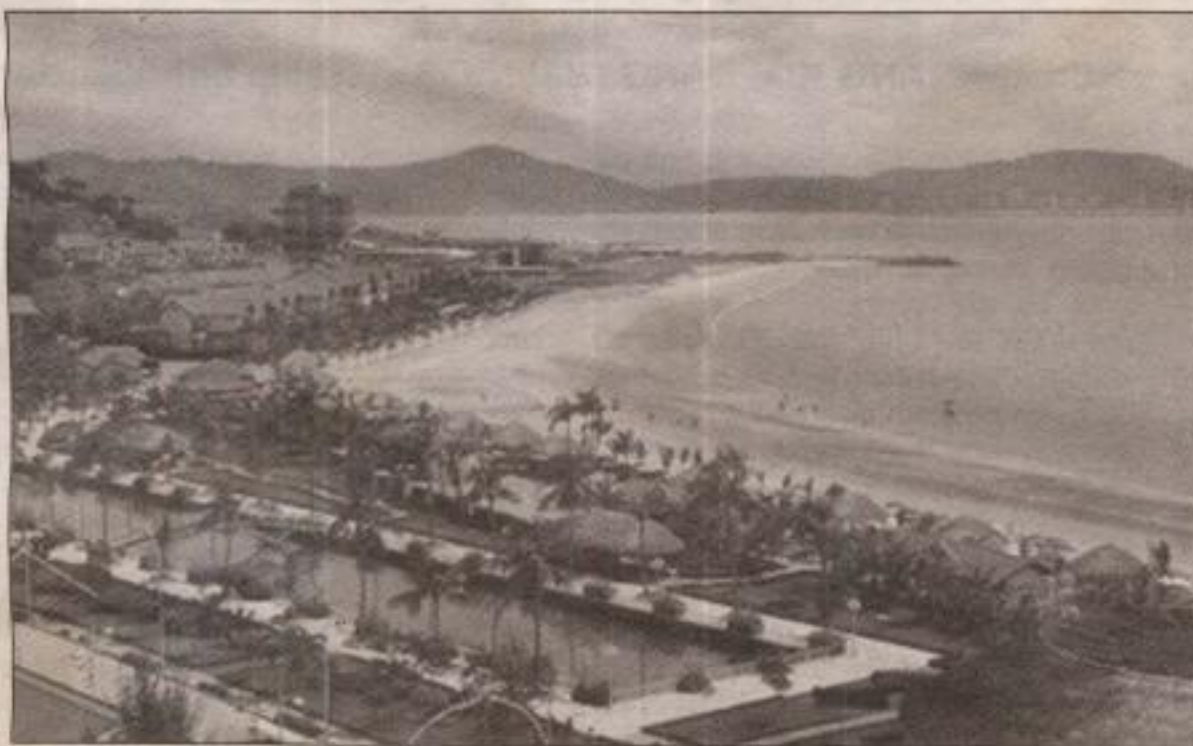
Và rồi cái chất ngang ngang, hành động bất chợt, quyết đoán mau lẹ, thông minh, như thể một tổ chất bẩm sinh trời cho mà nhiều người vẫn gọi là "liều" ngày ấy về sau này đã làm nên một Đào Hồng Tuyển đại gia, một trong những người biết làm giàu và cũng là một trong số không nhiều lắm những người giàu nhất Việt Nam.

Thời rời quân ngũ, Đào Hồng Tuyển vật vờ lang thang đây đó khắp Sài Gòn, ở gara, ngủ ghé đá vườn hoa, nhằm tìm kế sinh nhai và học cách làm giàu. Chẳng việc gì không qua, kể cả dọn chuồng heo, làm thằng nhỏ trải chiếu, bày thức ăn cho ông chủ cùng đám bạn bè nhậu... Không nhiều may mắn, thậm chí trở trêu, cay cực nhưng đó là mệnh lực, là xúc tác để Đào Hồng Tuyển nhận ra nhiều điều. Mạnh bạo, anh dùng những đồng tiền ít ỏi có được, lập công ty. Không biết thì hỏi, hỏi chẳng thấu thì "mua", "mua" chất xám của các trí thức, của các nhà khoa học, các nhà kinh tế, bất chấp họ thuộc thành phần nào, miễn là giỏi. Sự táo bạo ấy giúp anh ít nhiều thành công.

Đến với Tuần Châu có thể là một tình cờ, và có thể còn do một chút cơ duyên. Nhưng tình cờ hoặc cơ duyên chỉ bèn vào ai luôn khát khao làm giàu, biết đón thời cơ, biết nắm bắt thời cơ, tự tin và sáng tạo... Người ta hơn nhau ở chỗ đoán định được tương lai việc mình làm, đó là phẩm chất, là năng lực. Đào Hồng Tuyển thuộc người như vậy. Quyết định làm con đường dài hơn 2 cây số với giá thành năm 1998 là 80 ngàn tỷ đồng, nhằm nối hòn đảo có diện tích 400 héc ta, trọc lốc, trơ nắng, và 1.200 nhân khẩu, điện không, nước ngọt cũng không, với đất liền, tức Đào Hồng Tuyển đã chơi canh bạc lớn trong đời mình. Dám cá cược vào "ván bài Tuần Châu" mà nhiều người cho rằng liều lĩnh, "điếc không sợ súng" là bởi hơn ai hết, bằng cái nhìn tinh tường, cộng chút quyết đoán, anh tự tin nhận ra tiềm năng, nhận ra giá trị nơi hòn đảo này, mà với lối nghĩ thiên cận, lối ăn xối, không hẳn ai cũng có khả năng ấy.

Tuần Châu không lớn, khá xa đất liền, nhưng hòn đảo này có lợi thế tuyệt vời, ấy là đảo đất duy nhất trong gần 2.000 hòn đảo lớn nhỏ nằm trong lòng "di sản thiên nhiên thế giới", lại tiện về giao thông bộ lẫn giao thông thủy. Xây dựng Tuần Châu không chỉ để biến hòn đảo này thành khu du lịch và nghỉ dưỡng tầm cỡ, mà còn với dụng ý lớn hơn, khát vọng lớn hơn, ấy là vươn ra khai thác toàn diện, khai thác triệt để tiềm năng tuyệt đỉnh của Vịnh Hạ Long, vùng biển mà thiên nhiên đã ưu ái phú cho cảnh quan kỳ thú vào loại độc nhất vô nhị thế giới.

Đến với biển là người ta mong muốn được tắm biển. Đào Hồng Tuyển hiểu hơn ai hết nhu cầu ấy. Do vậy ngoài việc xây dựng các biệt thự, khách sạn, các



khu vui chơi, khu ẩm thực, nhạc nước, nơi biểu diễn của cá heo, nhà hát và nhiều thứ khác nữa, thì vấn đề cấp thiết hàng đầu của một khu du lịch biển là bãi tắm. Không có bãi tắm tự nhiên thì tạo dựng bãi tắm nhân tạo. Hàng triệu mét khối cát trắng từ Trà Cổ được vận chuyển về Tuần Châu. Một bãi tắm tuyệt đẹp, dài bốn cây số viền quanh đảo hình thành. Có bãi tắm, giá trị Tuần Châu bây giờ là cấp số nhân. Du khách bắt đầu đổ về, vừa là tò mò, vừa để chiêm ngưỡng vẻ đẹp mà một người lính trong đoàn "tàu không số" năm xưa đã tạo nên. Và nữa, những người có "đẳng cấp" đến để săn tìm cho mình một căn nhà mà trước cửa có bãi cát trắng thoai thoải đổ ra biển làm chỗ tắm riêng gia đình họ. Với các nước giàu, phải nhiều triệu đô mới mơ có một vị trí lý tưởng như vậy.

Gần trưa, trời hửng, biển xanh thẳm, những "hòn non bộ" xa xa đã rõ hình hài, Hạ Long trút bỏ lớp sương sớm, nồn nà khoe mình trong nắng thu... Đào Hồng Tuyển lấy xe "địa hình" đưa chúng tôi đi một vòng quanh đảo. Nói là đảo, nhưng hơn năm trước, chỗ chúng tôi đang đi là biển. Anh khoe:

- Nhờ biết cách cải tạo các bãi sinh lầy, Tuần Châu bây giờ có diện tích lớn gấp mấy lần diện tích Tuần Châu trước đây... Chỉ vươn ra biển mới có thể phát triển!

Phía nam đảo, ngón ngang cát, ngón ngang đất. Hàng chục máy xúc, máy đào, hàng chục ô tô làm việc hết công lực. Lấn biển để xây dựng nơi đây thành một âu tàu khổng lồ với bến du thuyền hiện đại, lớn gấp 11 lần bến du thuyền đã đưa vào sử dụng năm 2009, có thể neo đậu gần 1.700 du thuyền, nhằm kết nối với hệ thống du thuyền Hồng Kong, Singapore, Trung Quốc, Philippine, Nhật Bản... đồng thời thu hút hầu hết du khách có nhu cầu đi vịnh, nghĩa là người Tổng giám đốc này có ý định vượt ra khỏi tầm Tuần Châu để vươn xa hơn nữa.

Tôi hỏi:

- Với cái giá 600, 700 đô la một ngày đi trên biển, tức là anh đã chặt đứt cái ý định đi du lịch Vịnh của người có thu nhập thấp?

Đào Hồng Tuyển cười:

- Anh chớ quên tôi là một doanh nhân. Vì thế trong mọi hoạt động kinh doanh, tôi lấy hiệu quả kinh tế làm trọng. Hãy làm một phép tính đơn giản, một ngày bến du thuyền Tuần Châu có 100 khách

đi Vịnh với giá mỗi người 600 đô la, nghĩa là hôm đó tôi thu về 60 ngàn đô. Với giá 100 ngàn đồng Việt Nam, tương đương 5 đô la cho một người trong một lần ra khơi, tôi cần có bao nhiêu con tàu, và cần bao nhiêu người xuống tàu mới có thu nhập như vậy?

Tôi thua! Nhưng cũng vớt vát:

- Tức là người nghèo không có cơ hội đi trên những chiếc tàu của anh?

- Làm kinh tế cần sông phẳng. Việc nào ra việc ấy. Tôi có thể làm từ thiện. Và thực tế những nam qua đã bỏ ra gần 40 tỷ đồng cho công việc nhân đạo ấy. Nhưng mục đích của nhà doanh nghiệp là tìm mọi cách hợp pháp, nhằm tạo ra sản phẩm tối ưu nhất để có lợi nhuận cao nhất. Lợi nhuận càng cao, đóng góp cho xã hội càng lớn và có điều kiện mở mang, phát triển cơ ngơi của mình... Với nữa tôi đang hướng tới quan niệm kinh doanh có văn hóa, nghĩa là con người cần được tôn trọng. Bỏ ra 600 đô la, đồng nghĩa với việc hôm ấy khách là "vua", họ được phục vụ tối đa, xứng với đồng tiền bỏ ra - Đào Hồng Tuyển cười - Cũng đừng quên rằng cuộc sống chúng ta đang đi lên, nhè. Không kể hàng trăm chi phí khác, chỉ riêng tiền xăng dầu để chạy máy móc và các loại xe, cùng các thiết bị khác, một ngày Tuần Châu bỏ ra một tỷ rưỡi.

Một số tiền không nhỏ. Tôi ngỡ ngàng quay qua người Giám đốc:

- Hồi thật nhè, tiền ở đâu để anh xây dựng Tuần Châu được như hôm nay?

Đào Hồng Tuyển không đáp. Anh đạp phanh xe. Chúng tôi xuống ô tô, và cùng hướng ra mặt Vịnh. Trưa ven biển, mát lạnh. Tôi ngửa mặt hứng không khí trong lành, cảm được vị mặn qua từng sợi gió.

- Tiền đâu? Đó là bài toán thứ hai cần giải của doanh nhân khi muốn làm giàu cho mình, cho đất nước - Đào Hồng Tuyển châm điếu thuốc, rít một hơi, mắt vẫn nhìn ra xa, gió tung mái tóc dày và dài, trông anh giống như một nghệ sỹ. Anh quay qua tôi, ngón tay chỉ vào trán, cười - Nói hơi ngạo một chút, nhưng quả vậy, tiền trong đầu mình.

- Cụ thể hơn?

Lại cười:

- Tiền ở đất, khi đã đổi nó lấy hạ tầng. Cần và bí thì bán "non", nhưng đã có đầy đủ các yếu tố thì hét cao lên. Một ngôi biệt thự bên mép nước, có bãi tắm riêng, có "non bộ" trước cửa với giá vài ba triệu đô trở thành hàng hiếm. Hiện Tuần Châu có gần 1.000 héc ta đất. Mỗi mét đất

trong khu di sản thiên nhiên thế giới, trong khu du lịch tắm cỏ quốc tế, rẻ cũng 10 triệu đồng một mét. Vậy hàng trăm ngàn mét vuông nơi đây, sẽ là bao nhiêu? Rồi liên doanh, liên kết, hợp tác làm ăn, trong nước, ngoài nước. Nhưng đừng nghĩ mọi tiền của Tây, của Mỹ là dễ nhè. Họ lời đời, biết không có lợi, sẽ không nhập cuộc. Chơi với họ phải rắn. Phải có thể. Không nhân nhượng. Sông phẳng và trung thực...

Tôi nhìn vị Chủ tịch tập đoàn Tuần Châu đang hướng mặt ra biển đón gió, chợt nhớ đến nhận xét về anh của ông Andy dye, tỷ phú sân golf Mỹ - đối tác làm ăn, người ký hợp đồng với Tuần Châu: "Ông ta (tức Đào Hồng Tuyển- ĐK) là người của công việc, của hành động và là người trọng danh dự. Ông ấy thật sự mong muốn vươn lên một tầm cỡ cao hơn và điều đó cũng buộc chúng tôi phải suy nghĩ. Những gì ông ta đã làm trong mấy năm qua đã chứng tỏ điều tôi nói. Còn với tư cách một nhà đàm phán, ông ấy rất kiên định, phải nói là "rắn", nhưng sông phẳng và biết giữ lời, đáng tin cậy..."

Đào Hồng Tuyển nói tiếp:

- Và tiền còn là tài sản vô hình, tức thương hiệu, tức giá trị Tuần Châu, nếu biết tận dụng sẽ biến thành tài sản hữu hình.

Rồi Đào Hồng Tuyển quay sườn lại với tôi về những dự định sắp tới, về tương lai của Tuần Châu. Anh nói rằng không lâu nữa, Tuần Châu sẽ là một thành phố du lịch, nghỉ dưỡng có đầy đủ các yếu tố như bất kỳ một thành phố nào. Ở đó sẽ có những đường phố khang trang, nhiều khu vui chơi, có phân hiệu trường đại học, có cơ sở y tế... và có cả đền, chùa phục vụ nhu cầu tâm linh của người dân và du khách.

Bằng vào những gì hiển hiện nơi hòn đảo vốn hoang vu này, nhiều người quý mến vẫn gọi là đảo Ngọc, tôi tin những gì người lính đoàn "tàu không số" năm xưa đã và sẽ thực hiện. Niềm tin ấy còn cơ sở nữa, ấy là người Chủ tịch một tập đoàn kinh tế khá hùng hậu này đã nhận ra bí quyết của thành công, và cảm nang để hướng tới tương lai. Khi tôi hỏi rằng, anh đánh giá thế nào về việc đã đi rất nhiều nơi, những khu du lịch nổi tiếng thế giới, đã thuê hàng chục người tài giỏi khắp năm châu để thiết kế tổng thể Tuần Châu? Đào Hồng Tuyển nói, họ rất giỏi, rất cần thiết, nhưng không có gì tốt hơn là người Việt Nam xây dựng các yếu tố hạ tầng ở Việt Nam.

Tôi ngỡ ngàng... Nhớ đã có lần anh nêu ý kiến rằng, các doanh nhân Việt Nam không thua kém bất cứ doanh nhân nước nào, nếu chúng ta có một mô hình tập đoàn kinh tế mạnh, bao gồm 100, thậm chí 1.000 doanh nghiệp, với một số vốn huy động đến hàng chục tỷ đô la thì các công ty nước ngoài không thể lấn át. Tập đoàn này có thể làm bất cứ điều gì, kể cả xây dựng các thành phố mới, các cao ốc hàng trăm tầng...

- Vì sao? - Tôi lại hỏi.

- Cuối cùng thì vẫn là yếu tố Văn hóa. Tổ chất Văn hóa Việt của người Việt sẽ làm nên diện mạo kinh tế Việt.

- Văn hóa là giá đỡ để tồn tại, ổn định và phát triển một doanh nghiệp?

- Chính xác!... ■

LÊ MINH HOÀI

Khói trắng

Khói trắng
Như hơi thở đêm đông
Đệm êm, chân ấm
Còn bao sinh linh bé bỏng
Còn bao trái tim
vô vọng
ngồi nhà?

Khói trắng trên đồng
Sương muối lòng ta
Tháng Ba buồn tiếng chân trâu gõ móng
Đất nâu quấy thăm
Khát mưa, trông nắng

Bóng làng xa
bóng cỏ
đồng không

Ao ước nắng
Khói thơm rơm ... Mùa mới
Cất lên
Tự nước mắt ...

Hồi niềm tin
Mỏng manh khói trắng
Làn khói cất lên u uẩn mỗi ngày
Làn khói cất lên
Linh cảm
Một ngày

May sao đêm về
còn có giấc mơ

Tôi đã yêu anh, tôi đã yêu
Người chợt đi qua rồi vụt biến
Như ánh sáng ban ngày tắt lịm
May sao đêm về còn có giấc mơ

Ai bảo trái tim chỉ hát một lần
Trước lăm lờ dấu môi hôn buốt mãi
Bản tình ca cất lên đầu dừng lại
Giấc mơ rung điệp khúc say lòng

Hạnh phúc đi, ban ngày có thể đến trong đêm
Tôi còn gọi tên người không gặp nữa
Bằng tiếng nói của chim muông hoa lá
Và lời yêu thồn thức mãi trong tim ...

May sao giấc mơ còn đến trong đêm !

ĐỖ MINH DƯƠNG

Trong đêm ngắm sao trời

Tối hay mờ, mỗi vì sao đều tự thấp sáng
trong bình yên rực rỡ bầu trời
muôn ánh sáng vì sao hội tụ
nuôi tình yêu mới lạ tình khời...

Dù có đêm mây mù che khuất
trên chín tầng sao vẫn sáng soi
ai thao thức vì sao lạc lối
ai bàng hoàng xa xót sao rơi
ai chào đón vì sao vụt sáng
rối lịm đi hút bóng dưới vòm trời
chút ánh sáng vì sao gửi lại
nguồn suy tư day dứt mãi trong tôi...!

Mỗi vùng trời mệnh mang vũ trụ
có những vì sao không thể đổi ngôi
sao tỏa sáng, đất trời tỏa sáng
cho niềm tin đừng tắt giữa hỗn người...

Hà Nội, Tháng 8-2010

Giọt buồn

Có nỗi buồn
Như dao cứa ruột.
Ngửa mặt : trời mây trắng buốt
Cúi đầu : đất đỏ lặng im
Âm thầm chảy vào tim
Từng giọt
Từng giọt

Đắng
Cay
Tuổi
Hòn
Chua
Xót !

Người chia,
Buồn không vội bớt
Người thương,
Buồn càng buồn thêm.
Giọt buồn
Lã chã
Đong đầy
Cốc đêm !

TRẦN HOÀNG THIÊN KIM

Chạy

Căn phòng đêm còn lại ta
Lời nói anh là gió
Lời hát anh ra bể
Ngạt ngào ta trầm hương
Ngạt ngào ta trong căn phòng lời thì thầm anh
Ta là mây trên không trung đôi tay
Anh hát chuyện tình bông cúc trắng
Anh thở vào đêm, đêm mê man
Anh nghịch đùa làn tóc rối
Anh chạm khẽ đôi môi lạnh
Ta đốt nhau bằng ánh nhìn
Căn phòng đêm ta tìm thấy ta
Nhưng ngón tay đan nhau đan nhau
Ta đang say giờ ta đang bay
Ta cùng ta mỉm cười, kia, cúc trắng...

Nhớ

Ngày bỗng xa như đôi cánh
Em ngược gió về
Em gọi anh
Những tiếng cười đứt quãng
Đã lâu không tìm nhau
Đầu mùa nắng hanh hao
Con ong về xây tổ
Con ong cần mẫn thế
Em ngăn ngợ nhìn
Mối tình đã lặng im
Hình như không ai biết
Hình như là thoáng qua?
Em trốn trong chiếc tổ mùa đông
Sợ mưa phùn, sợ bão
Sợ cả nắng xuân ngoài kia đang lên
Chỉ những phút nhỡ nhau
Bỗng kéo dài ngày tháng...

TẢN VĂN

KHÔNG VỘI VÃ, SAO GỌI SÀI GÒN?

LÊ NGUYỆT MINH

Một ông bạn, từ miền Bắc xa xôi, giữa tiết trời mùa đông, áo co ro lạnh, khăn quàng rùm rím quanh cổ, gào lên trên chat, send file cho tôi một bài viết về Sài Gòn của ông. Tôi đọc mà giật mình. Vì không hiểu, một gã "rau muống" như chính ông tự nhận với tôi, đang thông thả ngắm cái rét ngọt của miền bắc, sao lại có thể viết một bài kỳ dài hơi dằng dặc về Sài Gòn như thế, mà cái giọng văn hồi hã, đọc lên thấy nắng, thấy gió, thấy cả những dòng kẹt xe vô khối và ngập tràn những ngã tư đèn đỏ đông người. Mới hỏi: Sao ông có thể viết hồi hã được như thế, nhất là khi ông đang thũng thình với mùa đông? "Không hồi hã, thì còn gì là Sài Gòn của tao nữa?".

Nếu một người yêu Sài Gòn rồi, thì dù anh ta mới lần đầu tiên đặt chân tới đây, ắt hẳn sẽ nghĩ Sài Gòn là của anh ta đấy. Giống như ông bạn kia của tôi, mỗi năm chỉ ghé thăm Sài Gòn hai lần, sau những chuyến công tác làm một loạt những chương trình truyền hình. Rất hay, nếu yêu Sài Gòn rồi, khi đặt chân xuống sân bay, nghe người Sài Gòn chào hỏi lưu loát, tự nhiên cái tiếng Bắc sành sỏi lại muốn trở nên lưu loát theo, theo cái kiểu anh Hai Nam Bộ, đậm ra phát âm nó lại thành ngọng ngịu. Nhiều người cũng vì thế mà bị chửi oan là đồ... mất gốc.

Cái gốc của Sài Gòn có phải là một người phải sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn như người ta vẫn thường quan niệm cho "người Hà Nội gốc" bấy lâu nay? Có lẽ cái gốc ấy, nó chính là sự hội tụ sum vầy của người tứ xứ kéo về đây, không phân biệt vùng miền, nếu vui thì là bạn bè, ngày

thường chẳng thấy nhau đâu, nhưng khi hoạn nạn thì sẵn sàng có mặt. Lúc vui vầy, ào qua một cái, làm vài ly, rồi biến mất. Nhưng không vì thế mà cái tình nó nhạt đi. Vài năm sau gặp lại, vẫn tay bắt mặt mừng thật thân tình.

Sống ở Sài Gòn, sẽ có cảm giác thời gian trôi đi thật nhanh. Tới mức, nếu có suy tư về một bài thơ, cũng sẽ suy tư thật vội vã. Mọi thứ như bày trước mặt: ngày tháng, tiền bạc, yêu đương, giận hờn, công việc... cứ thì nhau ào ạt. Người ở Sài Gòn tiêu tiền rất nhanh, giận dỗi và làm lạnh cũng rất nhanh, thất nghiệp rồi lại có việc cũng rất nhanh. Và ngay cả yêu đương cũng... rất nhanh. Đường như người ta không có và dần dần đâm ra không cần cả cái tịch mịch, tĩnh lặng của tâm tư, suy tưởng.

Tôi nhớ mới hôm nào, khi ngồi trên máy bay, rời xa mùa xuân lạnh lẽo và cái Tết vừa kết thúc, lòng chùng chình nhớ nhà. Nhưng khi vừa đến sân bay, cái nắng ở đâu kéo tới, rất tự nhiên phủ đầy lên tóc, lên mặt. Thế là bao nhiêu áo quần rét mướt tút ra, bắt một chiếc taxi hoặc xe ôm, leo lên xe và tiến thẳng về cơ quan. Lại ào đi, hồi hã như chưa có những phút giây trầm tư trên khoang máy bay ban nãy.

Càng về cuối năm, Sài Gòn càng rơi vào một cảm giác hồi hã. Người ta hồi hã tổng kết, hồi hã mua sắm, hồi hã đi du lịch, hồi hã chia tay một người cũ và bắt đầu cho một người mới. Thật tự nhiên, hồi hã ngồi bên nhau coi đá banh, ào một cái, lại lao xe ra đường, có thể đi vùn vụt mấy chục cây số để tới cơ quan tận đâu đó trong thành phố làm việc.

Về cuối năm, Sài Gòn như chật hơn, căng lên và có lúc muốn vỡ ra một điều gì đó. Khi vào trong những nhà xứ,

người ta đã trang đèn kết hoa, những quả châu xanh đỏ bày bán rợp các góc hàng. Và những bài kinh thánh cũng như đang nhuốm cái khắp khời, chờ đợi của Noel đang về. Một vài người yêu đời, đã chẳng kín cây thông và những quả châu cùng với tranh ảnh liên quan tới mùa giáng sinh trong phòng khách và giăng lên mạng cho bà con chiêm ngưỡng.

Về cuối năm, những người bạn làm báo, xôn xao gọi nhau cà phê ăn trưa chong vánh, ào ào đặt bài nhau. Nói một lèo và ra cái hạn nộp bài trong nay mai rồi lại ào đi. Có lẽ công việc làm báo, chuẩn bị cho số tết là chộn rộn nhất. Mọi thứ, mọi người đều được đặt lên bàn cân, tính toán, cân nhắc thật sôi nổi và nóng bỏng.

Cuối năm, Sài Gòn âm ỉ những cái chau mày. Nhiều người như đứng trên chảo lửa, đi đi lại lại trong phòng không yên bởi không đòi được nợ, bởi thất nghiệp, bởi không vay được tiền ngân hàng trả lương cho nhân viên. Người ta như kiệt sức bởi chạy đua với thời gian, bởi hai chữ "cuối năm" cứ mỗi ngày một to ra, lớn lên và treo lủng lẳng trước mặt như một con bài thích bốn cọt, trêu đùa.

Về cuối năm, các nhà sách thì nhau những cuốn sách mới, bày bán những tờ tạp chí mới và các album nhạc nhéo mới. Ai cũng nói về cuối năm thật hồi hã, thật rộn ràng. Nhưng không hiểu sao, trong mắt họ, vừa chen lẫn những niềm vui, vừa xô đẩy những toan tính đời thường, vừa một nhọc vừa không thể nào mà không hăm hờ.

Bởi cuối năm, là lúc người ta phải tăng tốc thật nhanh, trước khi dừng lại, chậm rãi...■

ÔNG Đoàn Thứ, Bí thư Đảng ủy xã Triều Quang khựng lại. Đĩa dĩa chớ thiên vừa hiêng trên than củi sồi, nhưng vào mồm tôm thứ thiệt sấu bọt chanh tươi, đôi đũa đón khúc dĩa lên bát bông tọt xuống mép mồm, biết đấy nhưng ông thấy kệ. Ấy là lúc chiếc loa truyền thanh kể quán thịt chó Hồng Quyền - Mộng Huệ nơi chủ và khách đang ngồi, xa xa cả một bài thơ độc địa, xóc xía làm ông tối tăm mặt mày. Cử chỉ và thái độ khác thường của Đoàn Thứ, khiến đồng chí Việt Hồng cán bộ tổ

"bổng dung" ập đến. Đoàn Thứ lên giọng sấm sập:
- Này, đồng chí ơi. Với vị thế và trọng trách của nhà tổ chức, mong đồng chí quan tâm thực sự tới vấn đề nhân sự của Đảng bộ Triều Quang cho. Có thể đồng chí ước muốn giúp để tôi được trực tiếp trình bày về dấu hiệu của cái sự bất ổn trong dân trong đảng tại nơi này, và cũng có thể xin ý kiến mở hội nghị Đảng bộ bất thường, mời Bí thư huyện ủy về dự trước khi tiến hành Đại hội Đảng bộ chính thức, để tránh những chuyện đã rồi như Đại hội

đã định. Đi Tầu, đi Tây hay đi đâu đâu nữa là công việc đại sự của chính quyền, của quốc gia giao phó cho người có trọng trách đảm nhận. Sao lại ty nạnh. Sao lại ghen tức, hậm hực. Hấn ám chỉ lung tung thế này là cốt ly tan lòng dân với Đảng - Chính quyền; tình Đảng - Chính quyền với dân; nhân dân với cán bộ!
Đoàn Thứ cứ nói, Việt Hồng nghe hay không nghe cũng chẳng mấy quan tâm: Ngày mai cái làng này, cái xã Triều Quang này rồi sẽ âm oang như chợ vỡ. Người ta sẽ truyền tay, truyền nhời đọc

"Văn bản" triệu tập họp Thường trực Thường vụ Đảng bộ xã bất thường bằng điện thoại di động tức tốc truyền đi trong đêm đến đủ các vị tai mắt của làng, của xã. Cách thức ấy khiến ai cũng cảm thấy tính nghiêm trọng của sự vụ "chống đối" trên công luận bùng ra hồi sập tối. Hẳn nhiên Vĩnh Hà cũng được lệnh và cũng hiểu như vậy: Viết gấp kiểm điểm về việc phát bài thơ "chống đối" để trình hội nghị mở rộng ngay vào sáng mai!...
Đêm lặn sâu về phía trời Tây, đêm lặn sang cả mé trời Đông ấy vậy mà Đoàn Thứ vẫn không sao chợp mắt nổi dù chỉ một giây, một phút... Thân phận "Thối tù và hàng tổng" như Thứ nào được dư giả. Ở đâu, ở xứ trời nào trời nao người ta đưa chen bán chức, mua danh; người ta phong bì phong bao, quà cáp no đầy, nhà cao cửa rộng chứ ở cái xứ khỉ ho cò gáy này, nào ông đã hơn ai cái gì, cơ quắc của dân của làng cái gì cho cam. Tự dưng nghĩ đến vợ, đến con ngày đêm phải chịu nhận muôn bề khó khăn, thiếu thốn, dốn thời giờ vàng ngọc để mình chuyên lo việc dân việc đảng khiến ông giàn rụa nước mắt. Ấy vậy mà kẻ khốn kiếp lại cam tâm cho sấm sét nổ trên đầu trên cổ ông. Bất quá, ông thét toáng lên như kẻ thất thần. Tiếng thét đánh vang, len sâu tới tận rừng thẳm núi đầy:
- Không. Nhất thiết phải gột rửa! Phải trong sạch! Phải tẩy hết lũ phản dân, phản đảng!...
Cuộc họp bắt đầu. Bí thư Đoàn Thứ nói về tính nghiêm trọng của bài thơ mà ông quy gọn bằng mấy từ: "Thơ chống đối". Nghe ông láy đi láy lại về cái sự không đúng tên của bài thơ đã phát đêm qua, Vĩnh Hà cắt ngang nhời:
- Bài thơ phát chiều tối qua có tên là: "**Lời của Sếp**". Vậy thì tôi sẽ không có gì để nói về bài thơ của Bí thư đưa ra. Tôi không sai phạm nên không kiểm điểm!...
Máu mày, máu mặt Đoàn Thứ sôi lên, da dẻ bùng đỏ như vải Lục Ngạn cuối mùa. Ông nói, tiếng như phát ra từ kẽ răng rìn rít buốt thấu tận sống lưng sống cổ:
- Cái nguy hại. Cái nghiêm trọng. Cái độc địa. Ấy là anh dám cả gan mạo "**Lời của Sếp**". Mượn danh bề trên để kích động những phần tử chống đối. Cố ý hạ uy danh cán bộ của dân, của đảng. Đảng bộ rồi đây sẽ chỉ cho anh nhận rõ danh giới cái sai, cái đúng. Bí thư huyện ủy sẽ về dự để mở mắt cho anh nhìn thấu đáo hơn!...Hình như Đoàn Thứ vẫn còn chặt cứng những lời trong đầu trong bụng để chỉ giải cho "đối tượng" thì hai chiếc xe máy một đen một đỏ đeo ba đeo bốn sấm sập lấn tới tận cửa, sấn vào trước mặt Đoàn Thứ. Không một lời chào. Không một nhời xin lỗi. Người to cao, râu vênh, mày xếch như Bao Công, rúi tờ giấy vào tận mặt Bí thư, miệng choang choang:
- Đảng và Chính quyền xã tôi có văn bản chính thức phản đối Đài truyền thanh xã ông đêm qua phát bài: "**Lời của Sếp**". Thâm ý là để đánh vào Chủ tịch Chính quyền đương nhiệm của xã chúng tôi. Suốt từ đêm qua đến giờ người ta đưa nhau nhặt ghép câu chữ lại để nhạo báng Chủ tịch, gây nhộn nhạo, bất ổn trong dân, trong làng. Chúng tôi kiến nghị, các ông phải xử lý nghiêm khắc kẻ sai phạm và phải tháo bỏ ngay lập tức mấy chiếc loa đặt sát danh giới xã tôi!...
Tốp người ấy vừa đi khỏi thì xe bưu chính huyện chập tới: - Có điện khẩn của

LỜI CỦA SẾP

Truyện ngắn của NGUYỄN UYÊN

chức nhân sự huyện ủy phải "cấm trịch" đôn đốc:
- Sao thế. Ăn đi chứ. Tiếp nhau thế này thì buồn chết!
- Hồi thực. Đồng chí có biết tay nào vừa đọc bài thơ "chết tiệt" ấy không?
- Nghe câu được câu chăng. Giọng quen quen. Có nhẽ là người giấu sức cảm thụ văn học. Truyền đám lăm. Minh rất mê cái giọng ồm ồm ấy!
- Đó là thơ xây hay thơ chống đối? Chủ nhân của nó chính là "nhân sự" mà lúc sáng tôi chưa đồng nhất với đồng chí đấy!
- Thì ra, cậu ấy là Vĩnh Hà, trưởng đài truyền thanh của xã ta à. Mà này, nó là thằng cha có học. Nhìn tướng mạo và nghe cách nói là mình đoán định được!
- Học hành gì đâu. Thi vào Đại học báo chí hai năm liền trượt dài nên mới chịu co về với đất quê. Đã thế, trở về hần còn vênh vênh vào vào đọc những đọc cuối dặt thứ thơ lếu láo: "...**Vi ông tốt chữ nên không đố/ Không đố ông cang tốt bộ ngông**".
- Thơ ngông của cụ Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu đó. Theo mình, nó mượn nhời cụ ấy để tự khỏa lòng thì đã sao. "Học tài thi phận" ấy cũng là cách người đời tự an ủi nhau!
- Khi hần còn trong thời điểm đảng viên dự bị, tôi đã gặp riêng nhắc nhở: Đừng có khoáng khẩu. Ếch chết vì miệng đấy! Ấy vậy mà hần vẫn gân cổ cãi, giọng bâng bâng: Ông Bí thư xã nhà ta ơi, ngông như cụ Tản Đà mà từ vua quan đến dân chúng đời nổi đời vắn gọi tên, vắn sùng kính. Người đời còn vinh danh cụ ấy bằng thơ, đâu phải chuyện đùa: "**Nguyễn Khắc Hiếu còn ngồi đầu đố/ Gan Tản Đà sóng núi hóa thành tên**"!
- Giỏi, tay này được lắm. Có học thức, chịu nghe, chịu đọc. Không nghe, không đọc thì lấy gì để mở mang, để suy nghĩ, ứng xử, đối đáp!...
Cuộc hội thoại không định sẵn trên bàn ăn như xối nước dưa, nước muối lên mảy lên mặt Đoàn Thứ. Mặc cho bát nhựa mận vàng ươm sắc nắng, mặc cho vị giềng ngậy thơm trong những xiên chả nướng vẩn vương hương khói than hồng...nhưng bữa ăn vẫn tự ngắt nửa chừng nửa đoạn. Cổ họng nghẹn chặt. Miệng đắng ngắt. Bụng eo éo non hơi, non mồi...
Trước giờ chia tay, chủ và khách đón ép thời gian còn lại cho câu chuyện

lấn trước!
- Bí thư huyện ủy của ta đâu phải hạng người quan cách. Ông nên xem xét lại, việc Vĩnh Hà tung trên loa truyền thanh của xã bài thơ kia có đến mức hệ trọng như thế không?...Việt Hồng chưa dứt lời, Đoàn Thứ nẩy bông lên, giọng phẩm phạp:
- Chết chết. Chống Đảng. Chống lãnh đạo. Chống Chính quyền của nhân dân đến thế mà nhà tổ chức vẫn cho là không có gì hệ trọng ư? Vừa nói Đoàn Thứ vừa đưa bàn tay run run lấn vào túi áo ngực móc ra mấy tờ giấy nhàu nhàu: Đây là bản đánh máy đã phò tờ ra nhiều tờ tán phát lung tung; đây là bản thảo viết tay rành rành chữ của anh ta mà tôi có được từ bộ phận an ninh của xã. Giấy trắng mực đen sơ sơ cả đây. Chối bỏ sao được. Của nó. Nó viết ra. Nó phải gánh chịu. Đâu phải lời lẽ của kẻ trời tru đất diệt nào vào đây được nữa. Nguy hiểm. Liều lĩnh. Hần còn cả gan đọc trên đài trên loa vào cái thời khắc "nhảy cào" này. Thằng này là cứ phải trị. Phải dạy cho nó biết thế nào là lẽ phải, là chuyên chính, là tập trung dân chủ, là nguyên tắc trên dưới. Không thể để diễn cảnh "**Trên bảo dưới không nghe**" nẩy nở giữa đất làng quê vốn yên ả thanh bình này được đâu. Phải trị. Phải nghiêm trị đấy đồng chí tổ chức huyện ủy ạ. Nó là thằng làng nhăng láo lếu, thâm hiểm, độc địa, giám cả gan mượn "**Lời của Sếp**" để đánh đấm lung tung, coi trời, coi đất bằng vung, bằng chậu. Đồng chí ngẫm thử xem, đời thuở nào bảo vệ chế độ mà nó giám mở mồm loan phát tứ tung những lời cay độc như thế này cơ chứ: "**Chuyện ăn, chuyện nhậu của tao/ Chuyện suy chuyện nghĩ tao giao cho mày/ Đi Tầu, đi Mỹ, đi Tây/ Mở mang tám mắt, chuyện này để tao/ Lên rừng xuống biển gian lao/ Tao suy nghĩ kỹ, tao giao cho mày.../...**". Việt Hồng bật cười thành tiếng, đầu gật lia lịa, khiến Đoàn Thứ nổi óa, nhưng phải cố ghim nén: Này, đồng chí huyện ủy, có đời thuở nào cán bộ lãnh đạo lại ra giọng dạy bảo cấp giúp việc của mình như thế không? Nhìn xa ra, rõ ràng là nó cố ý đánh tận Thượng đỉnh, tận Trung ương, tận Liên Hiệp quốc chứ đâu phải chuyện chơi. Lãnh đạo nào mà chả có người giúp việc. "Thần thiêng nhờ thuộc hạ" là cái sự thiên định. Mà giúp việc là theo ý tưởng của lãnh đạo, theo căn chỉnh của chủ trương, đường hướng

"**Lời của Sếp**". Họ sẽ đánh mất, đánh nhừi xía xóc, mảnh khỏe cán bộ. Rồi, hần lại có thêm cơ hội tung hô trong dân, trong Đại hội; lại sẽ được cất nhắc vào chỗ thấp chỗ cao như bôn...Đồng chí biết không, Đại hội Đảng bộ lần trước, Ban nhân sự nhận thấy hần có chút ít năng khiếu văn hóa - văn nghệ, mạnh dạn phát biểu chính kiến của mình nên có đề tên vào danh sách dự kiến để Đại hội lựa chọn. Tên của hần, chúng tôi để cuối cùng, tức là không xếp theo vần an pha... Bằng chất giọng ngạo mạn, hần đúng phất dậy cảm ơn Đại hội rồi đây đấy xin rút. Lộn tiết tôi đồng ý ngay. Đại hội rõ lên: Không được, không làm tùy ý như thế được. Hãy tuân thủ Quy chế của Đại hội! Nối tiếp hàng loạt cánh tay phân phát giơ lên, cùng một tiếng nói: Chúng tôi không đồng ý để đồng chí Vĩnh Hà rút khỏi danh sách! Đã thế, một vị đảng viên lão thành còn chua thêm: Tôi đề nghị Đại hội cần để tâm đến những ý kiến đóng góp thẳng thắn vào văn bản Báo cáo chính trị Đảng bộ của đồng chí Vĩnh Hà. Ấy là, cần sửa lỗi viết mòn sáo, công thức; chủ trương nhiều nhưng chương trình và giải pháp thực hiện nhạt nhòa, thiếu sức thuyết phục. Thêm đó, trong chương trình "đột phá" cần tìm mọi biện pháp khơi gợi nội lực và sức năng động của dân mình để xây dựng nông thôn-nông nghiệp và nông dân mới... Nghe những lời này của đồng chí Vĩnh Hà lòng già này thấy thẳm lăm. Cho nên, tôi đề nghị đồng chí Vĩnh Hà không nên rút khỏi danh sách. Đề nghị Ban bầu cử làm đúng quy chế, xếp tên theo vần ABC. Tự do và nguyên tắc là phải vậy!...Đại hội ào lên: Nhất trí. Nhất trí!...Vấn sắc mặt lạnh lùng chỉ cốt chú tâm nghe, để ngấm ngấm, Việt Hồng nhỏ nhẹ:
- Thôi được. Tớ nghe đủ rồi. Chấp nhận ý kiến của cậu. Minh sẽ báo cáo Bí thư huyện ủy để Đảng bộ Triều Quang mở hội nghị bất thường tập trung giải quyết những vấn đề còn lẩn cấn. Nên gặp riêng Vĩnh Hà, trao đổi để cậu ấy trình bày sáng rõ ý kiến của mình khi đưa ra công luận bài thơ này! Nét mặt Đoàn Thứ bùng lên, giọng riu lại:
- Chỉ đạo của đồng chí, chúng tôi xin nghiêm túc thực hiện!
- Không. Minh không chỉ thị. Chỉ gợi ý thôi. Đừng đao to búa lớn. Vấn đề là lẽ phải và sự công bằng. Thế thôi!

Văn phòng huyện ủy! Bí thư nâng tờ giấy quá mặt, giọng mạch lạc: "Chánh Văn phòng huyện ủy thông báo để Đảng bộ xã Triều Quang được biết: *Đồng chí Bí thư huyện ủy sẽ về dự hội nghị bất thường của xã ta vào hồi sáng mai. Vậy thông báo để các đồng chí được biết, chủ động chương trình làm việc!*" Cởi lòng cởi dạ bởi được vớ thêm cộc, có được bảo bối trong tay, vậy là đã quá đủ khiến ông tự thấy chẳng tội gì phải tốn sức tốn nhời. Ông nhanh nhẩu gói cuộc họp lại bằng mấy câu ngắn gọn: Thế đấy. Vụ việc là vậy. Sự thế như thế. Đồng chí Vĩnh Hà cần nghiêm túc viết kiểm điểm nói rõ động cơ, nói rõ mục đích sáng tác khi công bố bài thơ trên đài. Những hệ lụy của nó gây ra từ bài thơ chống phá thâm hiểm ấy. Đồng thời các đồng chí trong tập thể Đảng bộ sẽ cho ý kiến chỉ rõ những sai phạm của đồng chí trong hội nghị sáng mai!... Khi mọi người lục tục nhổm khỏi chỗ ngồi thì Bí thư lại đưa lời với theo: -Tôi nhắc để các đồng chí rõ: Cuộc họp sáng mai của đảng bộ ta sẽ truyền thanh trực tiếp. Đồng chí Vĩnh Hà bố trí nhân viên chu đáo việc này để toàn dân được nghe, được biết. Mong các đồng chí thống nhất chỉ đạo và tổ chức thực hiện thật nghiêm túc!...

Phần nửa hội nghị bất thường còn lại của đảng bộ, danh chính ngôn thuận chỉ là đoạn phụ để đóng góp ý kiến về những sai phạm trong công tác tuyên truyền của Trưởng đài truyền thanh. Nhưng thâm tâm ai cũng hiểu, có sự vụ ấy mới có hội nghị này, nên tất thấy đều chăm chú lắng nghe, ghi ghi chép chép. Những người không ghi, không chép thì mắt dón theo mắt xoay xoay vào Bí thư huyện ủy, Bí thư Đảng ủy xã và "nhân sự" Vĩnh Hà...

Vĩnh Hà đứng dậy, nhún bước lên bục khán phòng thì Đoàn Thứ đưa tay, hất hàm ám hiệu: Đứng tại chỗ! Chả rõ có ai nhận ra thâm ý này, chứ thực lòng Bí thư Đoàn Thứ thấy phải có danh giới rõ ràng. Đây là chốn phân xử sai đúng chứ không phải chỗ bàn luận. Vĩnh Hà cất tiếng chào theo đúng nghi lễ rồi đồng rạc đọc bằng văn bản viết sẵn. Đoàn Thứ ra ám hiệu cho nhân viên kỹ thuật truyền thanh tăng âm lượng để nhân dân nghe thấu. Thóp được ý ấy nên Vĩnh Hà cố tình cất giọng cao hơn, mạnh mẽ hơn, mạch lạc hơn:

"Kính thưa hội nghị! Đồng chí Bí thư đảng ủy yêu cầu tôi viết kiểm điểm. Tự

xét thấy, không có gì sai phạm nên xin hội nghị cho phép tôi được đọc "bản trình bày" để làm sáng tỏ sự việc. Bài thơ *"Lời của Sếp"*, Ban biên tập chúng tôi cho phát trong chương trình: *"Toàn dân tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng"*. Trong lời tựa khi phát bài thơ này, chúng tôi có dẫn lời của Bác Hồ, trong bài báo *"Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"*, bởi trong cuộc sống thường nhật ở nơi này, nơi kia vẫn còn hiện tượng cán bộ chỉ lo vợ vên phần hơn cho mình. Minh chứng cho hiện tượng này, xin mời thỉnh giả nghe bài thơ (khuyết danh) - *"Lời của Sếp"*.

- Đồng chí Vĩnh Hà nói thiếu trung thực. Đoàn Thứ đứng dậy cắt ngang *"Thơ chống đối"*, chống đảng, chống chính quyền này, nó chính là sản phẩm - là con đẻ của đồng chí. Sao lại chối bỏ. Đây! Vừa nói Đoàn Thứ vừa giơ cao, dang rộng trang giấy có bút tích chữ viết của Vĩnh Hà trong bài thơ trên. Sự thật sờ sờ ra đó. Đồng chí nghĩ sao đây?

- Vâng. Đúng. Đó là chữ viết của tôi. Nhưng đáng tiếc tôi chưa đủ tài để sáng tạo ra những vần thơ bóc mẽ thói hư hỏng mà có sức lay động chao đảo lòng người đến thế!

- Thơ thần thế ấy. Anh nhặt ở xó xỉnh uest tập nào?

Bị xúc phạm quá đáng, nhưng trước hội nghị có quan khách dự, Vĩnh Hà vẫn tỏ ra lịch lãm, ôn tồn trả lời mọi cất vấn:

- Những vần thơ này tôi ghi âm được trong lần về dự sinh hoạt "Câu lạc bộ thơ cùu chiến binh" ở ngoại ô Hà Nội. Sơ xuất của tôi là không hỏi rõ tác giả của nó là ai. Vì ghi âm nên phải bóc băng, chép lại, thuê đánh máy để đọc cho rõ. Dù dưới góc độ nhìn nhận nào thì cá nhân tôi vẫn khẳng định: Đây là bài thơ xây dựng, giấu sức chiến đấu!...

Sự phẫn nộ ùn ập lên đầu lên mặt Đoàn Thứ. Ông đổ lời sấm sập:

- Chiến đấu hay đấu tranh? Đấu tranh hay chống phá? Sự thực phơi phao bằng chữ bằng âm giọng cả đó. Vậy thì hãy diễn lại nguyên thơ "xây" của anh cho hội nghị rõ là xây, phá, hay là chống đối!...

.....

- Thôi. Khởi phải đọc!

Bí thư huyện ủy đứng dậy. Đĩnh đạc bước lên lễ đài. Rất nhanh, Đoàn Thứ lại ám hiệu để nhân viên kỹ thuật truyền thanh chú tâm hơn đến âm lượng truyền phát ra làng ra xã để họ cùng nghe cùng biết. Cả khán phòng dón mắt lên Bí thư

huyện ủy. Khuôn mặt đôn hậu. Đôi mắt thân thiện. Ông đón nhận mọi ánh mắt của đồng chí mình trong vẻ chờ mong, chỉ bảo, chỉ chiết, phán xét, tức bực gì gì đấy. Nào ngờ, giữa khung cảnh bức bả như thế Bí thư huyện ủy lại biến hội nghị thành diễn trường sinh hoạt chính trị-tư tưởng, pha chút văn hóa- văn nghệ sôi động làm háo hả lòng người. Ông mở đầu chỉ mấy nhời: Tôi đề nghị vỗ tay hoan nghênh hội nghị với sự có mặt đông đủ của đảng viên Đảng bộ xã ta! Khi những tràng vỗ tay xẹp xuống, ông nói: Tuy tốn kém thời gian nhưng sinh hoạt như thế này, vào thời điểm này cũng gọi là có lý, nếu biết chọn một cách khác gọn ghẽ hơn. Nhưng thôi. Chuyện đã thế thì phải thế. Trước tiên tôi hoan nghênh *tấm lòng tốt*, dứt mực thủy chung với dân với Đảng với Nhà nước của Đảng bộ Triều Quang mà đứng đầu là Bí thư Đoàn Thứ. Tôi cũng rất hoan nghênh cái *tấm* giấu thiện ý của nhà Đài mà tiêu biểu là đồng chí Vĩnh Hà!...Tôi đây thì hình như những ánh mắt háo hả đã có phần dò xét, khám đuối tới từng ngón từ, từng cử chỉ, từng dáng điệu của Bí thư. Ông cất giọng nhận xét nhưng vẫn hào hởi: Tại đây, tôi thấy *lòng tốt* và *cái tấm* chưa gặp nhau nên đã gây xung đột. Chính vì *lòng tốt*, chính vì *cái tấm* nên chúng ta dễ bức xúc. Các đồng chí đều biết, đó đây, cho dù chỉ là hiện tượng, cho dù chỉ là cá biệt vẫn cộm lên tình trạng cán bộ lãnh đạo chỉ nhằm nhằm lo vun vên cho mình, chỉ muốn "mọi người vì mình", họ coi đó là lòng tốt của người với mình. Họ lấy tiền bạc của Nhà nước của người lao động để ăn uống chè chén bê tha; không đọc báo, không nghe đài, không học hành, chỉ lo hãnh tiến. Họ đặt mình lên trên hết. Chẳng nói đâu xa, xã liền kề ta đây, mới rồi huyện chọn đích danh một nông dân làm đất giao rừng giỏi đi tham quan nước ngoài. ấy thế mà ông Chủ tịch xã tốt lên thế chỗ sang Tây, gây nên lộn xộn không đáng có. Chúng tôi sẽ xử lý nghiêm vị này. Rồi nữa, đây đó vẫn diễn cảnh lợi dụng, biến tướng nghĩa đúng của *thư ký* giúp việc thành con chim mồi để câu lợi, câu lộc, thành "bồ bịch" vẩn vít. Hỏi làm sao mất thành của nhân dân, của nhân viên, của công nhân, cán bộ lại có thể cho qua. Tệ hại hơn, nơi này nơi nọ, thậm chí ngay cả những tỉnh núi non xa xôi hẻo lánh, Chính phủ phải tài trợ, nhân dân, doanh nghiệp phải góp sức xóa đói giảm nghèo cho họ. ấy vậy mà vẫn ế hế ông quan tỉnh, quan huyện thì nhau mua đất, cất biệt thự sang trọng ở Thủ đô, ở ven biển cho con cái và

cho mình trước lúc về hưu. Họ sống bản nên xử sự, ứng xử cũng bản thủ. Ai nhe nhe đấu tranh, góp ý thì họ chẹn họng, răn đe. Như thế, hỏi làm sao chúng ta có thể đi đến cùng mục tiêu xây dựng xã hội: *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*!...Ông dừng lại giây lát rồi chuyển sang bàn luận: Cho nên theo ý tôi phải chỉnh đốn cán bộ lợi dụng quyền chức để trục lợi cá nhân. Phải chỉ đích danh đích diện những vị lãnh đạo biến bạch, cản ngăn đấu tranh phê bình. Muốn thế, cần phải vạch mảnh khỏe trong việc làm, trong cư xử của họ để quần chúng tham gia kiểm tra, giám sát...Bài thơ *"Lời của Sếp"* cứ tạm xem là một cách để nhân dân dựa theo đó tham gia kiểm tra, giám sát! Nào ngờ, nói rồi, ông khoanh tay ra phía sau, cất giọng sang sảng: *"Chuyện án, chuyện nhậu của tao/ Chuyện suy chuyện nghĩ tao giao cho mày/ Đi Tầu, đi Mỹ, đi Tây/ Nắng cao tắm mát-việc này để tao/ Lên rừng, xuống đợc gian lao/ Tao suy nghĩ kỹ, tao giao cho mày/ Thư ký trẻ đẹp chân dài/ Nếu mày tuyển được thì mày cho tao/ Phê bình lãnh đạo cấp cao/ Hôm đó tao ốm, tao giao cho mày/ Bí thư quà tặng hàng ngày/ Mày đừng dưng đến thì mày không sao/ Ấn ố là việc của tao/ Còn chuyện đổ vò tao giao cho mày!*... Ngừng lời, ông nhướn người về phía trước. Tiếng vỗ tay nổi lên như sấm dậy. Cho nên Bí thư huyện ủy nói tiếp, cái quan trọng là thái độ và cách nhìn. Người lãnh đạo phải có lòng tốt. Nhưng lòng tốt phải chứa đựng *tinh cách mạng* theo hướng phát triển của thời đại. Đừng nhìn hẹp nơi mình ở. Ví như cái làng, cái xã này thì bói đâu ra chuyện ấy. Vậy thì bức bối làm gì cho nhọc lòng nhọc xác. Cho nên, làm cách mạng, làm tuyên truyền là phải có *tấm sáng, lòng trong*. Nhưng cái *tấm* phải đặt đúng nơi, đúng chỗ, đúng thời điểm. Nghĩa là tuyên truyền sao cho đúng, trúng, hay! Thế thôi. Các đồng chí thấy sao? Hội nghị bật cả dậy. Liên tiếp những tràng vỗ tay nổi nhau không ngớt. Ông nói lớn: *Xin thưa! Bài thơ này là của tôi!* Đàng trên tờ Luận Đàm!...Tiếng vỗ tay nổi nhau ran lên. Phía dưới, Vĩnh Hà nước mắt buông dài, đôi bàn tay chụm chặt, hướng lên khán phòng vài trợn ba vài rồi úp mặt xuống bàn. Phía bên, vầng lời Bí thư Đoàn Thứ: - Vâng. Thì ra...thì ra... Lại chính là *"Lời của Sếp"*!■



Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY

Trích trường ca

A simple line drawing of a row of houses. The houses have gabled roofs and several windows are visible. The drawing is done in a sketchy, hand-drawn style.



Ở PHÒNG VIẾT CỦA NHÀ VĂN ĐỖ CHU



Chỉ vài năm nữa là đến tuổi 70 mà vẫn vui vẻ, đi nhiều, viết nhiều như lúc còn trẻ. Trong câu chuyện với bạn bè, ông là người nỏ chuyện. Chuyện gì cũng sôi nổi và có chính kiến, sắc sảo, quyết liệt. Nhàn nhàn vốc hạc, cởi mở, vui thì khơ khớ hồn nhiên. Nhiều khi bức xúc có thể phản pháo bằng những ngôn từ mạnh bạo khiến người yếu bóng vía đâm hoảng. Và hình như sự thâm trầm thường ẩn dưới một vẻ ngoài lãng băng.

nay được mở ra, được nhìn nhận một cách bình tĩnh và thẳng thắn. Cũng vui khi được dư luận xem là một trong những nhà văn thời đổi mới có thành tựu. Năm 1989 in tập *Mảnh vườn xưa hoang vắng*, sau đó là *Một loài chim trên sông* 2002, nó được giải thưởng Hội Nhà văn VN, rồi giải thưởng văn học Asean, sau đó là *Tản mạn trước đèn* 2004, *Thăm thăm bóng người* 2008. Sắp tới sẽ cho in cuốn *Đường xa* nói về người Việt ở nước ngoài. Người Việt mình cần kiêu mà nghèo lắm, vất vả và lam lũ lắm, đâu cũng thế. Ông đã hài lòng với những trang viết của mình chưa?

Trưởng ban Nhà văn trẻ, vậy ông có bận mà với những sáng tác của lớp trẻ không?

Nhiều người trong số đó rất có tài, nhưng nói chung thì nên chắc chắn hơn, càng sớm càng tốt. Có bạn trẻ bảo: bây giờ chúng em phải viết khác. Nhất trí thôi, nhưng có khác thì tình cảm con người vẫn phải giống nhau: yêu thương dân tộc và đất nước.

Ông có quan tâm đến văn học mạng không?

Công nghệ thông tin là một sáng tạo lớn của loài người, nó làm thay đổi cả diện mạo đời sống, nhưng theo tôi không có cái gọi là văn học mạng. Đó là những trang viết cầu thả, thông tin nhanh nhưng láo nháo. Cái nghề này phải lâu, không ăn xổi được đâu.

Nói đến đây bỗng ông ngồi thừ ra, nhấp ngụm bát chè tươi. Tôi nhìn mấy bức tranh treo trên tường. Mấy bức siêu thực. Chân dung nhà văn Kim Lân. Nhà triết học Trần Đức Thảo. Nhà thơ Phạm Tiến Duật. Có cái ông vẽ, có cái bạn bè vẽ.

Ông bắt đầu vẽ tranh lâu chưa?

Cũng tới 30 năm rồi đấy. Có cái vẽ tặng bạn bè, có cái vẽ bán. Hôm nào tiện tôi sẽ vẽ em.

Vậy ông cũng là họa sĩ nổi tiếng rồi đấy nhỉ?

Dấu hiệu bán tranh không nói lên gì cả. Có những bức rất đẹp nhưng chả có ma nào mua. Nhiều người xem việc mình vẽ là độc chứng, nghịch xằng. Tự thấy có thể thật.

Cũng đã có một số nhà văn vẽ tranh và mở triển lãm, ông có định...

Không, bây giờ lại mang vẽ, thế là hão. Phải nghĩ về tính hiệu quả. Nhà văn thì phải có tác phẩm để mọi người đọc, đừng vô ngục giải thưởng này nọ. Giải thưởng mà cứu được tác phẩm thì khối người đã được bạn đọc gần xa xem là thiên tài. Nhưng trong thực tế đâu có vậy, dân chúng đâu có nhầm.

Mấy hôm nay ông viết gì?

Tôi đang viết bài cho tạp chí *Nhận quyền* sắp ra mắt. Rồi tôi tập làm thơ, không thường xuyên, lúc nào hứng thì làm. Làm là để hiểu bạn bè mình hơn. Làm thơ vất vả lắm chứ không dễ dàng như mình vẫn tưởng. Văn học ta có nhiều bài thơ hay, có nhiều nhà thơ lớn. Một dân tộc yêu thi ca. Đêm qua ngồi đọc *Tạp chí Thơ* mới ra, thấy Bằng Việt, Hữu Thỉnh đều có thơ hay. *Bất chợt/Hiếu tiểu sử dòng sông/Từ bụi đất bám trên cuộc cây chưa kịp rửa*. Đây là những câu rất hiếm. Hữu Thỉnh chưa có bài thơ nào nói riêng về đất nước, ấy vậy mà thơ anh nhìn chung là rất đất nước. Đất nước có ở trong những phút thăng trầm nhất, riêng tư nhất của mỗi chúng ta, mỗi nhà văn, đâu có đơn đến mấy thì sau lưng nó lúc nào cũng vẫn có một đất nước nhìn theo và nâng bước.

Chưa dứt câu, ông đã di chuyển ra chiếc ghế con bên bàn nước làm mỗi thuốc lá, quăng khói trắng cuộn lên vẩn vút một cách bí ẩn. Rồi ông dắt tôi vào phòng vẽ ngón ngang bằng màu, giá vẽ, bút lông với những bức tranh còn đang dang dở.

TỔ LAN thực hiện

C HỒ quen biết, vì ông là cộng tác viên lâu năm của báo, nhưng dường như bị ông át vĩa nên cứ lần lữa tôi mới tìm gặp ông. Vòng vèo mãi mới đến được khu chung cư ở phố Đội Nhân đối diện nhà tang lễ bệnh viện 354 - nơi mà ông bảo ngày nào cũng đóng cửa sổ để khỏi phải nghe những lời vĩnh biệt các "cán bộ ưu tú, người cha mẫu mực của gia đình". Ấy thế mà, vừa vào tới cửa, ông đã té tát vì tội ngơ ngẩn tìm nhà của tôi qua mấy đi động. Ông là người dị ứng với đi động và các loại máy móc ở đời, ăn trộm ngấm, uống trà tươi, gần tự nhiên. Biết vậy nên tôi chỉ cười.

Từ khi bắt đầu cầm bút, ông cũng đã lãng nhàng thế này. Thôi thường văn nghệ sĩ hay gần với rượu bia khiến nhiều người phát tướng, thế mà vẫn cứ thấy một Đỗ Chu thanh mảnh, có lẽ bởi ông là người nhậu ngắn quá chăng?

Nói đúng ra tôi bắt đầu cầm bút từ những năm cuối phổ thông. 1962 đã có bài đăng ở tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (TC VNQĐ). Gần nửa thế kỷ cầm bút rồi. Đầu năm nay khi nghỉ hưu, đi khám sức khỏe tổng thể, các bác sĩ bảo lục phủ ngũ tạng của cụ còn tạm làm việc được.

Vậy là từ thời cha sinh mẹ đẻ, cái tạng ông đã thế ư?

Thuở bé tôi bị hen, lại thêm chuyện ra mồ hôi tay, cầm bút viết cứ phải kê một miếng giấy thấm. Như hôm nay trở trời, mồ hôi lại đang túa ra đây này. Đọc báo SK&DS thấy nói bệnh này khó chữa, mà tôi cũng không định chữa, sống chung với nó từ nhỏ rồi. Trong cuộc sống, mọi khó khăn, thách thức mình cứ im lặng và chấp nhận vui vẻ. Thành ra cứ gây yếu thế nhưng trời vẫn cho sống để làm việc.

Nghe nói ông là người được văn chương ưu ái?

Không chỉ có văn chương ưu ái, mà chính là tôi được cuộc đời ưu ái, nhất là các chị, đó là một may mắn lớn. Thời chiến thì đi bộ đội, vào làm lính cao xạ, rồi cứ túc tắc viết. Họ thấy mình viết được, có bài đăng ở TC VNQĐ nên lãnh đạo gọi về làm công tác tuyên truyền. Thời đó viết bút ký. Thực ra là mình không vất vả bằng anh em trực tiếp chiến đấu. Làm lính nhưng chỉ viết văn. Sống trong quân ngũ nhưng nhiều lúc đi lại còn lêu lêu chân, các anh đi trước nhìn tôi vừa độ lượng, vừa có ý chờ đợi. Những năm tháng đó tôi được diu dặt rèn luyện nhiều. Vất vả nhưng rất cần thiết cho một đời viết.

Vậy là nghề văn đã không nhầm khi chọn ông làm đệ tử?

Hồi ở nhà tôi học hành chênh mảng lắm chứ chẳng giỏi giang gì. Thuở bé đã có đôi chữ Hán do các cụ trong nhà dạy. Xưa mình là con cháu nhà khá giả ở quê, họ hàng nhiều người học hành, chữ Tam quốc diễn nghĩa, *Tây du ký*, 18 - 19 tuổi

đã có thể đọc thơ Đường, thơ Tống. Chữ nho sớm cho mình cái phong văn hóa. Nói chung tự học là chính, mãi sau này lãnh đạo cũng tạo điều kiện cho đi học viết văn ở Quảng Bá. Khi cầm bút thì cứ viết thực mạng chứ chẳng để ý theo phương pháp gì đâu. Không mấy tin vào các phương pháp, xem ra ba hoa láo toét nhiều lắm. Xúc động thì viết, chịu khó suy nghĩ thêm mà thành, thế thôi. Năm 1963 được giải truyện ngắn *Hương cỏ mật*, rồi cứ vài tháng lại in một truyện, có cái vốn từ độ ấy.

Cũng từ đó, đọc giả quen dần với tác giả Đỗ Chu. Cái tên Đỗ Chu có ẩn ý gì không ông?

A, bố họ Chu, mẹ họ Đỗ, tôi lấy hai họ sinh tôi làm bút danh. Tên khai sinh là Chu Bá Bình. Một cái bình lớn, nó rộng, có sức chứa nhất định.

Nói đến Đỗ Chu trong sáng tác, người ta nghĩ ngay đến các truyện ngắn và tùy bút. Câu chữ cũng cứ mộc mạc như khẩu khí ngoài đời vậy.

Đúng thế đấy, người ta gọi tôi là nhà văn của truyện ngắn và tùy bút. Có một lần cũng viết tiểu thuyết nhưng không thành công. Thời chiến, nhiệm vụ được giao là viết phục vụ chiến đấu. Nói chung ai có kỹ tích dưng cầm thì lần vào ca ngợi thành tấm gương cho mọi người cùng học tập. Thời đó là phóng viên chiến trường nên hàng hải lắm. Cũng viết được cả trăm bài báo, hàng chục tập sách. Lúc chuyển ngành chỉ là thượng sĩ, chẳng cán bộ bốn túi hay huân chương gì, nhưng cũng không dám thối mác. Tự thấy, tài năng có là bao, đóng góp cũng có là bao. Giữa một cuộc chiến tranh khổng lồ, bé bọ, rất nhiều hy sinh, đổi rết, gian khổ mà mình lại được làm cái việc cầm bút đầu sao cũng được xem là còn nhàn nhả. Giải ngũ đầu tiên thì về bên điện ảnh, sắp cho đi học ở Liên Xô thì lại có lệnh chuyển về Hội Nhà văn.

Về Hội Nhà văn, ông được đón nhận như một đồng nghiệp ngang ngửa văn tài. Có người nhận xét ông là nhà văn đọc nhiều, sức nhớ tốt, quan sát tinh tường, sắc sảo. Những năm sau này, ngồi bút ông thường hướng về vấn đề gì?

Làm gì mà được thế, ngồi ở Hội Nhà văn lúc đó còn đang có rất nhiều đắng bực. Các cụ đều là thấy mình, ngang ngửa làm sao được. Tôi về đó còn kịp được ăn bữa cơm tiễn nhà văn lão thành Nguyễn Công Hoan về nghỉ ngơi. Vài năm sau cụ Tuấn mới về. Thế cũng là một may mắn lớn, mình là đứa nhỏ coi cha sớm, trong bộ đội có các đồng chí cao tuổi đi trước thì là anh, là chủ, ra ngoài này thì họ là bác, là cha mình, ở đâu cũng tìm ra thấy học. Thời bình số phận con người được đặt ra rộng rãi hơn. Tôi luôn hướng về việc ngời ca con người với những phẩm giá tốt đẹp. Bắt đầu vào đời mới thì viết sướng hơn, những vùng cấm

Thực ra, những gì muốn yêu thương, muốn trân trọng một đời thì đã nói được nhiều rồi đấy, nhưng mới ở một mức độ. Còn cái sự thật về chính mình trước một hoàn cảnh thì lại chưa. Cũng thấy tiếc những năm tháng vừa rồi, giá viết căng hơn một chút, thật hơn một chút thì chất lượng trang sách sẽ tốt hơn nữa. Xưa nay người ta thường nói chân thiện mỹ, chứ không ai nói mỹ thiện chân. Cái thật phải được đặt lên hàng đầu. Chúng nào chưa thật là cũng chưa thể có thiện và mỹ đâu. Giả dối là cái tối kỵ, nhất là trong văn chương. Mà hình như nó cũng không phải chỉ là cái tối kỵ của riêng văn chương đâu. Chúng nào đã sa vào giả dối, không giấy ra nổi là còn lung tung to. Với mỗi nhà văn, trung thực phải luôn luôn là một phẩm hạnh không thể thiếu.

Văn chương có đủ nuôi sống ông và gia đình không?

Không có lương thì không đủ nuôi con cái đâu. Tôi chẳng làm công việc gì ngoài viết văn, những người khác vất vả hơn nhiều, họ phải kiêm nhiệm thêm việc ở nhà xuất bản hay tờ báo nào đó chẳng hạn.

Vì họ nhận thấy năng lực sáng tác của ông hay vì thấy ông không có năng lực quản lý?

Chắc là cả hai.

Và hôm nay có thể hình dung về một Đỗ Chu thế nào nhỉ?

À thì vẫn là một ông nhà văn vẫn nghĩ, vẫn đi đây đó, vẫn đọc và viết, thế thôi.

Lắm lười thế, có bao giờ ông cảm thấy đơn độc trên con đường riêng của mình không?

Mỗi nhà văn đều phải tìm một con đường riêng cho mình trong sáng tạo nghệ thuật, điều ấy là sống còn. Cô đơn là thuộc tính của những ai thực sự sáng tạo.

Ông để râu từ bao giờ vậy?

Mới đây thôi, độ nửa năm nay, cho vui ấy mà.

Dạo này ông sống ra sao?

Sống xuyên xoang quen rồi, không chè mạn, chỉ nước chè tươi bằng bát như em thấy đây và hút thuốc lạt. Nay mỗi tuổi mỗi già, các cháu cũng đã trưởng thành cả. Chỉ có mấy tuần nay đang đi chơi bên Trung Quốc, vừa từ Tây An gọi điện về nhắc chống ăn ngủ đúng giờ. Nhưng tôi lại nghĩ, làm một thằng đàn ông mà ăn ngủ đúng giờ, uống nước lọc quanh năm, không thuốc, không rượu, không rong chơi, thì nếu không sắp ốm nặng cũng dễ bị vợ bỏ vì vô duyên.

À, nghe người ta nói có thời ông là

MỘT VỤ VI PHẠM BẢN QUYỀN LỘ LIỄU

NGUYỄN THỊ MỸ DUNG

MÙA hè năm 1998, tôi sang Pháp theo lời mời của vợ chồng cô em gái và cùng chung sống với họ trong trụ sở của Đại sứ quán Việt Nam tại Paris. Chỉ em chúng tôi may mắn được tham gia một chuyến tham quan miền Nam nước Pháp do Công đoàn Đại sứ quán Việt Nam tổ chức. Khi đến thành phố Marseille, chúng tôi được Chi hội Người Việt Nam tại Pháp ở đây giới thiệu qua về câu chuyện tình cảm động của bà Trần Thị Quý và ông Michel Bouteille. Chúng tôi đã dành một buổi chiều đến thăm ông bà Bouteille tại nhà riêng, được nghe chính ông và bà kể lại câu chuyện tình của mình bằng cả tiếng Pháp và tiếng Việt, đồng thời được xem quyển sách ảnh (cổ lớn) của gia đình mà trang đầu là mấy dòng chữ viết tay rất nắn nót bằng tiếng Việt của chính ông Michelle Bouteille:

"Năm 1938, ở Việt Nam, tôi phải lòng một cô gái thông minh lắm, xinh đẹp lắm. Năm mươi năm sau, tôi cứ yêu cô ấy như ngày xưa!"

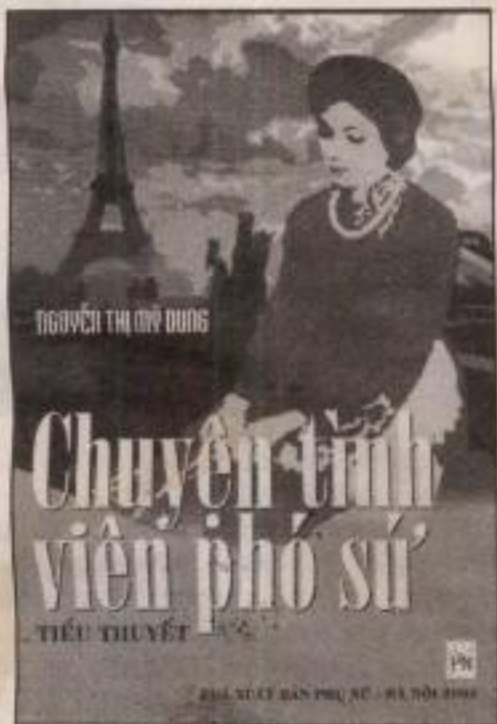
Bỗng nhiên, tôi nảy ra mấy vần thơ, chép tặng ngay đôi vợ chồng Pháp-Việt có mối tình "kết nên thơ" với tất cả lòng cảm mến và thần phục của tôi:

*"Đang dang ba lăm năm đợi chờ
Gặp lại nàng anh ngỡ trong mơ
Người xưa nghĩa cũ còn nguyên mới
Duyên tình Pháp-Việt kết nên thơ!"*

Và tôi ngỡ ý muốn viết một cuốn sách về câu chuyện tình cảm động của hai ông bà. Được biết tôi là một nhà văn, ông bà Bouteille rất vui và hứa sẽ chuẩn bị tài liệu để cung cấp cho tôi viết. Thế rồi, trong thời gian công tác tại Đại sứ quán Việt Nam ở Paris, vợ chồng em gái tôi đã nhiều lần chuyển về cho tôi những tài liệu của ông bà Bouteille gửi: đó là những bức ảnh gia đình, ảnh hai ông bà thời trẻ, lúc già..., những lá thư của người thân gửi cho bà Quý, những bài thơ "tâm trạng" (mỗi tập viết) của bà Quý..., đặc biệt trong đó có hai tập ghi chép dưới dạng hồi ký (hàng mấy chục trang) của ông (bằng tiếng Pháp) và của bà (bằng tiếng Việt).

Bà Quý đã nhiều lần gọi điện về động viên tôi, viết thư kể với tôi về những chuyến du ngoạn và về đám cưới của hai ông bà... Bà còn gửi cho tôi những coupon, "thêm vào chút tiền trang trải thư đi, thư về" (chữ dùng của bà).

Trong năm 1999, giữa tôi và bà Quý đã có những thư trao đổi, bàn về thể loại, bố cục, và nội dung của cuốn sách, trong đó, chúng tôi đã thống nhất sử dụng thể loại tiểu thuyết, có



sự thay đổi nhiều tên đất, tên người và hư cấu nhiều chi tiết...

Tháng 12 năm 2000, tại Hà Nội, bản thảo cuốn tiểu thuyết viết về ông bà Quý của tôi hoàn thành, tôi đã gửi sang Marseille để ông bà Quý xem và góp ý kiến. Trong thư gửi về và cả qua điện thoại, bà Quý rất vui, song cũng tỏ ra có chút áy náy rằng có những điều bà mong muốn mà chưa thực hiện được (chẳng hạn chuyện góp tiền xây dựng trường tiểu học cho quê nội, quê ngoại, chuyện đưa cả chồng, con, cháu hồi hương...) nay viết thể liệu có bị mang tiếng?... Khi nghe tôi giải thích: đây là tôi viết tiểu thuyết thì có nhiều hư cấu (nghĩa là bịa, không thật) chứ tôi không viết hồi ký (là hoàn toàn thật) của ông bà, bà đã yên tâm hẳn.

Đầu năm 2005, tiểu thuyết "Chuyện tình viên phó sứ" của tôi được Nhà xuất bản Phụ nữ chính thức phát hành với Giấy chấp nhận KHXB số: 82/19/XB-QLXB ký ngày 11-1-2005. In 1000 cuốn, khổ 13x19cm, tại xưởng in Công ty Thanh Xuân. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2005.

Cuốn tiểu thuyết này ngay khi mới phát hành đã gây xúc động trong đông đảo bạn đọc. Dịch giả Phan Văn Cát đã viết bài giới thiệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Pháp trên tờ "Hữu nghị Việt- Pháp", số 5-2005 (bản tin của Hội Hữu nghị Việt- Pháp) với nhan đề: **"Một thiên tình sử Pháp-Việt tuyệt vời"**. Độc giả



Lê Đình Tự 86 tuổi (hồi năm 2005) là người cùng quê với bà Quý (hiện ở Quảng Ninh) đã viết thư cho ông bà Bouteille và gửi thư bằng cả hai thứ tiếng (Việt-Pháp) cho tôi (tác giả).

Ông viết: **"...Tôi đã đọc đi đọc lại tỷ mỉ, kỹ càng nhiều lần cuốn tiểu thuyết tuyệt vời của 'toi'" ("Chuyện tình viên phó sứ"). Tôi thực sự cảm động sâu sắc trước lòng chung thủy đáng ngưỡng mộ và nghị lực bất khuất của bà Quế dành cho người yêu khác giống (viên phó sứ Michel Butée). Bà đã phải vượt qua vô vàn khó khăn trong cuộc sống vật chất và tinh cảm thời gian dài hơn 1/3 thế kỷ"...**

Độc giả Phan Thị Minh ở Đà Nẵng, con gái cô học giả Phan Khôi đã viết bài thơ "Cảm để chuyện tình Pháp-Việt". Độc giả Lương Đăng Trình ở tỉnh Bình Định đã làm ba bài thơ bày tỏ cảm xúc của mình về từng nhân vật chính và mối tình "đẹp như trăng rằm" của hai người để nhớ chuyện cho ông bà Bouteille.

Cuốn tiểu thuyết "Chuyện tình viên phó sứ" đã được gửi sang Pháp cho ông bà Bouteille và ông bà đã có thư bằng tiếng Pháp cảm ơn tôi (tác giả). Ông Bouteille cũng đã có thư hồi âm bằng tiếng Pháp gửi ông Lê Đình Tự. Từ đó đến nay, tôi vẫn giữ liên lạc với bà Quý và gia đình một người em họ của bà Quý hiện đang sinh sống tại Hà Nội. Vào dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám-2005, đoàn truyền hình đi theo Thủ Tướng Phan Văn Khải (có phóng viên trẻ Quang Minh) đã về tận

Marseille trò chuyện và ghi hình về ông bà Bouteille (đôi vợ chồng Pháp -Việt có cuộc tình đã đi vào tiểu thuyết), dài 45 phút. Về nước, rút gọn thành 7 phút, phát nhiều lần trên VTV1, VTV3 và VTV4. Phóng viên Quang Minh đã sang cả hai tầng (45' và 7') tặng tôi và tôi lại sang cả hai tầng hình đó gửi tặng ông bà Michel Bouteille. Khi nghe tin ông Michel Bouteille qua đời, tôi đã gửi thư chia buồn. Bà Quý đã có thư cảm ơn và bày tỏ nỗi niềm tâm sự sau khi chồng mất.

Tối ngày 25-11-2010, tôi được gia đình người em họ của bà Quý ở Hà Nội báo tin là mới nhận được một cuốn sách tiếng Pháp viết về mối tình của ông bà Bouteille do bà Quý gửi về nhờ đọc xem thế nào, vì bà Quý không đọc được tiếng Pháp. Đó là cuốn sách "à toujours ma concubine" của tác giả Trần Thị Hào, Nhà xuất bản L' Harmattan, phát hành khoảng tháng 8-2010.

Gia đình người em họ bà Quý thoát đầu rất vui vì thấy có người ở Pháp viết sách tiếng Pháp về chuyện tình của anh chị mình, đã gửi thư điện tử cho Trần Thị Hào với ý định dịch ra tiếng Việt. Nhưng sau khi dịch xong hai phần đầu của cuốn sách "à toujours ma concubine" thì nhận ra cuốn sách này chỉ là bản dịch của cuốn tiểu thuyết "Chuyện tình viên phó sứ" mà tôi đã tặng gia đình họ từ mấy năm trước. Anh Linh là con của người em họ bà Quý đã gửi tiếp thư điện tử (lần thứ 3) cho Trần Thị Hào, vạch trần việc giả mạo này và yêu cầu chị Hào giải thích, nhưng chị Hào không trả lời.

Bức xúc trước sự việc đó, anh Linh đã gọi điện thoại cho tôi, kể lại sự việc. Tôi đã đến nhà riêng anh Linh để mượn cuốn sách của Trần Thị Hào, ở đó, tôi được bà cụ mẹ anh dịch cho nghe nhiều đoạn tiếp theo (trong phần chưa dịch). Tôi lại cũng đã đưa cho mấy người giỏi tiếng Pháp dịch cuốn sách "à toujours ma concubine" để so sánh với cuốn "Chuyện tình viên phó sứ" của tôi. Họ đã thống kê giúp tôi: trong tổng số hơn 160 trang viết của cuốn "À toujours ma concubine" (không kể các trang trắng và tiêu đề) thì có tới gần 125 trang là dịch nguyên văn từng câu, từng chữ hoặc phỏng dịch từ cuốn tiểu thuyết "Chuyện tình viên phó sứ".

Rõ ràng Trần Thị Hào là người dịch cuốn tiếng Việt của tôi xuất bản năm 2005 tại Pháp nhưng lại mạo nhận là tác giả viết cuốn sách bằng tiếng Pháp! Rõ ràng Trần Thị Hào đã ăn cắp trí tuệ và văn phong của tôi, vi phạm bản quyền tác phẩm của tôi rất nghiêm trọng, dịch cả tên người, tên đất tôi bịa ra, dịch cả rất nhiều, rất nhiều những tình tiết tôi đã hư cấu, sáng tạo... Nói thẳng ra, tôi đã bị Trần Thị Hào đoạt quyền tác giả một cách hết sức trắng trợn!

Tôi thiết tha đề nghị các nhà văn, nhà báo cùng quý bạn đọc lên tiếng phê phán nghiêm khắc để góp phần ngăn chặn tệ nạn vi phạm bản quyền và bảo vệ cho tôi quyền lợi hợp pháp chân chính về bản quyền tác giả. ■

Ý KIẾN NGẮN

VỀ CUỐN TIỂU THUYẾT "NGUYỄN DU"

C HÀO mừng nghìn năm Thăng Long và kỷ niệm 245 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du, Nguyễn Thế Quang thấy giáo dạy văn quê đất Lam Hồng đã dành trọn 10 năm nghỉ hưu của mình hoàn thành cuốn tiểu thuyết lịch sử "Nguyễn Du".

Tiểu thuyết viết về giai đoạn Nguyễn Du phải phục mệnh vua Gia Long với tâm trạng "Bỏ thân về với Triều đình/ Hạng thán là lão, phận mình ra sao". Đã là tiểu thuyết tất có hư cấu hợp tình, hợp lý. Nguyễn Thế Quang đã làm được việc đó chứng tỏ tác giả hiểu rất rõ tâm tư, tình cảm của các nhân vật, đặc biệt nêu bật được tính cách thâm hiểm, mưu mô của Gia Long, vị vua khai sáng triều đại phong kiến cuối cùng của nước ta. Nhân vật Gia Long bộc lộ rõ nét một tính cách mạnh mẽ, quyết đoán, sẵn sàng hy sinh tính riêng vì quyền lợi của ngôi vua, của dòng họ, tính cách của một gian hùng. Chương viết cuộc điện kiến của Nguyễn Du với Gia Long khá hay, làm nổi bật được tính cách của vua và bản lĩnh của nhà thơ. Các chương viết về tâm trạng của Nguyễn Du lúc nghe tin cháu gái bị tiến cung, lúc biết tin anh ruột Nguyễn Nể thất cổ chết, lúc đến thăm anh rể Vũ Trinh đang bị giam cầm, hay đoạn nhớ lại cuộc đến chơi nhà Hồ Xuân Hương đều khá hấp dẫn. Đọc rất thích chương 4, chương 5 viết về vụ xử án nghi can giết cai đội Trần Trọng và chuyện Nguyễn cải trang đi thị sát dân tình khi làm Cai bạ Quảng Bình. Tuy vậy, vài điều tôi còn phân vân.

Nguyễn Thế Quang hư cấu việc Nguyễn đến thăm Chaigneau Thăng có thể chấp nhận được nhưng viết Nguyễn mơ tưởng đến "Tự do, bình đẳng, bác ái" thì thật khiên cưỡng.

Trong cuốn tiểu thuyết, lời của bảy tôi Gia Long để cao vua là đúng nhưng lời tác giả viết về Gia Long cũng để cao

và trân trọng quá mức. Tôi nghĩ không nên quá đề cao một ông vua đã xử sự với kẻ bại trận một cách độc ác! Hạng Cao tổ diệt Hạng Vũ nhưng vẫn mai táng ông ta theo lễ Lễ Công, chứ có đầu như Gia Long với con cháu Quang Trung, với các tướng lĩnh của Tây Sơn như Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu và con nhỏ của họ, kể cả năm xương của Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, đối xử tàn bạo vậy!

Ưu điểm là chính song cuốn truyện cũng còn một số sơ suất như những hạt sạn trong bát cơm ngon. Mong rằng tác giả sẽ chỉnh lý lại trong đợt tái bản:

- Cách xưng hô chưa hợp lý: Nguyễn không thể gọi anh mình là "Nể huynh". Thời xưa các cụ có học đều kiêng tên húy, nên trường hợp này chỉ gọi là "gia huynh", hoặc trong suy nghĩ thì gọi là "anh Nể" thôi. Thời nay khi nói chuyện với nhau, em cũng chỉ gọi "anh" chứ có gọi tên đâu! Bạn bè giao thiệp với nhau cũng vậy, chỉ gọi theo họ chứ không kêu tên, khi Ngô Nhân Tĩnh, ngồi với Nguyễn Du và Lê Quang Định mà nói "Định huynh", trong chương 7 viết Nguyễn nghĩ đến Lê Quang Định cũng viết "Định huynh" là sai, trường hợp này chỉ nói "Lê huynh".! Cách gọi không nhất quán, gọi Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh là *Trịnh huynh*, *Ngô huynh*, cố sao Lê Quang Định lại gọi *Định huynh*?. Nguyễn Khản là con cả Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Trữ là em phải gọi là *bác Khản* chứ, thế mà tác giả ghi lời Nguyễn Trữ nói với Nguyễn Du: "*Chú Khản, chú Nể hay văn chương*..."(trang 44)

- Viết về năm sai nhiều chỗ: Thời của Nguyễn Du chỉ dùng tên năm âm lịch, nếu muốn chừa thêm năm dương lịch để người đọc ngày nay dễ theo dõi thì phải cho vào dấu ngoặc đơn (). Thế mà tác giả cứ viết về suy nghĩ của Nguyễn Du: "*Chợt nhớ đêm đông 1791 ấy...*" (trang 26),

hoặc kể lại: "*Năm 1733 đậu Tiến sĩ về quê vinh quy thì mất*" (trang 368); "*Tuy là cháu nhưng Thiện hơn Nguyễn hai tuổi, đậu cử nhân năm 1783, không ra làm quan*" (trang 221). Mà viết đầu *Cử nhân* cũng sai vì đến thời Minh Mạng mới có học vị *Cử nhân*, thời này chỉ gọi học vị đó là *Hương cống* thôi. Nhiều chỗ thời gian lộn xộn không hợp lý: Đầu chương 5 (Phần II) viết: Tháng 7 năm Quý Dậu (1813), Nguyễn đang làm Cai bạ ở Quảng Bình, cùng viên thư lại đi về vùng Bố Trạch, để tìm hiểu tình hình dân chúng, sau đó còn giải quyết một vụ án mạng khá lâu. Thế mà ở chương 7 lại viết: "*Nguyễn trở lại kinh thành vào đầu tháng giêng năm Quý Dậu (1813)*", chờ đợi một thời gian, sau đó được Gia Long cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc và liên tiếp sau đó là viết về hành trình đi sứ. Vô lý là không thể cùng một thời gian vừa làm Cai bạ ở Quảng Bình, vừa đi sứ sang Trung Quốc? Trên viết đi sứ vào năm Quý Dậu dưới lại viết: "*năm Quý Hợi đoàn thuyền đến Quế Lâm*" (trang 172), tiếp đến chương 10 lại viết: "*Qua hè sang thu vào tháng 9 năm Quý Dậu (1914)*" (trang 184). Nếu năm 1814 mà đến tháng 9 rồi thì phải là năm *Giáp Tuất* chứ!

- Câu đối của Ngô Thời Nhậm: "*Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế*", tác giả ghi sai là: "*thời đã thế, thế thời vẫn thế*" (trang 32). Câu của Đặng Trần Thường là "*trong trần ai*", Ngô Thời Nhậm đối là "*gặp thời thế, trần ai và thời thế*" đều danh từ kép mới đối được với nhau.

- Phỏng dịch câu: "*Hà đặc khê cầu nan khê tị*" là "*Có cái đặc gì mà cầu được*" (trang 29) là sai, phải dịch là: "*Sao cầu có thể được mà tránh có thể khó*" mới đúng ý. ■

HOÀNG KỲ
Trưởng THPT Nguyễn Trường Tộ - Thành phố Vinh -
Tỉnh Nghệ An

NGHĨ THÊM VỀ L. TOLSTOI

NGUYỄN NGỌC

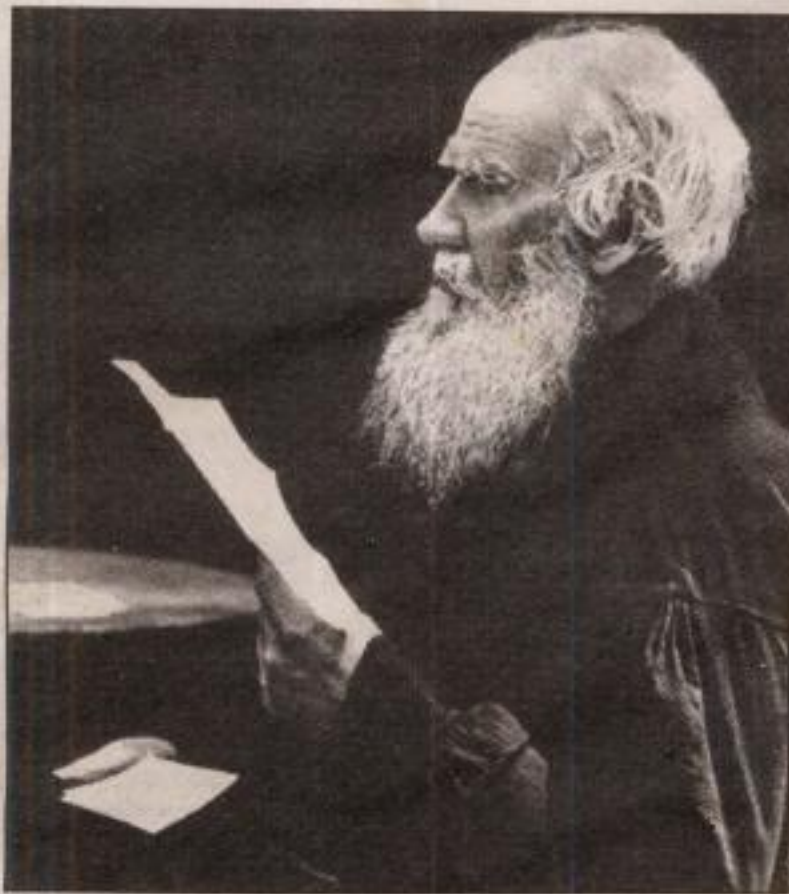
Ngày 9 tháng 12, tại Hà Nội, Viện Văn học, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hội Nhà văn Việt Nam, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây đã tổ chức Hội thảo Kỷ niệm 100 năm ngày mất của Đại văn hào Nga L. Tolstoi. Hơn năm mươi tham luận và phát biểu trực tiếp của các nhà văn, nhà giáo dục, dịch giả đã nêu bật những đóng góp to lớn của L. Tolstoi, không chỉ trong lĩnh vực văn học mà ngay cả những quan điểm về tôn giáo, về giáo dục của ông cũng được nhìn nhận, soi chiếu với một góc nhìn mới.

Văn nghệ xin giới thiệu bài viết của nhà văn Nguyễn Ngọc tại cuộc hội thảo này.

NHỮNG ngày ở chiến trường trong chiến tranh chống Mỹ, ở chỗ chúng tôi có một vị tướng rất lạ, tướng Chu Huy Mân, tư lệnh Quân khu 5. Ông vào mặt trận trong những năm rất ác liệt, mang theo cả một tủ sách quý, trong đó quý nhất đối với ông là các tác phẩm của L. Tolstoi *Chiến tranh và Hòa bình*, *Anna Karenina*, và cả *Phục sinh*. Ông yêu quý cả ba, nhưng cũng dễ hiểu, ông coi *Chiến tranh và Hòa bình* là sách gối đầu giường. Tôi thường muốn hiểu, không chỉ ông tìm đâu ra được thời gian và cả tâm trí ở một vị tướng chỉ huy một chiến trường hết sức khắc nghiệt trong một cuộc chiến cực kỳ phức tạp để có thể đọc kỹ, đọc đi đọc lại rất nhiều lần, đến như thuộc lòng cuốn tiểu thuyết đồ sộ ấy, mà còn quan trọng hơn, ông tìm thấy gì ở đấy để có thể nhiều lúc còn quan tâm suy nghĩ về nó nhiều hơn cả về những công việc cấp bách của chiến trường? Rất lạ, nhiều hôm ông chống gậy sang chỗ tôi, hoặc gọi tôi sang chỗ ông, và nói với tôi về *Chiến tranh và Hòa bình*. Những nhân vật và những chương, đoạn ông tâm đắc nhất. Koutozov và Andrei Bolkonski. Một phần Pierre Bezukhov. Cả Natasha nữa. Tôi sẽ nói vì sao. Ông rất thích cái đoạn trước trận đánh lớn Austerlitz, vị tướng tổng tư lệnh già Kutozov cứ ngồi gà gáy ngủ trong khi các tướng trẻ, có cả Bagration, sôi nổi và ba hoa tranh luận nào là về chiến lược chiến thuật cao siêu rắc rối, nào là về thế trận này thế trận nọ hiểm yếu... Cuối cùng tổng tư lệnh tỉnh đây, ngáp dài, tuyên bố: "Điều quan trọng nhất trước một trận đánh lớn là... đi ngủ một giấc thật ngon. Giấc tan!". Ông cười lớn: Rất đúng. Tuyệt vời! Ông cũng thường nhắc đến quyết định của Kutozov bỏ thủ đô Moskova bất chấp mọi phản đối của cả triều đình, quyết định không tiến công mà chỉ đuổi theo cách một đoạn nhất định vừa đủ để thúc cho đoàn quân của Napoléon chạy ra khỏi biên giới Nga và tự nó tan rã. Ông bảo: Một vị tướng thiên tài. Không chỉ thế, một tư tưởng chiến tranh vĩ đại!... Và trận Borodino, tất nhiên...

Dần dần tôi hiểu ra điều này: ở *Chiến tranh và Hòa bình* mà ông coi là cuốn tiểu thuyết lớn nhất của mọi thời đại, vị tư lệnh chiến trường của chúng tôi những ngày ấy không chỉ muốn tìm thấy những gợi ý về chiến lược chiến thuật từ cuộc chiến tranh vệ quốc của nước Nga năm 1812 cho cuộc chiến tranh cũng là vệ quốc mà nay chính ông đang làm. Ông muốn và tìm thấy ở đấy điều quan trọng hơn rất nhiều: triết lý chiến tranh, mà ông nhận ra sự tương tự giữa cuộc chiến tranh được Tolstoi mô tả thật tuyệt vời kia với cuộc chiến tranh chính ông đang tham gia hôm nay. Tôi xin nói điều này: những ngày ấy ở chiến trường, chúng tôi suy nghĩ rất nhiều về chính điều đó. Tôi nhớ có điều thật lạ: có những đêm tháng cực kỳ đen tối, thậm chí hầu như bế tắc, đặc biệt sau Mậu Thân, khoảng từ 1969 đến 1972, nhưng chưa bao giờ chúng tôi mất niềm tin rằng chúng tôi, chúng ta sẽ thắng, cuối cùng nhất định chúng ta sẽ thắng. Chưa giây phút nào. Tại sao vậy?

Tôi xin nói đến nhân vật Natasha và Chu Huy Mân cũng đặc biệt yêu mến, bên cạnh Koutozov và Andrei Bolkonski. Có thể là bằng trực cảm, một trực cảm xuất phát từ tâm hồn vốn nhạy cảm của ông, vừa từ thực tiễn của cuộc chiến tranh mà ông cảm nhận trực tiếp đến tận máu thịt hàng ngày trên chiến trường, ông hiểu Natasha của Tolstoi chính là nhân dân, nhân dân Nga bình thường và vĩ đại, mà Kutozov đã là vị đại chính vì ông đã đồng nhất mình được với nhân dân ấy, trong tư tưởng, trong triết lý chiến tranh, trong suy nghĩ và hành động ở cương vị tổng tư lệnh của một cuộc chiến sống còn. Và một vị tổng tư lệnh như vậy thì bách thắng. Tôi nhớ có hôm tướng Chu Huy Mân sang chỗ tôi và rủ tôi cùng đọc cái đoạn cuối tiểu thuyết khi cô Natasha tươi tắn và nhí nhảnh ngày trước đã trở thành bà mệnh phụ Bezukhov béo ụ, sỗ sã, an phận, mong có được thật nhiều con và cứ nhất định tự mình cho con bú chứ không chịu để con bú của bà nhũ mẫu... Không có cái đoạn này, không có cô Natasha trở thành bà Bezukhov nặng nề ấy thì hầu như chắc chắn *Chiến tranh và Hòa bình* sẽ mất đi thậm chí đến cả ý nghĩa quan trọng nhất của nó. Chúng ta làm chiến tranh, cái công việc kinh tởm, độc ác đến mức dã thú đó, chúng ta phải làm nó trong thế giới kỳ quái này, và đã phải làm thì phải cố làm đến mức thiện chiến, chính là vì ý muốn giản dị: khôi phục cuộc sống bình thường như thế đó, của con người, của nhân dân. "Nhân dân", trong nhận thức của Tolstoi, của Kutuzov, trong chiều sâu cảm nhận của Andrei Bolkonski, "nhân dân" mà vị tư lệnh chiến trường của chúng tôi, và chính chúng tôi nữa cảm và hiểu được qua chính thực tế chiến tranh là như vậy đó. Là cuộc sống bình thường và giản dị của con người, là con người gắn với đất đai, con người gắn với tự nhiên, an



L. TOLSTOI

bình và hồn hậu. Chúng tôi chiến đấu cho một "nhân dân" như vậy đó. Chiến tranh, chiến tranh bảo vệ đất nước của chúng ta ở trong cái biện chứng lạ lùng đó, nó vừa trọng đại ý nghĩa lớn lao vừa bình thường, tầm thường, hàng ngày, sát đất như thế đó. Đấy chính là điều Andrei Bolkonski nhận ra một cách đầy mâu thuẫn trước trận chiến quyết định Borodino, và trước đó nữa khi còn đầy cao vọng về những chiến công anh hùng vang dội, ngã xuống trong chiến trận Austerlitz, trong cơn tiến hỗn mê, nhìn lên bầu trời xanh trong bất tận, bỗng thấy cả thần tượng anh hùng Napoléon mà anh hằng ngưỡng mộ trở nên nhỏ bé đến thảm hại. Nhỏ bé thảm hại trước cái bình dị và tầm thường kia.

Tolstoi có một phát biểu nổi tiếng: "Trong *Chiến tranh và Hòa bình* tôi yêu thích tư tưởng nhân dân, trong *Anna Karenina* - tư tưởng gia đình". Có lẽ đúng hơn, từ *Chiến tranh và Hòa bình* đến *Anna Karenina* không có đứt đoạn. Khi nói về điều ông gọi là nhân dân, Tolstoi không chỉ muốn nói đến những con người như Platon Karataev hay Tikhon Serbaty. Ông muốn nói đến cuộc sống tự nhiên và bình thường của con người, của người lao động, cái đẹp trong vẻ đẹp và cao quý của cuộc sống ấy. Natasha của ông, từ cô thiếu nữ bông bột trong veo cho đến bà mệnh phụ mẫn đảm, nặng nề, và an phận chính là một hình ảnh sống động của cuộc sống "nhân dân" mà Tolstoi yêu quý và tôn sùng. Nhân dân đối với Tolstoi trước hết và chủ yếu là những nông phu lao động trên đất, kiếm sống từ đất; đời sống của họ, phù hợp với luật tự nhiên, theo Tolstoi... là đời sống lành mạnh nhất, thiện lương nhất. Loài người, cũng như mọi loài vật trên mặt đất này, phải lao động để sống và để duy trì cuộc sống của nòi giống mình - đó là luận điểm xuất phát của triết học đạo đức và cả mỹ học Tolstoi. Chất thơ của lao động và sinh hoạt nhà nông, vắng mặt trong *Chiến tranh và Hòa bình* (thực ra, theo tôi, nó đã có mặt trong hình tượng đặc sắc Natasha, và Andrei Bolkonski bằng trực cảm sâu xa mà có thể chưa được ý thức rõ rệt của mình đã nhận ra và phải lòng), chất thơ đó xuất hiện rực rỡ trước đó trong tiểu thuyết *Những người Kazác* (1862) và sẽ tái hiện trong *Anna Karenina*, không để cho một độc giả nào có thể đứng đưng, kryen cho nó cảm giác là nó đang tiếp xúc với đời sống thực...

Cũng có thể chính điều này khiến một vị tướng của cuộc chiến tranh Việt Nam nhận ra sự gần gũi và say mê, không chỉ say mê Koutozov và Andrei Bolkonski, mà cả nàng Natasha...

Tôi xin nói thêm một điều này nữa về người đọc Chu Huy Mân trong chiến tranh mà tôi được biết: ông rất thích những chương dài gần như đơn thuần là thuyết lý của Tolstoi trong *Chiến tranh và Hòa bình*, những chương thường làm người đọc mệt mỏi và họ thường lướt qua. Tại sao ông lại thích những đoạn thuyết giáo dài dòng ấy, nhiều lúc thậm chí có vẻ đi lạc cả ra khỏi dòng truyện khẩn trương đang chảy? Hóa ra ông hiểu điều mà sau này tôi đọc được ở một nhà văn rất hiện đại, Milan Kundera. Kundera cũng rất thích những chương ấy của Tolstoi, ông cho rằng không thể tách chúng ra khỏi toàn bộ cấu trúc tiểu thuyết của *Chiến tranh và Hòa bình*.

Có thể chính ở đây ta chạm đến một vấn đề lớn và sâu hơn của nhà tư tưởng và nhà văn Tolstoi. Tolstoi là nhà triết học, nhà sáng lập tôn giáo, nhà tiểu thuyết, không có đứt đoạn và không có mâu thuẫn. Theo một cách nào đó thậm chí có thể nói nếu không có nhà triết học, nhà sáng lập tôn giáo Tolstoi thì cũng không có nhà tiểu thuyết vĩ đại Tolstoi. Hoặc nói cách khác, nếu không hiểu được nhà triết học, nhà sáng lập tôn giáo Tolstoi thì cũng không thể hiểu trọn vẹn nhà tiểu thuyết Tolstoi và các tiểu thuyết đã trở thành kinh điển của ông, từ *Chiến tranh và Hòa bình* cho đến *Anna*

Karenina và *Phục sinh*. Chúng ta đã biết về cái chết của Tolstoi. Vị bá tước già ấy đã chết ở cái ga nhỏ heo hút Astopovo trong chuyến bỏ nhà ra đi cuối cùng trong cuộc đi tìm, cuộc truy tìm cái mà ngày nay, thật hay, ta lấy làm tiêu đề cho cuốn sách tuyển chọn các văn thư nghị luận của ông. "Đường sống...", cuộc đi tìm Đường sống suốt đời và không đến được của ông, kết thúc dở dang ở cái ga Astopovo hoang vắng nọ. Đường nhiên nhân vật chính của *Chiến tranh và Hòa bình* là Andrei Bolkonski, mà Phạm Vĩnh Cư trong bài viết vừa nhắc đến trên kia đã gọi rất đúng là "cái tôi thứ hai của tác giả" (và nhân vật là một kia của anh, vừa đồng điệu vừa tương phản với anh, là Pier Bezukhov). Andrei Bolkonski, con người nghiêm khắc với cuộc đời và với chính mình, người đã nhận ra và phải lòng cái đẹp Nga tuyệt diệu ở cô gái trong veo Natasha, cũng là người đi tìm, cũng ráo riết, cũng suốt đời, cũng từng thoáng nhìn thấy, nhìn thấy con "đường sống ấy" trong giây phút tiến hôn mê trên chiến trường Austerlitz, trong suy tư vừa căng thẳng vừa yên lòng, đầy mâu thuẫn mà lại thống nhất trước trận đánh sinh tử Borodino; mà cũng là người đi tìm dở dang.

Có điều rất đáng chú ý: Milan Kundera, nhà tiểu thuyết và lý luận về tiểu thuyết thường ráo riết đấu tranh cho điều mà ông gọi là tư duy hiện đại của tiểu thuyết, coi tiểu thuyết chính là đánh dấu sự hình thành của tư duy hiện đại của lịch sử tư duy của con người, Kundera lại coi Tolstoi chứ không phải Dostoevski là nhà tiểu thuyết hiện đại. Ông thấy ở Tolstoi người đi tìm. Không đến. Mãi mãi...

Tôi đây hình như ta đã chạm đến một câu hỏi văn thường được đặt ra trước các nhà văn của chúng ta từ sau 1975: Tại sao cho đến nay chúng ta còn chưa có được tác phẩm "xứng đáng" với cuộc chiến tranh vĩ đại vừa qua của dân tộc? Có thể sẽ có được hay không? Và làm sao? Và khi nói đến điều đó, người ta vẫn thường nhắc đến *Chiến tranh và Hòa bình*, được coi là thiên sử thi, thiên anh hùng ca lớn về cuộc chiến tranh chống Napoléon năm 1812 của Nga. Người ta chờ đợi một thiên sử thi anh hùng ca như vậy về cuộc chiến tranh cứu nước của ta.

Chắc là có thể có rất nhiều chuyện để nói về việc này. Văn học của ta, đặc biệt văn học viết về chiến tranh chống Pháp rồi chống Mỹ thường được coi là văn học sử thi. Sử thi là tiếng nói, là tuyên ngôn của cộng đồng. Nó độc thoại. (Có lẽ cho đến nay mới có *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh thoát ra khỏi phạm vi này). Tôi xin được nói ý kiến của tôi: tôi không coi *Chiến tranh và Hòa bình* là sử thi. Tôi đồng tình với Kundera khi nói rằng nó đã vượt qua giai đoạn sử thi để đạt đến tư duy hiện đại của tiểu thuyết, mà Kundera coi một mặt đặc điểm lớn là "sự hiển minh của tính nước đôi" (la sagesse de l'ambigui) - chính về chỗ này ông đặc biệt ca ngợi Tolstoi và cho rằng ông không tìm thấy điều ấy ở Dostoevski. Hiển minh của tính nước đôi chính là hiển minh của sự đi tìm, của dở dang chưa đến, không bao giờ đến, hiển minh của tính tương đối của chân lý...

Trong bài viết đã nhắc đến trên đây của Phạm Vĩnh Cư có một câu rất đáng chú ý: "Trong ngôn ngữ của loài người khó tìm được những từ ngữ mà Tolstoi lại kiêng kỵ như "anh hùng", "cái anh hùng", "chủ nghĩa anh hùng". Và một đoạn khác nữa: "Yêu mến nhân dân lao động Nga, quý trọng những giá trị đạo đức - tinh thần của họ, Tolstoi càng về già càng cảnh giác cao độ đối với mọi ý đồ, mọi khuynh hướng cường điệu, khuếch tán những đức tính của người Nga, biến chúng thành niềm tự hào dân tộc, thành căn cứ để gán định cho người Nga một sứ mệnh lịch sử đặc biệt nào đó (như ta biết, Dostoevski đã không tránh khỏi sai lầm này). Ông nhìn thấy nguy hại lớn cho những người Nga thuộc mọi đẳng cấp ở chính sách của giới thượng lưu cầm quyền, môn trốn lòng từ ái dân tộc của họ để biến họ thành những công cụ thực hiện những mục tiêu ích kỷ của cường quốc Nga..."

Tôi xin nhắc lại điều này: từ lâu tôi không đồng tình với việc coi *Chiến tranh và Hòa bình* là thiên anh hùng ca về cuộc chiến tranh 1812 của Nga. Thậm chí tôi cũng không nghĩ rằng Tolstoi định làm công việc mà như Phạm Vĩnh Cư đã nói, ông rất "kiêng kỵ", dị ứng. Trên bối cảnh của cuộc chiến tranh mà ông đã mô tả bằng một ngôn ngữ bút thiên tài, ông đã đưa "cái tôi thứ hai" của ông, Andrei Bolkonski mà ông vô cùng yêu quý, gửi gắm, làm cuộc đi tìm khắc khoải và bất tận của anh, cũng là của ông, đi tìm "đường sống", tìm cách "làm người" mà cho đến khi gục xuống ở cái ga vắng Astopovo ông vẫn không tìm ra...

Mong ước có tác phẩm xứng đáng với cuộc chiến tranh vừa qua của chúng ta là chính đáng. Và một tác phẩm như vậy sẽ chỉ có được khi nền văn học này tự nâng mình lên thành cuộc đi tìm nghiêm trang và lớn lao như vậy, mỗi người cầm bút tự nâng được mình lên được trong một cuộc đi tìm đó, tìm "đường sống", tất nhiên theo cách của mình, với những câu hỏi của mình, như Tolstoi từng làm trong thời của ông, với những câu hỏi ráo riết của ông.

Từ Tolstoi đến nay đã là ngót 200 năm. Những câu hỏi ấy có bất cập ngang không?

Chắc chắn là không.

Trái lại.

Văn học, tiểu thuyết, vậy đó, là cuộc đi tìm bất tận của con người. Ngày càng căng thẳng, ráo riết hơn.

Kỷ niệm 100 năm ngày mất của Tolstoi vì vậy là một nhắc nhở nghiêm túc và khẩn trương. ■

Tháng 12-2010



VĂN HỌC LÀ ĐỊNH MỆNH CỦA TÔI

VƯƠNG LỖI (Trung Quốc)



MARIO VARGAS LLOSA

MỘT buổi chiều năm 1960 trên đường phố Paris thoang thoang mùi nước hoa, mọi người đang thong thả dạo bước, bỗng nhiên một chàng trai như một cơn gió cuốn chạy dạt vào đám đông. Mọi người né mình nhường lối, tất cả những con mắt hiếu kỳ đổ dồn chăm chăm nhìn chàng trai thân hình tiểu tụy này. Người trai trẻ nước ngoài mang tên Mario không hề để ý đến những con mắt ngạc nhiên của người khác, vẫn thoăn thoắt cất bước đi. Trong thời gian gần đây, anh ta đã quen thuộc với những cặp mắt kinh dị của mọi người. Nếu không vì cái giấc mộng duyên nợ văn chương khó dứt ra đó thì đâu có phải gian khổ bươn chải trên đất nước người như vậy.

Sau khi Mario tắt tuổi về đến nhà, người vợ hiền vội vàng bày dọn cơm canh. Vừa đói, vừa mệt, nhưng Mario

vẫn ăn uống rất ngon lành, người vợ đứng cạnh thấy rất vui lòng. Sau khi đến Paris, hầu như Mario không có được một ngày trọn vẹn để nghỉ ngơi, cùng một lúc anh phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, đúng như một cỗ máy chạy hết công suất, cũng chỉ cốt sao là để kiếm tiền nuôi sống gia đình và trang trải cho tiện nghi dùng cho công việc sáng tác.

Một hôm quá mệt mỏi, Mario lăn ra ngủ thiếp trên bàn ăn, người vợ rơm rớm nước mắt, cố kìm nén nỗi niềm cay đắng, đến cạnh, ôm nhẹ anh vào lòng, nhưng những dòng nước mắt vẫn cứ trào tuôn. Chỉ vài phút sau, Mario đã bật dậy như chiếc lò xo, rời khỏi lòng vợ, làm vợ rất đổi kinh hoàng, "Em thân yêu, xin lỗi, tối nay anh phải đi làm thêm một số việc kiêm nhiệm". Mario ngậm ngùi ôm hôn vợ, vợ vội ào choàng ra đi.

Đến nơi làm việc, bạn bè thấy Mario vẫn còn ngái ngủ, anh bèn vội ra vòi tấp mãi nước vào mặt mới tỉnh hẳn. Một người bạn-vợ đến cạnh, vừa bưng tách cà phê vừa thân mật vỗ vai Mario: "Anh bạn, đừng có thực mạng quá!". Mario cười và khéo đáp lại: "Quả thật không còn cách gì khác nữa, nhiều khoản phải tiêu tiền quá!". Người bạn nhún vai, thật khó lí giải: "Anh bạn ơi, anh cùng một lúc đã kiêm nhiệm đến 7 đầu công việc rồi, dù có bớt đi đôi chút, chắc vẫn đủ nuôi sống gia đình mà!".

Người bạn vừa dứt lời, Mario đôi mắt bỗng bừng sáng: "Tôi sợ dĩ phải xông pha thực mạng như vậy, không phải chỉ riêng để nuôi gia đình, mà chính vì tôi cần nhiều tiền để mua sách vở và các thiết bị dùng cho công việc sáng tác, mà những thứ này lại không thể thiếu được. Văn học là định mệnh của tôi, tôi sao yêu nó quá vậy! Cứ mỗi khi kiên trì không nổi nữa, hãy nghĩ đến tất cả những gì mà tôi đang phải trả giá đều là cho giấc mơ văn học, thì con người tôi lại thấy như tràn đầy sức mạnh".

Trong khi mọi người đang hưởng thụ cái phồn hoa



Nobel văn học 2010 giữa vòng vây của công chúng

của đô thành Paris hoa lệ, thì Mario phải lặng lẽ nhẩn nhục sống trong cảnh thanh bần, cố gắng kiếm thêm tiền. Mario đã phải quên đi cả một thế giới bên ngoài đầy huyền ảo và hương sắc của đô thành để lặng lẽ kiên trì thực hiện lí tưởng của mình.

Mario đã miệt mài sáng tác trong hoàn cảnh cùng khổ, ăn bữa sáng, lo bữa tối như vậy. Anh biết rằng mình phải dùng phần lớn thời gian để kiếm lấy đồng tiền tối thiểu trang trải cho cuộc sống gia đình, thời gian dùng cho sáng tác văn học còn quá ít, nên ngoài công việc làm bắt buộc ra, anh phải tranh thủ dồn mọi thời gian còn lại cho sáng tác. Ngoài ngủ ra, nếu không đọc sách lấy thêm tài liệu thì chỉ là miệt mài những viết và viết.

Mario sáng tác trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, cuối cùng đã cho ra đời cuốn **Thành phố và lũ cầy chó** (La ciudad y los perros), về sau, chính nhờ cuốn này mà anh đã lọt vào mắt độc giả, và cũng từ đó anh bắt đầu hiện ngang bước lên văn đàn.

Ngày 10 tháng 12 năm 2010 vừa qua, Viện Hàn lâm Thụy Điển đã chính thức ban tặng giải thưởng Nobel văn học cho nhà văn Peru Mario Vargas Llosa. Người thanh niên dù đã phải cùng một lúc kiêm nhiệm 7 đầu công việc khác nhau đến mức sức cùng lực kiệt mà vẫn kiên trì theo đuổi lý tưởng cao cả của mình, cuối cùng đã được toàn thế giới khẳng định và vinh danh. ■

THÁI LONG
(Theo báo Ý Lâm - TQ)

“XIN HÃY PHÙ HỘ CON, ULTIMA”

SOI RỌI QUÁ KHỨ VÀ SUY NGẪM VỀ TƯƠNG LAI

Rudolfo Anaya (1937-) được tôn xưng là bậc thầy phục hưng văn học Chicano (người Mỹ hậu duệ Mexico) của những năm 60-70 thế kỷ XX, tới nay ông đã xuất bản được 10 bộ tiểu thuyết dài, 2 bộ tiểu thuyết ngắn, 2 bộ sử thi, 1 bộ tản văn nhiều tập, 8 bộ tác phẩm văn học thanh thiếu niên, ngoài ra có 7 vở kịch được trình diễn. Ông còn được suy tôn là "Lãnh tụ văn học Chicano", "Tác gia văn học Chicano có ảnh hưởng sâu rộng, được đánh giá cao nhất". Bộ tiểu thuyết dài **Xin hãy phù hộ con, Ultima** (1972), tác phẩm đầu tay của ông, đến nay được công nhận là tác phẩm kinh điển văn học Chicano. Nguyên Đệ nhất phu nhân Mỹ, Laura Bush, từng bình chọn 10 cuốn sách hay nhất, khuyên "đọc giá mọi lứa tuổi đều nên đọc", một trong số đó là tác phẩm kể trên.

XIN hãy phù hộ con, Ultima" mang sắc thái tự truyện sâu đậm. Ở tuổi nhi đồng là thời kỳ chiến tranh thế giới thứ II, Anaya sống lần hồi qua ngày tại thị trấn nhỏ, thuộc bang New Mexico. Xuất xứ của bố với mẹ rất khác biệt. Bên này là gia tộc du mục, thì bên kia làm ruộng. Họ đều tôn sùng nghề thuốc dân gian, theo thiên chúa giáo. Ra đường nói tiếng Anh, về nhà tiếng Tây-ban-nha. Ở mức độ nhất định, tập tiểu thuyết này là kỷ ức hoặc tự sự riêng tư của Anaya. Tuy nhiên mục đích sáng tác của ông, không để xướng danh lập

ngiệp. Trong con mắt ông, "nhã văn có gì đó giống thầy phù thủy, có thể dùng câu chuyện làm ảnh hưởng tới hậu duệ của cả tộc người, trị bệnh cứu người. Xem xét công năng của tộc người, tôi (nhân vật chính) thấy mình với truyền thống đó liên quan với nhau". Nói cách khác, ý nguyện của Anaya là dựa vào câu chuyện riêng tư; thực thi sứ mệnh trị bệnh cứu người, phục vụ công chúng. Xem lại thời gian sáng tác và xuất bản **Xin hãy phù hộ con, Ultima**, thật không khó để phát hiện Anaya đã đi tìm nơi có chứng nan y để chữa chạy, trị bệnh cứu người như thế nào.

Còn nhớ, ở xã hội Mỹ những năm 60-70 thế kỷ trước, cùng lúc xảy ra phong trào đòi dân quyền, phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam, phong trào "phân đối thể chế hiện hành"... gây ảnh hưởng đến mọi mặt chính trị, kinh tế xã hội Mỹ... Năm 1963 Anaya tốt nghiệp đại học hệ Anh ngữ tại New Mexico trở thành giáo viên trung học thành phố Albuquerque đồng thời là nghiên cứu sinh chuyên Anh ngữ- tư vấn Anh ngữ, đạt hai học vị thạc sỹ, cùng lúc sáng tác bộ tiểu thuyết dài **Xin hãy phù hộ con, Ultima**. Ông còn tham gia phong trào phản đối cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Anaya hồi tưởng: "chiến tranh đã dẫn đến cuộc tranh luận lớn lao chưa từng thấy trên đất nước Mỹ. Đó là một thách thức đối với nước Mỹ, tôi mọi quán thế và gia đình. Tôi thấy rõ, đại đa số người dân của hệ thống giáo dục Mỹ đều phản đối cuộc chiến tranh này,

tôi đã phát tán thư đòi đáp ứng yêu cầu chấm dứt cuộc chiến tranh tại Việt Nam đến nhiều nơi...". Tháng 8 năm 1970, tại Los Angeles, đồng đạo hậu duệ Mexico tuần hành thị uy phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Trong tự truyện **Phong trào chính trị của người Chicano đang lan rộng**, Anaya viết: "Trong những tháng năm xao động ấy, tôi buộc phải tự mình học quy trình sản xuất phức tạp, sáng tác tiểu thuyết dài...". Rõ ràng 7 năm nữa, cuối cùng **Xin hãy phù hộ con, Ultima** được hoàn thành. Năm 1971 bản thảo bộ tiểu thuyết đã được dùng làm công cụ để động viên sáng tác văn học Chicano. Năm tiếp theo, bộ tiểu thuyết được xuất bản, thịnh hành trong các khu hậu duệ Mexico và được trao giải Premio Quinto Sol. Anaya trở thành nhân vật kiên trung trong lĩnh vực văn hóa phong trào Chicano.

"Trong những năm xuất bản, tiểu thuyết này là bộ sách có một không hai, để bồi dưỡng văn học cho hậu duệ Chicano. Nó trở thành tấm gương soi, có thể soi rọi thế giới yên bình trong quá khứ, cũng là thước ngắm, để suy ngẫm về thế giới tương lai". Vì vậy nó được độc giả hậu duệ Mexico đồng tình. Tính đến 1978, do phương tiện truyền thông chưa đủ mạnh, bộ sách được bán ra 800.000 bản. Năm 1994 tiểu thuyết được in lại 21 lần, sách bán ra, lên đến hàng triệu bản, trong đó 300.000 bộ đi thẳng vào xã hội chủ lưu Mỹ, đến nay vẫn bán chạy. **Xin hãy phù hộ con, Ultima** sở dĩ vượt qua được rào



RUDOLFO ANAYA

cản chủng tộc, thời gian và không gian, trở thành tác phẩm bán chạy trong xã hội hậu duệ ngôn ngữ phương Tây đầu tiên, và cả trong lịch sử văn học Mỹ, chẳng những là nhờ đặc tính văn hóa Chicano phản ánh trong tiểu thuyết dễ được độc giả hậu duệ tộc người tương đồng, đồng cảm, mà quan trọng hơn, tiểu thuyết đã bao hàm được trí tuệ mà mỗi người, mỗi thời đại, mỗi xã hội luôn cần đến. ■

PHAN TRỌNG HẬU
(Theo World Culture)

BÀI CA YÊU DẤU CHO HÒA BÌNH

NGUYỄN HỮU QUÝ

Mỹ và Việt Nam từng là đối phương của nhau trong một cuộc chiến kéo dài hai mươi năm. Nỗi ám ảnh về cuộc đổ sức tàn khốc ấy thuộc về hai phía, nó đã mở ra một chiến trường khác tuy âm thầm lặng lẽ nhưng cũng đầy bão giông trong tâm hồn những ai từng mang áo lính. Chưa đủ. Nó phủ bóng đen lên các gia đình, kể cả những người không hề tham chiến và nguyên vẹn hình hài trong cuộc sống sung túc của một quốc gia giàu có. Nỗi ám ảnh khủng khiếp của chiến tranh Việt Nam, đó là điều có thật trên đất nước Mỹ. Nhưng cuộc chiến này cũng "cho" người lính những cái mà trước đó họ chưa có. Trong trường hợp của người làm ra tập thơ **Bài hát bom na pan**, giáo sư - nhà thơ Bruce Weigl thì không thể không thừa nhận điều trái nghịch đó. Cựu binh Mỹ này đã tham chiến ở Việt Nam, từng đặt dấu giày lên Quảng Trị, một vùng đất khốc liệt nhất của đất nước ta thời đó từ năm 1967 đến năm 1968. Bruce Weigl viết: *Chiến tranh đã từng tước đi của tôi rất nhiều, nhưng nó cũng cho tôi thơ ca, một người con Việt Nam và tình yêu đối với đất nước và con người Việt Nam*. Ông không nói sai sự thật, ít nhất là với những gì ông đang có. Nước Mỹ nhìn nhận Bruce Weigl, tác giả của 12 tập thơ trong đó có phần quan trọng viết về chiến tranh Việt Nam, là một hiện tượng thi ca. Là cha nuôi của Nguyễn Thị Hạnh Weigl, người được ông đón về Mỹ từ cô nhi viện lúc 8 tuổi, ông yêu đất nước Việt Nam, con người Việt Nam nồng nàn.

Tôi không hề quen biết ông, đúng vậy, tôi chỉ đọc, đọc kỹ nỗi ám ảnh về chiến tranh và tình yêu của ông dành cho Việt Nam trong **Bài ca bom na pan** từ bản dịch của nhà thơ trẻ Nguyễn Phan Quế Mai. Tôi nghĩ, từ quảng lửa na pan chết chóc, Bruce Weigl đã thắp lên bài ca yêu dấu cho hòa bình.

1. Bom na pan - nỗi ám ảnh chiến tranh Việt Nam.

Không riêng gì Bruce Weigl, nhiều cựu binh Mỹ tham chiến tại Việt Nam cũng mang trong mình bóng tối hãi hùng của dĩ vãng. Càng ngày họ càng thấy rõ hơn sự vô nghĩa, vô lý của cuộc chiến tàn bạo do chính phủ Mỹ phát động. Nhưng với ông, nỗi ám ảnh ấy được trình bày bằng một thể loại văn chương xưa cũ nhất của nhân loại được gọi là thơ. Nó nằm trong những hình tượng, chi tiết, nhịp điệu, những thủ pháp ẩn - hoán dụ, so sánh thể hiện khả năng sáng tạo dồi dào của nhà thơ. Cây thơ bám rễ vào hồi ức, cảnh ngọn vươn ra những ngẫm suy khái quát trong trường cảm xúc mạnh và thật như những từng trải cuộc đời là điểm mạnh của Bruce Weigl.

Ông so sánh và khái quát: *Chiến tranh là con ong bằng sắt cháy đỏ, hút cạn hết mật cuộc đời (Tết đến)*. Tết Việt Nam vào dịp mùa xuân, trăm hoa đua nở ong bướm từng bay đi lấy phấn hút mật. Đó chính là một hình dung, một liên tưởng đối lập với câu thơ như hòa bình đối lập với chiến tranh vậy. Khái quát đạt đến độ cô đọng hàm súc còn cụ thể thì cũng rất chi tiết. Nỗi ám ảnh về cô bé Việt Nam bị bom na pan đốt cháy trong chiến tranh thật hơn cả sự thật; độ "nét" của hình ảnh lưu lại trong ký ức đạt trình phân giải cao: *Cả bảy giờ cả khi nhắm mắt, anh vẫn nhìn thấy bé gái chạy ra từ*

*ngôi làng/ bom na pan dính vào váy như thạch/ đôi bàn tay vờ ra phía trước/ nhưng không ai đón bé trong biển lửa trước mắt. Một khung cảnh chiến tranh hiện lên như những thước phim thời sự nóng bỏng, dù nó được lờ ra từ hồi ức khủng khiếp nhất của cuộc đời. Và cũng khó hoài nghi về tâm trạng bất an triền miên, trĩu nặng trong phần đời còn lại của những cựu binh Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam: *Có bé bị đốt cháy sau vồng mạc của anh/ không có gì có thể thay đổi được điều đó/ kể cả tình yêu dịu ngọt của em/ cả không khí mát lành sau mưa/ và cả đồng cỏ xanh như rừng đang trải trước mặt chúng ta. Không nghi ngờ gì nữa, những người lính như Bruce Weigl thực sự là nạn nhân cuộc chiến tranh tiêu phí nhiều máu và đồ la này của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Nanh vuốt chiến tranh đã ngoạm vào cuộc đời trai trẻ của những người như ông và bị kích thay, họ cảm thấy cô độc lẻ loi hơn khi tiếng súng đã ngừng cho tận tới một ngày được phía bên kia tha thứ. Đây, không còn là thơ nữa mà chính xác là lời tự thú: *Chiến tranh đã ăn thủng tôi/ Tôi không thể chạm vào ai được nữa/ Ngọn gió thổi xuyên qua tôi đến một nơi xanh thắm/ nơi họ vẫn ngã xuống trong biển máu (Kỷ niệm ngày được tha thứ)*. Sự tự thú mang tính lịch sử, phủ định lý lẽ bào chữa lấp liếm của kẻ gây chiến, bằng thơ, bằng những ngẫm suy rút ra từ máu: *Đó là cuộc chiến tranh chống lại chính chúng ta (Cửa ngõ)*. Sự mất mát to lớn, nỗi đau sâu thẳm của người dân trên xứ sở nhiệt đới này đã "giác ngộ" họ; những người như Bruce Weigl "**nhận**" từ chiến tranh bài học thực tiễn về lòng từ tâm lương thiện. Biết đau nỗi đau của người khác là khởi phát của lòng nhân, con người xâm lược cúi đầu trước bi thương của phía bên kia khi nhận thức được tính phi nghĩa trong hành động của mình. Đó chính là tinh thần của những câu thơ rất ấn tượng này: *Sự mất mát là một sự chỉ đỏ đan vào tấm khăn choàng của người phụ nữ; nỗi đau là nút thắt nó lại (Suy sụp ở làng Chung Lương)* và: *Những đứa trẻ ngủ giấc ngủ của những chiến binh mệt mỏi/ bị vui đập/ bị bỏ mặc cho hư không trong những cái chết cô đơn/ những cái chết đến thật chậm khiến ta phải ước trái tim ta đã khô hết máu (Cửa ngõ)***

Trong tập **Bài ca bom na pan** tôi thích nhất bài **Lời thơ tặng mẹ Nguyễn Thị Vẻ**. Phải nói rằng Việt Nam đã thấm vào sâu, rất sâu trong tâm hồn của nhà thơ Mỹ này. Cây lúa Việt Nam, người mẹ Việt Nam luôn song hành cùng nhau trong bão giông thời cuộc. Trong cuộc hoàn vi giàu ý nghĩa biểu tượng, số phận cây cũng là số phận người, lúa và mẹ kết thành một Việt Nam tảo tần, nhân hậu, dang hiến nhưng cũng lắm khổ đau, đơn chiếc, chia ly: *Rồi Mẹ như cây mạ/ sẵn sàng cho số phận nhỏ lên từ mảnh ruộng Mẹ đã được gieo/ để lại được cấy xuống trong hàng hàng những người sống sót/ Dậy thì khi lúa trở dòng/ bóng tối hăm hực muốn nhấn chìm về đẹp/ Mẹ vẫn ri rào xanh mượt xanh/ tự do chảy qua những cánh đồng/ Khi lúa chín, Mẹ gặt hái điệu thiêng liêng nhất của đời mình bằng tiếng hát/ bằng yêu thương sâu thẳm trong tim/ bằng nước mắt, tiếng cười ngày làm Mẹ/ Nhưng số phận chia lìa hai ngã/ Mẹ lặng lẽ gặt mình thành gốc rạ/ Cô liêu trên đồng trống trái màu.*



2. Bài ca - Tình yêu đất nước, con người Việt Nam.

Trên vết thương chiến tranh này lên mầm tình yêu. Tình yêu bật dậy và dâng tràn bao la, gần gũi như nhịp tim hơi thở con người và thiêng liêng như một tôn tôn giáo tinh khiết. Tình yêu ấy không phải bỗng nhiên đến, nó trải qua những trải nghiệm và giác ngộ nghiệt ngã để dẫn đến nghiêng hẳn về phía kẻ thù một thuở của mình. May mắn đã mỉm cười với ông, Bruce Weigl không ngã xuống vì viên đạn mũi chông của những người yêu nước Việt Nam để còn thời gian cho trái tim thi sĩ nhạy cảm thao thức cùng những vui buồn sáng tối của dân tộc Việt. Hạnh phúc lớn nhất của cuộc đời ông, theo tôi, là ở đó. Tên tuổi ông không bị khắc vào bức tường chiến tranh Việt Nam ở Washington lẫn giữa 58.267 linh hồn lính trận mà đã được tô đậm trên những bài thơ làm rừng rậm nước Mỹ; những bài thơ ngợi ca kẻ thù mình. Ông đã cất lên những bài ca hòa bình mang khát vọng không của chỉ riêng mình và vì thế nó đủ sức lay động từ hai phía. Bắt đầu từ nụ hôn người cha nhẹ như hơi thở trên môi mình khi ông đi xuyên qua những cánh rừng già miền Nam Việt Nam đầy bí ẩn hiểm nguy: *Xuyên qua rừng rậm/ xuyên qua cao nguyên/ xuyên qua sự chết chóc ở một đất nước Việt Nam xanh/ nụ hôn cha thả trên môi tôi. (Nụ hôn)*. Hình tượng những bộ quân phục Mỹ đầm ướt nằm dưới chân cô thợ giặt Việt Nam ẩn chứa một điều gì rất sâu, khó giải thích rành rọt. *Quần áo ướt của ta chất đống/ Dưới chân một cô gái trong cửa hàng giặt (Cô gái ở cửa hàng giặt Chu Lai)*. Cái không gian có vẻ bình yên ấy chống chọi những vật chứng chiến tranh (có cả mớ hôi và máu trộn động trong từng sợi vải). Hình như, từ rất lâu Bruce Weigl muốn tẩy giặt nó đi, những vết nhơ trên mặt ấy. Ta còn bắt gặp đó đây những nét phác thảo nhỏ nhẹ, hiền lành về cảnh vật Việt Nam như những rụt rè thương mến: *Hoàng hôn/ hàng thường xuân đầy đặc chim sẻ/ chỉ nghe chim sẻ đi chèo ghánh chèo/ chỉ thấy chim sẻ di chuyển trên tường ngôi đền/ những đôi cánh về những dòng thư pháp (Ngôi đền gần Quảng Trị không có trong bản đồ)*.

Sau chiến tranh những cựu chiến binh Mỹ như Bruce Weigl trở lại Việt Nam, đất nước mà họ từng ném bom, bắn phá, mở nhiều cuộc hành quân tìm và diệt những người yêu nước. Cái họ được nhận không phải là hận thù mà là sự độ lượng bao trùm lên đất nước này và họ nhận được từ đó những xao xuyến thân quen, gần gũi: *Nhưng tôi không cảm thấy xa lạ/ Trong chính ngôi nhà đất nước tôi đã nỗ lực bỏ bom/ để nó thành cát bụi. Tình cảm của Bruce Weigl dành cho Việt Nam rất thành*

thật, cả yêu quý lẫn hối hận. Không sự hối hận nào có thể trả lại sự sống cho những người vô tội bị giết chết/ không giọt nước mắt nào có thể gột sạch quá khứ/ không lời nào có thể trồng lại màu xanh cho một thành phố bị đốt cháy... (**Cuộc đời cô lá cờ lụa đỏ**). Ân hận hối hận bao nhiêu thì tình yêu của họ dành cho Việt Nam càng đẹp đẽ bấy nhiêu. Trong một ban mai dịu dàng bên hồ sen, Bruce Weigl nhận ra vẻ đẹp và sức sống Việt Nam qua những hình ảnh bình dị: *Sau một đêm không ngủ, tôi nghe tiếng chim diu ban mai/ về trên mặt hồ bằng tiếng hát/ Trên những chiếc thuyền nan/ Những người hái sen chèo ra xa giữa những bông hoa trắng muốt được ngắt ra/ nhưng sẽ lại dâng lên sự sống (Cuộc đời cô lá cờ lụa đỏ)*.

Mối liên hệ quá khứ - hiện tại, chiến tranh - hòa bình là một phần của phép biện chứng duy vật trong cảm nhận của nhà thơ cựu chiến binh Mỹ này. Thăm nhập vào góc ngách cuộc sống phố phường, làng xã Việt Nam và từ sự hỗn nhiên, đơn sơ của nó nhà thơ phát hiện ra những giá trị mới mà có lẽ trước đó ông chưa hề có. Những câu thơ ngợi ca cuộc sống hòa bình bay lên ngay trên mảnh đất từng bị đào xới vì bom đạn chiến tranh. *Đèn dầu thấp sáng hàng quán/ Nơi những người, vừa từng là kẻ thù của tôi/ Ngồi trên vỉa hè ngợi ca đêm giản dị/ Mùi phở thơm bay lên/ Món ăn của ngày và của đêm... Và những đứa trẻ/ bao vây chúng tôi bằng tiếng cười đen và trắng/ đã cầu nhịp nhàng lên không trung/ tất cả vì bom đã thôi dội xuống (Duy vật biện chứng)*. Đây là bộ mặt của cuộc sống đầy tính thiện, nó vượt lên quá nhiều những đau thương mất mát cơ cực và đã phủ che bấy nhiêu trần trở lo toan thường nhật không dễ gì thấy hết. Cốt lõi xuyên suốt của tinh thần ấy, phẩm chất ấy là gì? Đây là của hôm qua những trầm tích lịch sử văn hóa để lại? Đây là của hôm nay sự chấp nhận và bắt phá để tồn tại và phát triển? Đây là của ngày mai những dự cảm, dự định tươi sáng? Có những câu hỏi/ mà những người có tất cả/ hỏi những người không có gì cả/ và câu trả lời họ không bao giờ hiểu được (**Duy vật biện chứng**). Như vậy, thật thú vị, vẫn còn đó những bí mật Việt Nam chưa được hé lộ. Để có một tình yêu trọn vẹn với đất nước này, người Mỹ tiếp tục tìm hiểu khám phá con người Việt Nam.

Không ít những trích dẫn về thơ của Bruce Weigl (dẫu là qua bản tiếng Việt của Nguyễn Phan Quế Mai), tôi nghĩ, sẽ nói được nhiều hơn nỗi đau, tình yêu và khát vọng của ông đối với đất nước, con người Việt Nam so với những phân tích diễn giải, chẳng biết có thấu đáo không, của tôi. Một người bạn Mỹ đã nói, thơ sẽ là nhịp cầu nối chúng ta lại gần nhau trong sự hòa giải hòa hợp tốt đẹp. Qua thơ, ít nhiều Bruce Weigl đã làm được điều đó. Xin được nhắc lại, từ quảng lửa na pan ngàn độ nóng, bài ca hòa bình đã được cất lên. Cảm ơn Bruce Weigl. Cuộc đời của một cựu binh Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam găm náu vào những bài thơ chất ra từ máu và nước mắt, từ bi ai và hy vọng... tựa như một cuốn tự truyện nhiều cung bậc. Một tiểu thuyết thơ của Bruce Weigl, tôi mạo muội nghĩ thế. ■

Hà Nội, 22 tháng 10 năm 2010

1 - Cô nhảm hần. Kém vài tuổi; cao một mét bảy nhảm; chỉ số thông minh IQ... Bằng khả năng kinh doanh trời phú, trong vòng mấy năm nay cô đã tạo dựng được vốn liếng, cơ ngơi, công ty do cô làm giám đốc ngày càng ăn nên làm ra. Nhưng, thành đạt trên thương trường dường như lại song hành với sự lặn dần trong tình trường. Các mối tình liên tiếp đổ vỡ, lòng cô trở nên chai lì, với ai cũng nhạt nhẽo. Và Nam, một doanh nhân đến từ phương nam, một mối làm ăn, một anh chàng thùng rỗng kêu to là dấu chấm hết cho các cuộc phiêu lưu tình ái của cô. Độc lập về kinh tế, đã dư dả để có thể nuôi con một mình, cô bỗng nảy ra ý nghĩ: đến tuổi này làm mẹ đơn thân là cách lựa chọn thích hợp. Và đứa con - chỗ dựa tinh thần là tất cả. Trước hết phải kén được kẻ giúp cô tạo ra bé, tất nhiên lại giống kiểu gì chẳng cần ghen tị. Và cậu bạn cũ của Hằng em họ cô, mà đôi lần cô đã gặp, là sự lựa chọn số một. Từ khi trở thành thiếu nữ chưa bao giờ cô đánh giá cao đám đàn ông vây quanh mình. Một được cả, họ thích nhất khi được ăn vụng chùi sạch mép, chẳng mất gì, chẳng phải chịu trách nhiệm gì. Con đực nào cũng chỉ cần có vậy. Dù sao, đôi lúc cô vẫn có chút lo ngại làm giảm đi sự tự tin của người đàn bà vốn kiêu hãnh vì đẹp và giàu có: nhờ hần không trong số đàn ông đó?

Phòng sáng. Qua cửa kính cô thoáng thấy hần cầm cúi, mái tóc xoăn dày loà xoà rủ xuống rìa cái laptop. Cô gõ cửa. Hần gõ phím, không ngừng đầu lên, hỏi:

- Ai?
- Tôi.

Hần còn ngồi rón đến một phút mới nhao ra mở cửa. Hần sửa lại cặp kính cận, tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Ô, chị!
Cô mỉm cười, gật đầu chào hần, bước vào căn buồng bé xíu vắt vẻo như tổ chim trên tầng tư. Hần quay lại làm động tác quờ tay nhấp chuột, lát sau màn hình phụt tắt. Cô đã ngồi vào ghế đầu trước cái bàn chông chờ kẻ cạnh cửa sổ, trên đặt một bình nước lọc cùng cái cốc thủy tinh cấu bẩn. Cô hỏi:

- Tôi thứ bảy không lượn đâu à?
- Đang làm đồ án tốt nghiệp, bận quá chị ạ. Hần nói, cặp kính lấp loà hướng về phía khách không mời mà đến, nét mặt chưa thôi ngạc nhiên.
- Học giỏi thì kiểu gì chẳng đỗ. Cô nói.

Hần cười trừ. Cậu em út cả thộn nhà cô cũng có cái cười lành lành giống vậy. Hần bỗng hỏi:

- Mà sao chị cho là tôi học giỏi?
- Nhìn mặt thì biết- Cô đánh thẳng ánh mắt về phía cặp kính- Đã bảo rồi, đừng gọi tôi là chị. Đàn bà bao giờ chả phải yếu, là phía dưới cánh đàn ông các anh.
- Chị biết xem tướng?
- Không. Linh cảm vậy thôi.

Hần lóng ngóng cầm cái bình nước lên định rót ra cốc, tay cô áp vào tay hần ngăn lại:

- Khỏi- Cô nói- Ngồi xuống đây. Rồi cô chủ động kéo tay hần ngồi xuống cái ghế đối diện với mình. Lần này đôi mắt nhưng với làn mi chớp chớp vút nhìn hần chăm chặp, cặp môi mỏng của cô ươn ướt, he hé. Bỗng hần vụt đứng lên bảo:

- Tôi pha nước chanh chị uống nhé. Nói rồi hần đi nhanh ra phía góc nhà nơi để cái tủ lạnh nhỏ.

Pha nước chanh- Nam, người tình vừa chia tay của cô cũng có động tác y như thế mỗi khi cô tới nhà. Lần đầu, lần hai thì cầm động, ấy là sự chăm sóc ầm cúng, đến lần ba, lần bốn bỗng thấy chán ngắt, giống như động tác của robot lặp lại cứng nhắc, không còn cách nào khác để thể hiện tình cảm nữa hay sao...

Hần đưa cốc nước chanh tới, cốc đầy

sánh sớt cả ra tay.

- Mời chị. Hần nói.
- Tôi quá già với anh hay sao?
- Chị là chị của Hằng kia mà. Hần cười ngượng ngập.

Vậy là hần vẫn nhớ Hằng, chứ cô biết hần không còn chút gì từ lâu rồi trong bộ nhớ của Hằng. Mỗi tình tẻ nhạt, một anh chàng bảnh bao nhưng trì độn, em họ cô bảo vậy. Tình yêu không đi kèm tình dục như húp canh suông, nhạt thếch. Nửa năm chơi bời qua lại với nhau lờ lờ nước hần, toàn nói chuyện trên trời dưới biển chẳng đâu vào đâu, cuối cùng Hằng chủ động "bai" hần. Thời nay lại có thằng con trai khi có thời cơ không hững hờ kéo đứa con gái trẻ trung thõm tho lên giường, nghe Hằng kể về hần, cô không tin. Hay em không biết cách gợi tình, cô hỏi lại, Hằng lắc đầu ngúng nguẩy, thằng quỳnh ấy chị nhắc đến làm gì nữa! Giờ thằng quỳnh ấy đang lập lại động tác thằng quỳnh của cô, nhưng chỉ khác thằng quỳnh của cô làm cô phát ớn khi hần động vào người, vừa lên giường mà đã hùng hục như trâu húc mả...

- Chị nghĩ gì vậy? Hần hỏi. Cô chợt nhận ra vẻ mặt đầm chiêu của hần sau cặp kính cận khá dày.

Cái thằng sinh viên ở quê ra, đã cắt cổ con bé sau khi lên giường với nó, toà án thành phố vừa xử tử hình cũng đeo cặp kính dày nom có vẻ trí thức thế này, cô bỗng rùng mình. Thời nay con người- con thú rất gần nhau. Nhưng cô lắc đầu, bảo hần:

- Chẳng nghĩ gì cả. Buồn thì đến thăm anh thôi.

Cô bỗng thở dài.

- Sao chị lại thở dài? Hần hỏi nhỏ và nhìn xoáy vào cô với đôi mắt cận mở to ngạc nhiên. Chỉ chờ có vậy, cô hơi ngả về phía hần, thốt ra một câu trong hơi thở:
- Anh!

Nhưng kia, thằng quỳnh bỗng đứng lên, đi nhanh về phía tủ lạnh, lại cô động tác cầm quả chanh cùng con dao inox nhỏ. Hần tiếp tục pha nước chanh nữa sao? Cô cụt hứng. Như vừa bị dội gáo nước lạnh. Cô đứng lên, với về mặt cau



Minh họa của ĐỖ DŨNG

HẦN VÀ CÔ

Truyện ngắn của PHẠM QUANG ĐẪU

có bảo:

- Ai mà uống được thứ nước chua loét ấy nữa.

Cô quả quyết đi về phía cửa. Hần tro ra đấy. Cũng không tỏ ý muốn giữ cô lại.

2 - Minh vô duyên đến thế kia ư, câu hỏi ấy làm lòng tự trọng của cô bị tổn thương trên suốt quãng đường lái chiếc xe "Mec" cứng cựa về nhà. Căn biệt thự của cô là một vương quốc riêng, là thánh địa, nơi giúp lấy lại được sự tự tin mỗi khi cô gặp thất bại ngoài đời. Rồi cô tự vấn an: mình vẫn hấp dẫn, vẫn cao quý, chỉ có hần là thằng quỳnh, thằng quan hoạn còn sót lại của thế kỷ trước. Cho qua chuyện này. Quên hần đi là hơn!

Một tối, người giúp việc báo có khách. Hần đến. Cô nhìn hần đứng đưng:

- Anh Nam. Anh đến làm gì nữa?

- Anh có lỗi- Nam nói, ánh mắt van nài, miệng thì lải nhải- Thời gian xa em vừa qua anh đã hiểu ra, hiểu nhiều chuyện, kể cả cái đạo lý trên giường cần phải hành xử như thế nào. Em hãy cho anh cơ hội làm lại từ đầu.

- Vớ vẩn!- Cô gằn giọng, cười phá lên- Anh chẳng có lỗi gì cả. Nếu có, lỗi của anh là quá nhạt, quá phở. Vậy thôi. Nhà tôi không có chanh để anh pha nước nữa đâu.

Hần lủi thủi về. Ngồi một mình trong căn phòng khách rộng rãi nhiều tiện nghi, cô bỗng thấy trống trải. Cô đơn quá! Ý nghĩ về người mẹ đơn thân bỗng bùng dậy. Không cần chống, mình dư sức nuôi đứa con nên người. Nhưng con mình trước hết phải có ghen của một thằng đàn ông tốt về hình thể cùng trí lực. Và cô lại nghĩ đến hần, cái thằng quan hoạn thế kỷ trước thích uống nước chanh ấy. Có thật hần là quan hoạn? Cô tự biện minh: thằng đàn ông trẻ, có học nào chẳng vậy. Có thể mình nóng vội, có thể mình đến không đúng lúc, còn với Hằng có thể nó chưa đủ hấp dẫn để kéo hần lên giường... Sự đời đơn giản, đừng làm rối lên. Minh cần có đứa con với một thằng đực sạch sẽ, sau cuộc truy hoan là quên hết, anh đi đường anh tôi đi đường

tôi, vậy thôi. Cô trang điểm kỹ, sức thứ nước hoa Pháp đắt tiền. Soi đi soi lại trước gương: mình đến nổi nào đâu nhỉ, hai tám tuổi, tràn đầy xuân sắc. Cô quyết định đến nhà hần lần nữa.

3 - Hần vẫn gọi cô là "chị" và lần này đôi mắt ánh lên niềm vui nào đó còn sót lại sau cặp kính cận. Hần lại đến cạnh tủ lạnh lạng lẽ pha nước chanh. Cô nhìn bàn tay lóng ngóng thon dài của hần khi vắt kiệt nửa quả chanh mà bỗng thấy mùi lòng, cậu sinh viên nhà quê ra tỉnh, thuê nhà ở riêng, vẫn phải làm thêm để kiếm tiền ăn học, những thông tin ấy, Hằng đã cho cô biết cách đây không lâu. Đây cũng chính là điều làm Hằng xem thường và dứt khoát cho hần rớt. Hần mang cốc nước chanh đặt trước mặt cô, nhờ nhẹ:

- Mời chị.
- Đạo này hết bận chưa? Cô hỏi.
- Vừa bảo vệ đồ án xong.
- Tốt chứ?
- Tốt.

- Xin chúc mừng! Cô chia bàn tay búp măng, móng nào cũng được sơn vẽ cẩn thận. Hần nắm rồi bỏ ra ngay, cô chỉ kịp cảm nhận được một sự mềm ẩm thoáng qua bàn tay.

Cô thấy đã đến lúc cần đi thẳng vào vấn đề như thói quen vẫn thường thảo với các đối tác làm ăn mà không phải vòng vo Tam Quốc gì cả. Cô lấy trong sắc ra một tệp tiền năm trăm đồng mới cứng để lên mặt bàn. Nhìn thẳng vào mắt hần, cô bảo:

- Tôi biết anh đang cần trả tiền nhà, đã nửa năm nay anh khát lần. Tôi giúp anh đấy.

Hần ngồi yên một lúc mới hỏi lại:

- Chị cần gì ở tôi?

- Tôi cần một đứa con -Cô nói tỉnh queo- Chỉ với một điều kiện sau khi tôi sinh con cũng là lúc anh đã tốt nghiệp có việc làm, nhưng không phải quanh quẩn ở thủ đô mà đi một nơi khác thật xa. Tôi muốn nói: anh và đứa con tôi không còn mối dây liên hệ nào nữa. Vĩnh viễn không. Nó sẽ lấy họ mẹ.

Cô thấy sau cặp kính, ánh mắt hần thoáng ngó ngàng, hai chân mày hần hơi nhíu lại hần sâu một nếp nhăn. Rồi hần hỏi với giọng điệu khá bình tĩnh:

- Sao chị chọn tôi?
- Tôi thích anh.
- Thích chứ không yêu?
- Thích. Cô cứng cổ nhắc lại.
- Không yêu? Hần bướng bỉnh hỏi lại.

Cô cầm cốc nước chanh, nhấp một ngụm, nhả trả lời:

- Tôi chỉ mới biết anh sơ sơ qua Hằng. Nhưng điều ấy không quan trọng. Và lại, hình như tôi chỉ có thiên chức làm mẹ chứ không thể làm người tình, làm vợ bất kỳ ai. Đơn giản vậy thôi. Tôi thích anh vì anh còn trong sáng...

- Thôi đi- Hần bỗng vụt đứng lên, nét mặt giận dữ nhìn thẳng vào cô- Chị nói trắng phở ra đi, chị thích vì tôi là đực rựa chính cống. Chị trả tiền cho một thằng đi đực!

Nói rồi hần đẩy nhanh tệp tiền về phía cô.

Ra đến đường. Cô chợt ngoái lại tổ chim tầng bốn hần đã trọ năm năm qua. Tối rằm. Có lẽ hần phụt tắt điện và nằm lăn ra giường ngay sau khi cô bỏ về.

4- Công việc kinh doanh choán hết thì giờ của cô. Tìm chân hàng, thương

(Xem tiếp trang 22)

CHÙM TRUYỆN MINI CỦA Y BAN

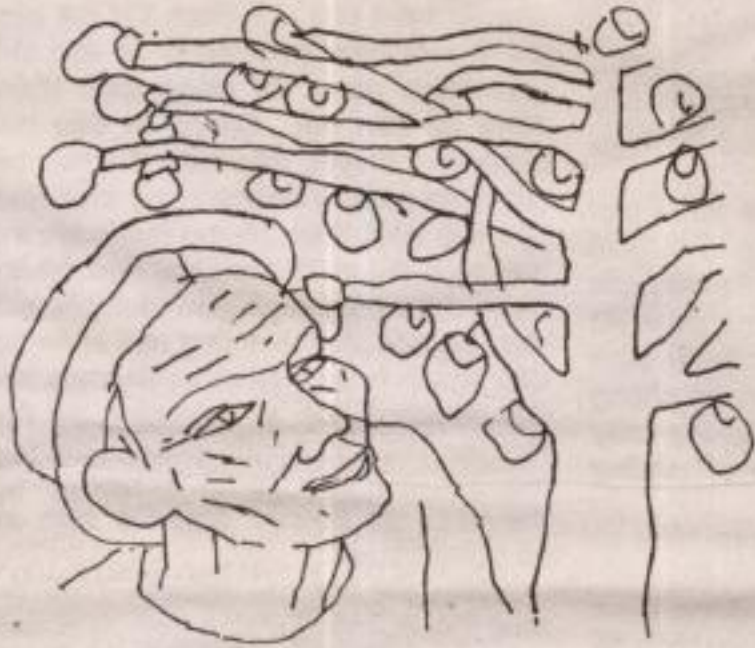
SANG ĐƯỜNG

BẠN thân mến của tôi. Bạn sắp du lịch đến đây à? Bạn hỏi tôi về cách sang đường à? Tôi không biết bạn đã bao giờ được chứng kiến tổ kiến vỡ chưa? Những con kiến chạy òa ra hoảng hốt, đen đặc và cuốn phăng những thứ cản đường chúng. Nhưng kỳ lạ là chúng không hề dẫm đạp lên nhau. Đấy giao thông ở nơi này cũng vậy. Bạn là người sang đường. Dù bạn có đi trên vạch ngựa vằn, hay là ở nút giao thông, hoặc là bạn đi ngang qua bất kỳ đoạn đường nào. Bạn sẽ là kẻ cản đường của đàn kiến vỡ tổ. Tôi đã chứng kiến nhiều người sang đường trong cái dòng xe máy dày đặc như đàn kiến vỡ tổ kia. Trên gương mặt họ một nỗi sợ hãi tột cùng. Những chiếc xe cứ lao đến như sắp cuốn phăng họ đi. Rồi đột ngột nó rẽ sang hướng khác, hoặc là nó lướt qua với một

làn gió mạnh thốc vào mặt lạnh toát như gió của thần chết.

Đã có một vài nhà văn nước ngoài viết hẳn những cuốn sách dạy về sự sang đường. Lại cũng có một nhà báo nước ngoài viết rằng, nếu du lịch mạo hiểm mà chưa đủ hấp dẫn ai đó thì xin mời đến để tham gia vào giao thông ở Việt Nam. Đó chỉ là một mớ lý thuyết suông. Nhưng tôi không khuyên bạn phải sang đường ở đây để có thực tế đâu. Không, tôi không bao giờ có thể để thần chết lướt gió qua mặt bạn như vậy.

Bạn biết đấy, tổ kiến có một trật tự rất nghiêm ngặt. Những nhà khoa học đang ra công nghiên cứu sự trật tự của tổ kiến để áp dụng cho loài người chúng ta. Nhưng ở đây tổ kiến rất hay bị chọc để cho vỡ òa. Tôi cũng không hiểu vì sao lại vậy?■



Mình họa của PHẠM MINH HẢI

CÓ một bà già nghèo nhỏ thó sống trong một căn nhà nhỏ bên cạnh một cây gạo già. Cây gạo già nhưng vẫn trổ hoa vào tháng ba. Tháng ba bà già nhỏ thó đứng dưới gốc cây để xem hoa gạo rụng. Hoa gạo ở đầu cành lặng lẽ bứt khỏi cành, rơi cái nùm hoa xuống trước, năm cánh hoa xoay tròn trong không khí như cái chong chóng. Cách rụng hoa kiểu chong chóng cánh hoa không bị giập nát khi tiếp đất. Bà già nhỏ thó nhặt bông hoa đó mang vào nhà. Còn nếu hoa rụng bộp xuống đất đó là khi có gió lay hoặc những cánh hoa úp xuống.

Bà già nghèo nhỏ thó có một nỗi niềm riêng mà không bao giờ bà nói cho ai biết. Chỉ có những bông hoa gạo nở vào tháng ba mới biết điều đó. Và một bông

HOA GẠO RỤNG

hoa gạo đã kể cho tôi nghe khi tôi đi qua nhà bà vào tháng ba, tôi đã đứng lặng dưới gốc để chờ một bông hoa gạo rụng.

Xưa bà già nghèo sống trong một gia đình nghèo. Gia đình nghèo sống trong một cộng đồng nghèo. Nghèo là đói. Cái đói triển miên. Nhưng cái đói thanh sạch. Không biết tự bao giờ mà từ cộng đồng đến gia đình và từng cá nhân biết chịu đựng cái đói. Điều này nhìn vào là biết ngay, nhà không cần cửa, vườn không cần rào. Trong gia đình bà già nghèo có một cái chum rất to. Ở trong đó có những thứ ăn được. Lũ trẻ bụng lúc nào cũng đói meo nhưng không bao giờ bén mảng đến gần cái chum. Chỉ có mẹ, là người duy nhất trong nhà được mở chum để lấy gạo nấu ăn, hoặc một loại lương thực nào đó. Một lần mẹ lấy từ chum ra một thứ gọi là mì sợi. Mẹ bắc chảo rồi cho mì sợi vào rang, thêm ít mỡ và một ít đường. Một món ăn tuyệt vời. Nó ngon hơn tất cả thấy mọi thứ ngon nhất ở trên đời này. Chỉ đơn giản là bọn trẻ con khi ấy chưa bao giờ được ăn thứ gì ngon hơn. Mấy ngày sau bố mẹ đi làm chỉ có ba chị em ở nhà. Bà già nghèo nhỏ thó là chị cả, lên mười tuổi, gầy đen như que củi nhưng mắt lớn đang cựa quậy để trở dậy. Cái món ăn tuyệt vời của mẹ làm cho ba chị em cứ nhòm ngó vào cái chum. Không thể đứng được nữa ba chị em quyết định mở chum để lấy một ít mì sợi, đường và mỡ. Chị cả gầy đen bảo với hai

THẾ CÒN BỘ XƯƠNG BIẾT VỨT ĐI ĐÂU

CÒ là một cậu con trai. Ở nơi đây khi sinh con trai hay đặt tên tục là cò cho dễ nuôi. Con cò con vạc lấm lũi kiếm ăn suốt ngày. Cò rất yêu mẹ. Cò đang cười khanh khách nhưng muốn làm Cò khóc thì cũng rất dễ. Chỉ cần mẹ hỏi Cò:

-Mẹ chết Cò sống với ai?

Mẹ Cò là người đàn bà biết tự yêu mình và hay thương thân. Nhưng là người luôn hoài nghi. Mẹ Cò chỉ tin một điều duy nhất đó là tình yêu tuyệt đối của cậu con trai nhỏ đối với mình. Thi thoảng để củng cố niềm tin đó lại hỏi Cò:

- Mẹ chết Cò sống với ai?

Cò lại nức nở khóc.

Năm Cò lên bốn tuổi, hai mẹ con nằm khểnh trên giường vui vẻ. Mẹ hỏi Cò:

- Mẹ chết Cò sống với ai?

- Hu hu, khi ấy con lớn rồi.

- Con lớn rồi thì con làm gì?

- Hu hu con chôn mẹ.

- Con đừng chôn mẹ. Con chôn mẹ xuống đất thì con giun con dế nó ăn hết mẹ. Con cứ để mẹ nằm trên giường như thế này này.

- Hu hu, ôi giới di thể còn bộ xương biết vứt đi đâu.

Nghe Cò trả lời thế mẹ Cò cũng muốn khóc nhưng cố kìm. Nhưng từ đó không bao giờ hỏi Cò rằng, mẹ chết Cò sống với ai, nữa.■

thằng em:

- Chúng mày ra ngõ đứng canh mẹ. Mẹ mà bắt gặp chị em mình ăn vụng thế này mẹ sẽ rất đau khổ. Nếu mẹ về chúng mày hô hoa gạo rụng thì tao sẽ giấu chảo mì vào đồng rạ.

Hai thằng em ra ngõ canh mẹ. Chị cả gầy đen nổi lửa rang mì. Chảo mì đã bốc mùi thơm nức, chỉ cần cho ít đường nữa là xong. Bỗng nhiên một tiếng hô ở ngõ dội vào bếp: hoa gạo rụng.

Chị cả gầy đen cuống quýt bắc chảo mì giấu vào đồng rạ. Vì sợ quá mà quên dùng lót tay nên hai bàn tay đỏ ửng lên vì bị bỏng. Chị cả gầy đen đau rất ở hai tay nên thu hai tay vào trong áo, áp vào bụng thấy đỡ đau. Chị hốt hoảng chạy ra cổng. Hai thằng em đang cười nhàn nhõ. Chúng bảo chúng dọa chị đấy. Chị cả khóc nức lên, giờ hai bàn tay đỏ ửng cho hai thằng em xem. Nhưng có một cái chị cả không cho hai thằng em nghịch ngợm xem được đó là các mắt lớn trong chị cả đã thui rồi. Cái lúc ba từ "hoa gạo rụng" lọt vào tai chị cả thì một sự sợ hãi tột cùng ập đến. Chị cả rùng mình và cảm nhận được một sự mất hữu hình trong cơ thể. Như cái lúc bông hoa gạo lia cành, chỉ có mình chị cả nhìn thấy, mà có giải thích thế nào hai thằng em cũng không cảm nhận được.

Từ đó chị cả không lớn lên được nữa. Bố mẹ đã mang chị cả đi đến nhiều bệnh viện để khám và chữa. Không có một thứ thuốc nào làm chị cả lớn lên được nữa.

Hai đứa em lớn lên đi khỏi làng. Chúng thành đạt trên đường đời chúng chọn. Chị cả ở lại căn nhà nhỏ của cha mẹ, thành một bà già nghèo nhỏ thó. Hai đứa em thì thoảng về thăm. Chúng nói chuyện với nhau rằng, bây giờ người ta no đủ trong sự dối trá và suy đồi. Chúng bảo với bà già nghèo nhỏ thó rằng, chị thật hạnh phúc, tháng ba chị được xem hoa gạo rụng và chúng hỏi, chị có còn thích món mì rang đường không?■

THẾ GIỚI PHẪNG

TÔI sống ở thành phố, đất chật người đông. Đi trên đường phố xe máy người nọ húc vào xe máy người kia. Ánh mắt nhìn nhau găm ghè, miệng phun phì phì như rắn. Thì thôi không đánh được nhau thì phì ra cho đỡ tức. Tôi dành dụm được một khoản tiền mua một mảnh đất ở quê để hưởng cái hương đồng gió nội. Tôi xây một căn nhà âm lịch để trăng, gió lùa vào. Còn thừa ít đất tôi trồng một khóm tre đằng ngà để nghe lá tre xào xạc và để chim về hót. Tôi hạnh phúc trên mảnh đất quê của tôi.

Bỗng năm ấy thành phố lụt to lắm. Thì trời làm mưa to ất lụt thôi. Năm nào vào mùa mưa mà thành phố chẳng lụt. Nước không thoát kịp thì nước dâng ngập phố. Mà bấy giờ đã là cuối thu, đầu đông không còn là mùa mưa nữa mà sao trời đổ nước xuống lầm thế. Mưa như trút nước cả ngày cả đêm. Nước dâng ngập tràn ngập phố. Nước ngập vào tận nhà. Thành phố mênh mông nước. Trời tạnh mưa. Nước không biết chảy đi đâu vẫn

đọng lại trên nhà trên phố.

Tôi không thấy thương cái thân tôi lội mưa đi làm. Tôi lo cho đồng sách tôi để trong ngôi nhà âm lịch ở quê. Trời hưng hừng tôi đi xe máy về quê. Là quê nhưng thực ra theo đường chim bay nó chỉ cách Bờ hồ chưa đầy hai mươi cây số. Đường có chỗ khô, chỗ còn ngập sâu trong nước. Tôi về số một tầng ga rẽ nước phóng. Đến đầu làng thì tôi đầu hàng. Nước ngập ngang yên xe. Tôi gửi xe máy vào một chỗ, bí bõm lội vào nhà. Tôi mở cửa. Những thứ dập dềnh trong nhà ào ra. Mấy cái ván tôi kê làm giá sách. Và thế giới phẳng. Nó đang dập dềnh trên mặt nước. Tôi vớt nó lên. Nó ướt nhoẹt. Tôi chán ngán đóng cửa đi về. Tôi nhìn nước và nghĩ thầm. Thế giới phẳng. Nước ngập đến đâu thế giới phẳng đến đó.

Mười ba ngày sau điểm ngập cuối

cùng của thành phố đã bay hơi hết tôi về quê. Nước ở quê vẫn còn xam xấp. Tôi quay trở ra không vào nhà nữa.

Sau cơn lụt trời trả lại cho thành phố một đợt nắng thủy tinh trong veo. Thời tiết của thành phố chưa bao giờ đẹp đến thế. Buổi sáng trời se se lạnh rồi nắng vàng hanh hao cuối thu bùng lên đến tận cuối chiều mới tắt. Thời tiết đẹp như vậy kéo tận gần tháng trời.

Tôi cân thời gian để mảnh vườn ở quê đã khô đất. Đường làng rắc đầy vôi bột, trắng xóa. Đây là cách dân quê phòng chống dịch sau lũ. Trước cổng nhà tôi trắng vôi bột. Quà là mảnh vườn đã khô. Tôi mở cửa vào nhà dọn dẹp. Cái chân cái chiếu ngâm lâu ngày trong nước bở bực. Tôi quăng ra vườn. Sách ngâm nước tã ra tôi cũng quăng ra vườn. Tôi nhổ cỏ, quét lá. Tôi gom tất cả lại để đốt. Lửa cháy bùng lên. Thế giới phẳng của tôi

không bị ngâm lâu trong nước nên không tử nhưng quần quèo hết cả. Tôi quăng luôn vào đồng lửa. Dọn một hồi mảnh vườn đã sạch sẽ.

Sau trận lụt đó có nhiều người bị cách chức và kỷ luật vì thiệt hại về vật chất ước tính lên đến ba nghìn tỉ đồng. Còn thiệt hại về tinh thần thì chưa thống kê. Có một số người bị bắt và bị xử một cách âm thầm. Đó là những người quản lý các hồ nước. Các hồ này gọi là hồ điều hòa. Có nghĩa là chức năng của các hồ này là để thoát nước. Những người quản lý mới tiếc của giới đem cho thuê để nuôi cá. Mưa ào ào nước trút xuống thành phố lã ra những người đó phải xả nước hồ ra sông cho nước thành phố thoát vào hồ. Nhưng họ sợ mất cá nên không chịu xả nước. Thế là nước hồ dâng lên ngập cả vào trạm bơm. Vậy là cả giới, cả người đã làm nên trận lụt lịch sử của thành phố này.

Trong bản báo cáo về trận lụt không thấy nói đến diễn biến hòa bình.■



LÝ LUẬN TIỂU THUYẾT TRONG CÁI NHÌN CỦA MỘT NHÀ VĂN

(Trao đổi với Nguyễn Hiếu - tác giả bài viết Lý luận về tiểu thuyết đi quá chậm so với sáng tác trên báo Văn nghệ số 50 và Thử bàn về lý luận tiểu thuyết hiện nay, báo QĐND cuối tuần, 7-11-2010)

TS. NGUYỄN VĂN TÙNG

Bài Lý luận về tiểu thuyết đi quá chậm so với sáng tác của tác giả Nguyễn Hiếu, đăng trên website Văn chương Việt ngày 22 - 10 - 2010 và Tuần báo Văn nghệ ngày 11-12-2010. Vẫn là bài viết ấy, Nguyễn Hiếu đã cho đăng trên báo Quân đội nhân dân cuối tuần số ngày 7 - 11 - 2010 bằng việc "chạy" một tit khác: Thử bàn về lý luận tiểu thuyết hiện nay.

Chủ đề bài viết của tác giả được thể hiện rõ trong cả hai tên bài. Trong bài viết này, Nguyễn Hiếu bàn về bài Nhà văn và tiểu thuyết của nhà văn Bùi Bình Thi trên báo Văn nghệ và bài Một cơ sở cho lý luận về tiểu thuyết của Việt Nam của chúng tôi cũng trên báo Văn nghệ, số gộp 35 - 36, tháng 9 năm 2010. Phần cuối của bài viết, tác giả nói về chuyên luận Văn học Mỹ - Nghệ thuật viết văn và kĩ xảo của Giáo sư Huy Liên. Điều đáng chú ý nhất là Nguyễn Hiếu dành phần lớn dung lượng bài viết của mình phân tích bài viết của chúng tôi, để rồi cuối cùng đi đến đánh giá chung là "nhắc lại thụ động kiến thức của thiên hạ để để ra những "tác phẩm" chỉ có tác động là làm lãng phí những trang báo và làm mất thời gian của người đọc và thêm một lần trở thành một dẫn chứng cho sự quá chậm trễ của lý luận trước thực tế sôi động của xã hội cũng như văn học".

Những đánh giá đó của Nguyễn Hiếu có đúng không? Chúng tôi xin được trao đổi lại ...

Thứ nhất, về thể thức, Một cơ sở cho lý luận về tiểu thuyết của Việt Nam bài viết của chúng tôi thuộc loại đọc sách : thao tác đọc lại một công trình lý luận - phê bình tiểu thuyết tiêu biểu của nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ - chuyên luận hai tập "Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại" (tập I - 1974, tập II - 1975, Nxb Đại học và THCN, Hà Nội). Chắc hẳn tác giả Nguyễn Hiếu đã biết nội dung thông thường của một bài đọc sách là bao gồm hai phần: một là tổng quan nội dung cơ bản của cuốn sách; hai là nêu những nhận xét, đánh giá của chủ quan người viết bài đọc sách về đóng góp hay hạn chế của cuốn sách. Bài viết của chúng tôi không nằm ngoài cấu trúc ấy.

Tổng quan nội dung cơ bản của Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, chúng tôi nhận thấy bên cạnh những đóng góp về phê bình, nghiên cứu những hiện tượng, tác giả, tác phẩm tiểu thuyết cụ thể, công trình này có một giá trị nổi bật về phương diện xây dựng lý luận thể loại tiểu thuyết. Giá trị về lý luận thể loại của công trình đó là gì đã được chúng tôi tóm tắt trong những luận điểm cơ bản về đặc trưng thể loại, về nhân vật, về cốt truyện, về kết cấu, về ngôn ngữ tiểu thuyết.

Trong khi tóm tắt lại các luận điểm đó, chúng tôi có dừng lại và tô đậm những vấn đề thể hiện khả năng nhạy bén về mặt khoa học của nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ. Đó là luận điểm về tính đa thanh của tiểu thuyết; luận điểm về sự pha trộn, chuyển hoá lẫn nhau của nhiều màu sắc thẩm mỹ: cái cao cả và thấp hèn, chất thơ và chất văn xuôi... trong tiểu thuyết;



luận điểm về ngôn ngữ song thanh và đa thanh của tiểu thuyết. Đây là những luận điểm mà nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ đã tiếp thu được từ những thành tựu lý luận tiểu thuyết tiên tiến trên thế giới.

Như chúng ta đều biết, những năm GS Phan Cự Đệ cho ra mắt chuyên luận này, thực tế sáng tác và lý luận tiểu thuyết ở Việt Nam (dòng chính thống) vẫn đi theo một khuôn hình duy nhất. Con người đời tư, đời thường, ý thức cá nhân... là những điều cấm kỵ. Tư tưởng nghệ thuật trong tiểu thuyết phải minh bạch, đơn thanh. Ngôn ngữ tiểu thuyết cũng không thể hàm chứa nhiều giọng điệu mang tính đối thoại.

Là một nhà nghiên cứu nắm rất chắc thực tiễn mang tính "quy phạm" đó, nhưng với một bản lĩnh khoa học, Phan Cự Đệ đã mạnh dạn nêu lên trong chuyên luận của mình những vấn đề thể loại hoàn toàn mới mẻ, có khả năng thay đổi diện mạo của tiểu thuyết Việt Nam. Đó chính là lý do chúng tôi cho rằng nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ là người có tư tưởng đổi mới về khoa học rất sớm.

Như thế, những thao tác của chúng tôi trong bài viết này vô cùng minh bạch. Mục đích của chúng tôi rất rõ ràng và trong sáng. Bằng việc nêu lại những đóng góp ấy, bạn đọc rộng rãi có tư liệu tham khảo về đặc điểm thể loại tiểu thuyết, từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động tiếp nhận tiểu thuyết trong đời sống văn học. Vậy không hiểu xuất phát từ đâu mà Nguyễn Hiếu lại vội vã cho rằng công việc của chúng tôi là "xào xác tác phẩm của người khác" để tạo ra tác phẩm của mình? Theo chúng tôi, tác giả Nguyễn Hiếu nên xem lại khả năng "đọc" của mình.

Nguyễn Hiếu cho rằng, chuyên luận Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại của GS. Phan Cự Đệ là một công trình đã hoàn toàn lạc hậu. Những luận điểm về thể loại tiểu thuyết được nêu trong hai tập chuyên luận đó ra đời những 35 năm rồi. Vì những lý do đó, nó không đáng để đọc lại.

Nguyên văn một số đoạn nhận định

về chúng tôi và công trình của GS. Phan Cự Đệ, tác giả Nguyễn Hiếu viết:

"...gây ra sự thất vọng về sự nói lại những điều đã quá cũ, một thứ giáo trình không hoàn chỉnh, sơ sài vì không tiệm cận được thực tế về nền tiểu thuyết Việt nam đang biến động"

"Những lập luận sơ khai như tiểu thuyết gắn liền với sử thi, ngôn ngữ đa thanh, song thanh của tiểu thuyết, cốt truyện và tính cách nhân vật, độc thoại nội tâm và phép biện chứng pháp tâm hồn được minh chứng qua tiểu thuyết của Tônstói... vẫn được tiến sĩ Tùng tán tụng như những phát hiện mới".

"Chuyên luận của thầy Đệ tôi là một giáo trình nên nó mang nặng chất giáo khoa để giảng dạy (...) Chuyên luận của thầy Đệ có thể phù hợp với giai đoạn đó khi ông nhấn mạnh đến sự quyết định của thể loại đối với sự hình thành phong cách tác giả. Đáng tiếc đến giai đoạn này mà TS Tùng vẫn tán dương về những điều cũ kĩ"

Phát ngôn như thế, Nguyễn Hiếu có bốn điều sai.

Điều sai thứ nhất, đó là đứng trước những tri thức khoa học, Nguyễn Hiếu đã nhận thức một cách rất chủ quan, nóng vội, mang nặng tư tưởng định kiến. Không thể không thừa nhận, trong số những luận điểm về đặc trưng thể loại tiểu thuyết mà nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ nêu trong công trình của mình, có những luận điểm cho đến ngày nay vẫn mang tính thời sự đối với nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam. Cụ thể, đó là vấn đề tiểu thuyết đa thanh là gì? Sự chuyển hoá, pha trộn của nhiều màu sắc thẩm mỹ trong tiểu thuyết là gì? Ngôn ngữ song thanh, ngôn ngữ đa thanh là gì? Đây là những đặc điểm thể loại mà nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ đã tiếp thu được từ những thành tựu nghiên cứu tiên tiến về tiểu thuyết trên thế giới khi đó chứ không phải được rút ra từ thành tựu sáng tác tiểu thuyết của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 như Nguyễn Hiếu nhầm tưởng.

Tiểu thuyết đa thanh là một phát hiện của M. Bakhtin - người được đánh giá là một trong những nhà nghiên cứu văn học lớn nhất thế kỉ XX - khi nghiên cứu thi pháp tiểu thuyết Dostoevski. Có thể nói, đó là một đỉnh cao về nghệ thuật tiểu thuyết thế giới mà những nhà tiểu thuyết sau Dostoevski vẫn chưa vượt qua được. Tiểu thuyết đa thanh là một hình thức tối ưu cho sự thể hiện tinh thần đối thoại, dân chủ, tự do của tiểu thuyết. Đối với tiểu thuyết đương đại Việt Nam, thì đó cũng vẫn là một mục đích mà nhiều người cầm bút đang theo đuổi.

Chúng ta đều biết, nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam mới có một tuổi đời non trẻ. Chính thức xuất hiện từ cuối thế kỉ XIX, nhưng phải đến giai đoạn văn học 1930 - 1945 mới có những thành tựu đáng kể. Dù sao cũng phải thừa nhận một thực tế, tiểu thuyết hiện đại Việt Nam muốn hay không vẫn đi lại lộ trình của tiểu thuyết châu Âu. Nếu như tiểu thuyết lãng mạn và tiểu thuyết hiện thực phê phán đã thịnh hành ở phương Tây, đặc

biệt là ở Pháp từ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, thì ở Việt Nam mãi đến giữa thế kỉ XX chúng ta mới có. Khoảng cách phát triển đó, như thế khoảng một trăm năm. Tất nhiên, càng về sau này, khoảng cách ấy càng được rút ngắn hơn. Một số loại tiểu thuyết đang được các nhà văn Việt Nam thể nghiệm hiện nay, như tiểu thuyết độc thoại nội tâm, tiểu thuyết miêu tả "dòng ý thức", tiểu thuyết kì ảo, tiểu thuyết hậu hiện đại... thì đều là những loại tiểu thuyết đã hình thành, phát triển và có thành tựu nổi bật trên thế giới, chủ yếu là ở phương Tây từ những năm đầu và giữa thế kỉ XX.

Là một người am hiểu lý luận thể loại, chắc hẳn Nguyễn Hiếu hiểu được ý nghĩa thời sự của vấn đề tiểu thuyết đa thanh, ngôn ngữ đa thanh, sự chuyển hoá, pha trộn nhiều cảm xúc thẩm mỹ đối với công cuộc cách tân nghệ thuật tiểu thuyết hiện nay của các nhà tiểu thuyết đương đại Việt Nam. Vì thế, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, khi một người viết tiểu thuyết như Nguyễn Hiếu, lại từng là tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp mà có thể cho rằng những luận điểm về thể loại tiểu thuyết như vừa nêu là "sơ khai" "cũ kĩ"!

Điều sai thứ hai, anh cho rằng chuyên luận của GS Phan Cự Đệ cũng chỉ là một giáo trình nặng về tính chất giáo khoa dùng để giảng dạy, không đáng để bàn bạc. Chúng ta đều biết, đúng về lý thuyết, giáo trình đại học bao giờ cũng phải là những công trình khoa học cập nhật được những thành tựu mới mẻ, hiện đại nhất của khoa học. Những người được biên soạn giáo trình cho sinh viên đại học phải là những nhà khoa học đầu ngành hoặc phải có uy tín khoa học. Đối lập khoa học với giáo trình đại học, Nguyễn Hiếu đã tự phủ định những năm tháng là sinh viên đại học Tổng hợp, hơn thế lại là học trò của "thầy Đệ" như anh kể trong bài viết.

Điều sai thứ ba, Nguyễn Hiếu cho rằng đây là "một thứ giáo trình chưa hoàn chỉnh, sơ sài". Điều này thì chúng tôi xin không bàn nhiều, chỉ cần anh mở từ điển tra lại ý nghĩa các khái niệm giáo trình, chuyên luận cũng như đọc lại hệ thống vấn đề trong hai tập sách đó.

Điều sai thứ tư, anh cho rằng chuyên luận Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại ra đời đã 35 năm thì không đáng bàn lại. Như thế, bất luận là sách do ai viết, cứ có thời gian ra đời càng lâu thì càng mất giá trị?! Thưa anh, điều này đương nhiên là đúng đối với những nhà văn, nhà khoa học bất tài. Ngược lại, nếu những cuốn sách đó là những công trình khoa học hoặc nghệ thuật đích thực, thì mãi mãi được những thế hệ sau ghi nhận. Trong lĩnh vực nghiên cứu văn học, dù ngày nay chúng ta có rất nhiều lý thuyết văn học, từ thi pháp học, phân tâm học, chủ nghĩa cấu trúc, giải cấu trúc, chủ nghĩa hậu hiện đại,... nhưng người ta không bao giờ quên ở thời cổ đại có những người đã đặt những viên đá tảng như Aristot với Thi pháp học.

Và chính với ý nghĩa đó, chúng tôi đã thông qua việc tóm tắt và nhấn mạnh giá trị của một số luận điểm trong công trình Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại để thấy rằng chuyên luận ấy là một cơ sở cho lý luận về tiểu thuyết của Việt Nam. Một cách đặt vấn đề hoàn toàn nghiêm túc, dễ hiểu, trong sáng chứ không hề to tát như Nguyễn Hiếu đã cảm nhận. Thiết nghĩ, đọc lại một công trình khoa học có giá trị để tri ân những đóng góp khoa học của một nhà nghiên cứu cũng như để thấy được vai trò, vị trí của công trình khoa học ấy trong đời sống hiện tại là một việc làm cần thiết.

Về bài viết của Nguyễn Hiếu còn rất nhiều điều đáng bàn về mối quan hệ giữa nhà văn với việc nhận thức thực tiễn sáng tác và ứng dụng lý luận nhằm nâng cao giá trị nghệ thuật tác phẩm, tuy nhiên chúng tôi xin dừng ở đây.■



MỘT GIỌNG PHÊ BÌNH ĐẦM THẨM TÌNH NGƯỜI

(Về cuốn sách "Con chữ soi bóng đời" của Trần Thị Thắng,
Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2010)

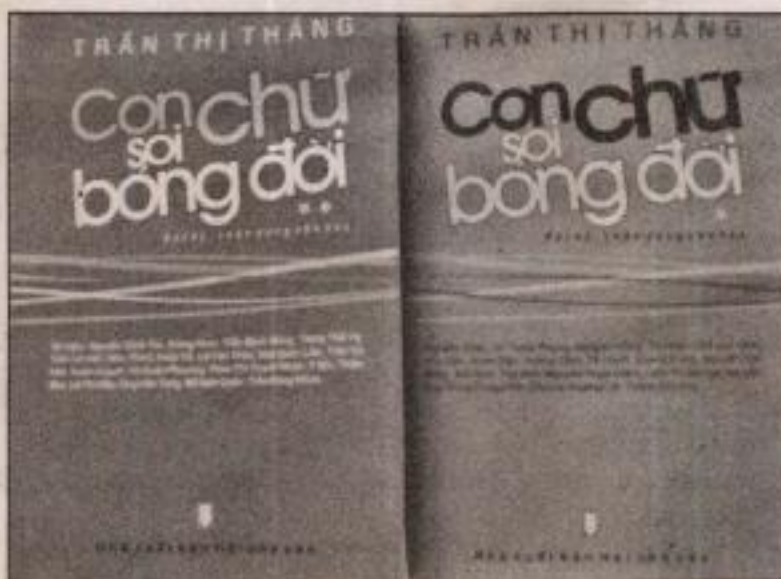
NGUYỄN HUY THÔNG

Có thể nói cuốn bút ký chân dung văn học này gồm 2 tập (tập 1 dày 418 trang, tập 2 dày 370 trang) của nhà thơ Trần Thị Thắng đánh dấu quá trình cảm bút đầy trách nhiệm của chị đối với cuộc sống và văn chương trong suốt 33 năm công tác ở báo Văn nghệ giải phóng và báo Văn nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam. Trong 2 tập sách chị đã giới thiệu hơn 70 gương mặt văn nghệ sĩ, hầu hết là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (trong đó có 22 nhà văn nữ). Chỉ nhìn vào mấy con số này ta thấy được sự nhiệt tình chịu khó ghi chép, tích lũy tài liệu và cảm xúc trong nhiều năm của tác giả mới có được những trang viết tâm huyết, đậm thẩm tình người ấy.

Ngoài những tác giả "cây đa, cây đề" lão thành, chị còn giới thiệu các nhà văn, nhà thơ thuộc thế hệ chống Mỹ, cứu nước và cả những tác giả hiện đang sung sức. Đối với một số nhà thơ, nhà văn lớn tên tuổi lừng lẫy như: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Tô Hoài, Hoàng Cầm... Chị tìm được một cách viết hợp với "tạng" của mình. Chị không ôm đồm đưa vào bài viết vô số vấn đề, vì đã có quá nhiều người viết về các tác giả đó rồi. Chị chỉ chăm phá, phác họa một đôi nét tiêu biểu về tài năng, kinh nghiệm sáng tác và cá tính của họ. Chị khéo léo nêu một số nhận định chắc chắn, ngắn gọn của mình mà vẫn tóm được thần thái của nhà văn ấy.

Trần Thị Thắng đã phác họa tương đối sinh động về những đóng góp quý giá của một số tác giả nổi trội trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước như: Nguyễn Văn Bổng, Phạm Hồ, Hữu Thỉnh, Xuân Quỳnh, Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Duy, Trần Đăng Khoa, Phan Thị Thanh Nhàn, Ý Nhi, Lâm Thị Mỹ Dạ, Vũ Quần Phương... Hữu Thỉnh là: "một gương mặt sáng giá của thơ ca chống Mỹ... với những bài thơ, trường ca, hoà nhịp đồng hành cùng dân tộc" và "Ngôi thơ Hữu Thỉnh viết trường ca đầy chất hoành tráng, bi thương, nhưng lại rất đối trọng sáng...". Nguyễn Duy "giản dị gần với đời thường, những vần thơ như tiếng nói của tâm hồn, gắn sự hiện đại của ngày nay với lối thơ giản dị, chân thành". Còn với Xuân Quỳnh thì "Thơ chị như một đoá quỳnh, đầu đời thơ ngán ngủ tới nỗi, sáng tàn, nhưng vẫn lưu mãi vẻ đẹp của hương hoa trong vườn thơ". Và đây là thơ Ý Nhi "mang chiều sâu..., tình cộng đồng cao..., không mang giọng kể mà vẫn rõ tính tự thông qua miêu tả, trong đó có miêu tả về cảm xúc".

Là một nữ sinh viên tốt nghiệp khoa Ngữ Văn, Đại học



Tổng hợp Hà Nội, năm 1970, Trần Thị Thắng đã hồi hã cùng nhiều bạn bè lớp viết văn khoa 4 của Hội Nhà văn Việt Nam vào chiến trường B2 (Nam Bộ) vừa cầm bút vừa cầm súng. Chị viết: "Vào đây viết văn chưa phải quan trọng, mà phải sống như một người lính thực thụ rồi mới viết văn, viết báo, làm thơ". Chính trong thực tiễn chiến trường đầy máu lửa và sự tích anh hùng này đã làm cho chị và đồng nghiệp hiểu thêm chân giá trị của từng trang văn, bài thơ có hồn, có lửa, giục giã con người vào cuộc chiến đấu sống mái với quân thù để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Ngôi bút phê bình của Trần Thị Thắng trở nên sinh động, truyền cảm mạnh mẽ khi chị viết về các nhà văn, nhà thơ xuất sắc, bám trụ ở chiến trường như: Trần Bạch Đằng, Giang Nam, Hoài Vũ, Anh Đức, Lê Văn Thảo, Vũ Hạnh, Trang Thế Hy, Nguyễn Chí Hiếu, Thạch Cương... Thật đáng kính phục những nhà văn - chiến sĩ kiên cường ấy bất chấp hiểm nguy, sống chết gắng gãi đã cống hiến cho công chúng những áng văn thơ bất hủ. Ta hãy nghe tác giả viết: "Ác liệt là vậy, nhưng cứ văn nghệ của chúng tôi vẫn bảo toàn được lực lượng. Sau đây là những ngày dài, ăn đói với củ nung (nấu). Lúc ấy, cả cơ quan đều đói, nhưng Giang Nam, Hoài Vũ vẫn sáng tác".

Trần Thị Thắng đã tỏ ra đầy thông cảm, khi chị viết về các nhà văn nữ, từ các bậc cao niên như: Anh Thơ, Ngân Giang, Nguyệt Tú, Lý Thị Trung, Ngọc Trai, Thiều Mai, Tôn Nữ Huyền đến các nhà thơ nổi lên hồi chống Mỹ như

Xuân Quỳnh, Ý Nhi, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Lê Thị Mây, Vũ Thị Hồng, Hà Phương đến các chị đã và đang xông xáo trên văn đàn như: Bùi Kim Anh, Kim Quyên, Lê Khánh Mai, Tôn Nữ Thu Thủy, Đặng Nguyệt Anh... Chị sẽ chia tình cảm với những nhà thơ phụ nữ có tài, có tâm nhưng số phận lại éo le, thiệt thòi như các chị: Ngân Giang, Anh Thơ, Xuân Quỳnh, Thảo Phương...

Đọc kỹ hơn 70 chân dung văn nghệ sĩ được tác giả miêu tả, khắc họa, ta càng cảm phục tình bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp giữa các nhà thơ, nhà văn nổi tiếng như Quang Dũng với Trần Lê Văn, Ngô Quân Miện; Nguyễn Tuân với Kim Lân, Tế Hanh, Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Hồng... Những cây viết gạo cội mến nhau về đức, trọng nhau vì tài này đã chân tình, thủy chung, trọn vẹn tình nghĩa với nhau, trân trọng những kết quả sáng tác của nhau thật đáng cho các cây viết trẻ ngày nay học tập, noi theo.

Trong tập sách này, tác giả còn gửi gắm đôi điều suy nghĩ sâu sắc, kín đáo đối với lớp trẻ đang cầm bút hôm nay. Chị cảm thấy: "Thơ của nhiều cây viết trẻ hiện tại thường mạnh ở cái tôi cá nhân, dường như thiếu sức truyền cảm sâu sắc trong thơ" như lớp nhà thơ đã trưởng thành trong 2 cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp, chống Mỹ. Chị tâm đắc, tán thành mấy câu của Nguyễn Trung Hiếu (Quảng Ngãi) định nghĩa về thơ: "Viết được câu thơ/Cần sức một đời/Từ đâu/ Thơ và em thấm đậm" và cách phê bình rất góc cạnh của Mai Quốc Liên: "luôn luôn bám sát thời cuộc, nói lên điều dám nói, dám viết, dám chịu trách nhiệm với trang viết, dám tranh luận lại những vấn đề đã đặt ra". Chị tìm tòi, rút ra được một số nét đáng chú ý trong sáng tác của các tác giả như Chu Lai, Ngô Ngọc Bội, Bé Kiến Quốc, Nguyễn Sỹ Đại, Nguyễn Bảo, Nguyễn Trác, Hoàng Cát, Dương Trọng Đạt, Trần Quang Quý, Thanh Hào...

Khép lại cuốn sách "Con chữ soi bóng đời", tôi càng thêm trân trọng sự cố gắng tận tâm, tận lực với sự nghiệp văn học của tác giả. Phải là người am hiểu văn chương, kể cả chuyện bếp núc, tay nghề, cộng với sự tiếp xúc thực tế với nhân vật, chị mới có thể dựng được nhiều chân dung nhà văn một cách chân thực, xúc động như thế. Tuy vậy, mức độ đậm nhạt, sâu sắc, hấp dẫn giữa một số bài viết của chị không đều nhau. Tôi cứ tiếc, giá mà các bài viết về Trần Bạch Đằng, Giang Nam, Trang Thế Hy đậm đà, dài hơn chút nữa để bạn đọc được hiểu biết thêm về cuộc sống và sáng tác của các tác giả đó ngay giữa khói lửa chiến trường Nam Bộ ngày ấy thì quý giá biết bao. Bài viết về 5 nhà thơ quân đội: Anh Ngọc, Nguyễn Hồng Hà, Trần Anh Thái, Hồng Thanh Quang, Nguyễn Bình Phương còn mỏng quá, đôi hồi tác giả cần đầu tư nữa để tăng thêm lượng thông tin... Nhưng dầu sao, với một cây bút nữ như Trần Thị Thắng vừa qua, ngoài nhiệm vụ của một nhà văn, một cán bộ, công chức nhà nước, chị còn đảm đương phận sự một người vợ, một người mẹ như bao phụ nữ khác, có được một quyển sách phê bình văn học như trên thì đó thật sự là một cố gắng đáng khích lệ. Mong chị tiếp tục cái đà nghiên cứu này để có những đóng góp mới trong quá trình hiểu biết, khám phá, sáng tạo văn chương.

"TỰ BẠCH" - KHẮC THĂNG HOA CỦA TRỰC GIÁC

NGUYỄN HỒNG NHƯNG

"Tự Bạch" là tập hợp các tác phẩm thơ được nhà thơ Trần Anh Thái viết vào những năm chín mươi của thế kỷ trước. Nó thuộc về giai đoạn "những người đầu tiên dám đập vỡ những khối hình thơ ca khuôn cũ để đi tìm một khối hình thơ ca mới".

Giới trái mùa rơi đầy đồng cỏ/ Ta gom về
thấp lủi dưới ngày không (Bên hồ)

Tinh thần của hai câu thơ nương lại tâm trí, mở ra muôn dạng hình dung. Ba mươi lăm bài thơ là những khoảnh khắc của thiên nhiên, của tâm trạng được nắm bắt, khắc họa bằng ngôn từ.

Tôi muốn nói về vai trò của yếu tố trực giác khi tiếp nhận tập thơ "Tự Bạch".

Trực giác thẩm mỹ là "nhận thức, nắm bắt ngay được bản chất của các hiện tượng thẩm mỹ, không cần có sự trung gian của thí nghiệm hay tư duy. Tính chất trực tiếp của trực giác, mối liên hệ của trực giác với tưởng tượng và tình cảm con người, cho phép coi trực giác là yếu tố hết sức quan trọng của thụ cảm thẩm mỹ và sáng tạo nghệ thuật. Nó giúp người nghệ sĩ trong một khoảnh khắc nào đấy có thể nắm bắt được mảnh tâm trạng rơi tự do trong thế giới tâm hồn của mình để có được nụ cười của nàng thơ, của cái đẹp.

Khác với trí tuệ và nhận thức lí tính. Trực giác và nhận thức cảm tính qua tư duy trừu tượng của nghệ thuật ngôn từ cho ta gặp được tức thời cái tuyệt đối, cái huyền nhiệm. Với "Tự Bạch" nhà thơ Trần Anh Thái đã tiếp nhận những va chạm của yếu tố trực giác để rồi "tự bạch", để tỏ bày ra bằng ngôn ngữ thơ với chúng ta.

Ngược theo dòng chảy văn học, từ những năm ba mươi của thế kỷ trước, phong trào Thơ Mới đã tiếp nhận "Chủ nghĩa trực

giác" và đề cao vai trò của cảm xúc, của trực cảm.

Trần Anh Thái cũng đề cao vai trò của trực giác trong sáng tác của mình.

Từ đầu đến cuối tập thơ, người đọc luôn bắt gặp tác giả hỏi về một ai đó không rõ bóng hình. Cái con người lúc thì đứng "sau góc vắng khóc thầm", lúc "đi yên lặng", lúc "úp mặt trong sương lạnh" và "đôi rất xa, rất xa"... Con người không rõ bóng hình nhưng rất rõ tâm trạng đó từng bước, từng bước, thật chậm rãi dẫn dắt người đọc đi vào thế giới của tâm trạng khê khàng mà đầy bản khoăn, trăn trở. Thực ra con người là ai đó đang đi gom gió, để, thấp lủi dưới ngày không và cũng đồng thời nắm bắt, nâng niu và truyền tải những rung cảm thẩm mỹ nảy sinh từ trực giác.

Cái con người là ai đó với tác giả khi là hai cá thể khác biệt, khi cũng đồng thời là một.

"Ta đi run rẩy đêm/ Ai lay cành khuya
đổ/ Ai rủ lời dịu êm..."

Hai con người cùng trôi ngược về dòng kí ức, rồi đều cùng thấy "kí ức vỡ nơi chân trời mờ sáng". Dòng ánh sáng của kí ức, của "Tự Bạch" được nảy sinh, được "vỡ ra từ những mong ước, những suy nghĩ nghiêm túc đối với công việc sáng tạo? Dòng ánh sáng đã liên kết con người là ai đó với thế giới nội tâm của nhà thơ vào một cách rõ rệt hơn. Lúc đó, trực giác nhường chỗ cho những rung cảm tinh tế được chất lọc, được "bắt" lại.

"Ta khỏa xuống bóng mình/ Bối rối mảnh rơi..."

Đọc Tự Bạch, người đọc bắt gặp những khoảng lặng. Những khoảng lặng đó chất chứa nỗi niềm sau những gì được chiêm nghiệm... "Đêm úp xuống lưng/ Người úp

vào bóng tối/ Tiếng thở dài trượt mất đất đai". Khoảng lặng đó vượt ra khỏi hạn định của trang giấy, nó không chỉ thuộc về cá nhân nhà thơ.

Phải chăng thơ Trần Anh Thái là "cuộc độc thoại nội tâm triền miên"? Câu hỏi này vang lên trong suy nghĩ, tôi bắt ra khỏi sự dẫn dụ của ngôn ngữ thơ, tìm cách lí giải nó qua sự trải lòng của chính nhà thơ trong lời tựa ngay đầu thi phẩm:

(...Khát vọng của tôi lúc đó chỉ đơn giản là muốn cánh cửa thơ được mở ra từ nhiều đôi mắt nhìn về nhiều phía với tâm thức trời đầy, bắt đầu cho một khởi đầu vào một giai đoạn chuyển tiếp. Nó giống như một sự quây đạp vỡ vò:

"Nào xếp lại hành trang ký ức/ Ta nhập cùng với gió vượt sông..."/ "Ta sẽ ngự trên đỉnh đối chọi sáng..."

và
"Cơn khát đi/ Ngọn lửa mơ hồ tự do cháy trên đỉnh dốc..."/ "Ta lay gọi mặt trời chưa thức giấc..."

Và đó chính là ngọn lửa từ cây đèn của sự khởi đầu soi sáng tới "Trên Đường" sau này...)

Phải chăng "tâm thức trời đầy, bắt đầu cho một khởi đầu vào giai đoạn chuyển tiếp" được ông nhắc đến chính là sự tiếp nhận "Chủ nghĩa trực giác" và đề cao vai trò của cảm xúc, của trực cảm của giai đoạn Thơ Mới của những năm ba mươi?

Không bị giới hạn bởi niêm luật, ngôn ngữ thơ tự do dẫn người đọc đi vào thế giới nội tâm của nhà thơ, cùng suy nghĩ, cùng "se se" tham dự vào cái công việc sáng tạo vừa rất đơn độc, vừa đòi hỏi rất cao ở người cầm bút.

Tôi muốn nói về yếu tố trực giác vì thế. Song hành cùng những rung cảm thẩm

mĩ nảy sinh từ trực giác, "Tự Bạch" còn là niềm băn khoăn, tìm kiếm và trăn trở về con đường đổi mới, sáng tạo ngôn ngữ, hình ảnh thơ.

Bản thân trực giác cũng nảy sinh từ nơi thâm sâu của linh hồn con người, nơi đó ta gặp thấy con người đang khát khao tìm ra ý nghĩa cho cuộc đời mình, đồng thời thấy được vẻ đẹp cũng như sự thống nhất diệu kỳ của thế giới. Trong thế giới "mung lung" của thiên nhiên, của tâm trạng mà trực giác mang lại, đọc Tự Bạch, ta cũng bắt gặp một niềm khao khát nghiêm túc những câu thơ trải ra trên trang sách như sự thúc giục chính mình.

Nào dẹp giầy hành trang ký ức/ Khúc bi ca
lập lại cũ mèm/ Ta sẽ ngự trên đỉnh đối chọi
sáng/ Thức dậy thôi giấc ngủ yên mèm...

(Mung Lung)

Người nghệ sĩ nào cũng nghiệm ra có một khoảng cách không sao vượt qua được giữa tác phẩm do tay mình sáng tạo ra, dù có thành công đến đâu, và vẻ đẹp tuyệt vời mà mình thoáng thấy trong một lúc nảy sinh cảm hứng sáng tác: những gì họ cố gắng diễn tả qua tranh vẽ, tượng điêu khắc hay tác phẩm văn học chính là tia sáng phát ra từ ánh sáng đã từng lóe lên trước mắt tinh thần của họ trong khoảnh khắc nào đó. Người nghệ sĩ thực thụ là người biết nắm bắt khoảnh khắc ấy và lặn sâu được vào đáy vạn vật, biến cảm xúc thăng hoa thành động lực sáng tạo.

Với Trần Anh Thái, trực giác và khao khát sáng tạo đã thăng hoa, nó kéo dài sự sống thế như không còn gì mỏng manh hơn nữa là "giọt sương"

"...Xin đừng lay động cành mềm, sương
ai/ Bồng đi lặng phía cuối trời/ Xòe bàn tay
hứng giọt rơi sẽ sáng..."

NHỮNG NGƯỜI LÍNH MÃI BÉ THƠ

LÊ TRÍ DŨNG

MÙA đông 1966, bên hồ Thuyến Cuồng, dưới những cây đề rụng lá... Một đứa trẻ 15 tuổi gầy nhẳng, cổ cao, chân dài, vai khoác một túi lưới đựng một quả bóng đá, các miếng da và chằng chịt với nhau bằng những sợi giấy thép nhọn hoắt cùng lũ trẻ con đen đúa, lấm lem, nhễ nhại mồ hôi sau trận đá bóng ở hồ Bấy Mầu trở về nhà... Nó cúi xuống lòng đường Trần Nhân Tông, nhặt lên một mảnh bom bằng gang dài chừng 15cm, rỉ sét, cạnh sắc lủa tưa. Đó là mảnh vỡ của những trái bom đầu tiên ném xuống Hà Nội. 11 năm sau cái ngày cậu nhặt được mảnh bom đầu tiên đó, hàng vạn trái bom tiếp tục quăng xuống quê hương cậu, hàng tỷ mảnh vỡ lấy đi hàng ngàn sinh mạng đồng bào cậu...

Cũng vào những năm thập kỷ 60 đó. Đầu bên kia bán cầu, ở Bostol, phía Đại Tây Dương (cũng có thể là Sanfrancisco phía Thái Bình Dương) một lũ nhóc tóc vàng hoe, có đứa tóc bạch kim, trạc 15 tuổi đang trượt pa-tanh trên đường phố, nhìn chúng cấp những bàn trượt bóng lý bằng gỗ tấn - bì có in hình ông Già Tuyết, "đi" những cú điệu nghệ mà không có độ dẻo của tuổi trẻ, chắc gãy xương như chơi... Không một ai có thể ngờ rằng, lũ trẻ đó, vài năm sau thôi, đã cao lớn trong bộ quân phục cấu kỳ, tiện dụng, đầu đội mũ sắt bọc lưới, balô tiện nghi cho cả một gia đình trên lưng, áo giáp che ngực, giấy đi rừng, AR15 cực nhanh, la bàn, lương khô, thịt hộp, viên-lọc nước, dao đa năng... đổ bộ xuống một cánh rừng, một bãi biển, một mồm đối lúp xúp cỏ gianh... giao chiến với lũ trẻ tóc đen da nâu mồ hôi mồ kê nhễ nhại kia (tất nhiên lúc này bọn trẻ đá bóng đã kíp lộn lên, cường tráng) với AK trên lưng, mũ tai bèo, dép cao su và bộ Tô Châu xanh lúc nào cũng đầm mồ hôi.

Rối đối, khát, nằm rừng, phục kích, tắm trướng dưới vòi phun nước từ trực thăng chở nước sạch được chở lên từ hậu cứ... Rối tổ ba người lọt sâu vào địch hậu, cơm nắm hết, lương khô hết, phải ăn lá rừng, đêm hứng giọt sương uống, vì nguồn nước đã bị nhiễm chất độc dioxin...

50 năm sau, những đứa trẻ đá banh, trượt patanh trên đường phố, những người lính chiến của một cuộc chiến dai dẳng và tàn khốc ngày ấy đã bất ngờ gặp nhau tại Boston trong một cuộc triển lãm hội họa dưới cái tên: "Cái nhìn từ hai phía!". Hôm bế mạc, họa sỹ lính hai nước gặp nhau, tóc muối tiêu, phờ phạc, tàn tạ... Trong khán phòng, giới thiệu danh tính, các họa sỹ Mỹ tròn mắt, trực tiếp nhìn "Việt Cộng" năm xưa giao chiến mà bây giờ mới thấy mặt. Toàn những ông gầy gò, hiến khô, có phần bẽn lẽn. Những người lính hai bên lúc tâm tình, y hết lúc quăng trái bóng hoặc bàn trượt pa-tanh ra một góc, mây tào ớn ả, đường như chưa có cuộc chiến nào nằm giữa khoảng thời gian từ lúc họ gầy nhẳng, mặt đầy lông tơ tới khi họ biến thành ông già tóc muối tiêu.

Nhưng cuộc chiến "tưởng như không có" ấy đã để lại "chiến tích" nặng nề cho quân cả hai bên! Năm 1991, ở Boston, tôi nhận được một cú điện thoại xin gặp, người gọi xưng danh là Denis Staout, cựu chiến binh Việt Nam, nay là thợ điện sống ở Hawai, anh xem tivi và biết tôi vừa đến Mỹ (ngày ấy, đến Mỹ rất khó, nhất là cựu chiến binh). Và anh đã bay 5000 mai từ Hawai đến Boston để gặp tôi, chỉ để ăn chung một bữa cơm và trao cho tôi chiếc vòng đeo cổ có gắn đầu con sơn dương bằng bạc... Anh nói: "Chiếc vòng này, mẹ tôi đã quàng vào cổ tôi ngày sang Việt Nam ở sân bay, như một lá bùa hộ mệnh, từ cuộc chiến trở về, hằng đêm tôi không thể ngủ yên khi nhớ lại... những gương mặt người... Bà già, con trẻ... cả những "Việt cộng", những du kích lọt vào tay bọn tôi... Tôi trở về, và mong có ngày sẽ trở lại dải đất hình chữ S, ngắm dự định sẽ tặng lại chiếc vòng này cho "Việt cộng" đầu tiên mà tôi gặp...". Tôi cầm chiếc vòng lên, đó là một sợi dây da màu đen đã sần lại bởi mồ hôi và mưa gió thấm vào, hai đầu có hai móc sắt, chính giữa là đầu một con sơn dương đúc nổi rất tỷ mỉ và tinh xảo, to bằng ngón tay cái, những góc sừng cong vút ở chỗ lõm đen kịt lại, phần lộ ra bị ma sát sáng bóng, có chỗ mòn vẹt... Con sơn dương làm tôi nhớ đến những hòn bi ve trong vắt, những đồng hồ khắc Bà đầm xoè, sáng bóng của bọn tôi khi đánh đảo đánh xèng, Denis Staout vẫn nói, thỉnh thoảng khịt mũi như vừa chơi xong với bọn tôi một trận đánh trận giả, giờ đang phân thắng bại... Cạnh Denis, William Short cũng lắng nghe, thỉnh thoảng dậm vào một câu phản bác... Trận đánh tuổi thanh xuân của chúng tôi, trận giả tuổi ấu thơ của chúng tôi, những đứa trẻ trượt pa-tanh, những đứa trẻ đá bóng, lao đầu vào nằng lửa mưa rừng... phải chăng có ranh giới? Chỉ có điều trận giả tuổi thanh xuân tàn khốc hơn nhiều... Ở bang Mên (giáp Canada), tôi đã gặp Kewill, theo lời giới thiệu, đó là thượng sỹ thám báo từng tham chiến tại Playcu (Tây Nguyên). Anh nghe nói có một người lính Việt cộng vừa tới và đòi gặp..., tôi có thể gặp (nếu muốn) hoặc không gặp, vì người này đang bị tâm thần! Đó là một người đàn ông cao

gần 2 mét, tóc xỏa chấm vai, bết lại do lâu ngày không tắm gội, quần áo bẩn thỉu, đặc biệt hai bàn tay rất to, vẩy đóng cóc cây từng lớp, dân làng nói với tôi rằng, Kewill trở về Mên, hằng đêm mơ thấy lửa cháy, thấy máu, thấy đạn nổ... Vợ anh đã bỏ anh đi, không một lời. Mẹ già đã mất, anh sống bằng hảo tâm của dân làng, lúc nhớ lúc quên... Tôi lấy ra một chiếc vòng xương, chiếc vòng cuối cùng có gắn một đóa hồng chạm từ xương động vật và nhìn thẳng vào mắt anh... Từ trong mắt xanh đục, ứa ra những giọt nước mắt, Kewill quì trước tôi, run rẩy nói: "Thế là tôi đã thanh thân được rồi, tôi đã được một Việt cộng tha thứ, tôi đã có một đóa hồng..." Anh gào lên: "Tôi đã thanh thân được rồi!...". Tôi cũng khóc, các cựu chiến binh Mỹ ngồi quanh đều khóc, mỗi người đều có tâm sự riêng, họ không biết là tôi đang nhớ lại điều mong mỏi của Đức Phật, cho tất cả nhân sinh trên cõi thế này, đó cũng chỉ là hai chữ "thanh thân" mà thôi!

Lại hai mươi năm nữa trời đi. Những đứa trẻ bây giờ đã già lắm rồi, tóc không còn hoa râm nữa, bạc nhiều rồi, bệnh tật tàn phá cơ thể, nhiều người đã ra đi.

Thế mà những đứa trẻ năm xưa, sau cuộc chiến Việt Nam, vẫn không thoát khỏi nỗi ám ảnh. Chả cứ bọn trẻ ở Mỹ, bọn trẻ ở các nước cùng tham chiến, Úc, Nam Hàn, ... cũng thế. Kể từ cái ngày tiếng súng cuối cùng của chiến tranh vụt tắt, 34 năm sau (số thời gian gấp đôi tuổi lũ trẻ trượt pa-tanh và đá bóng) ở Sydney - Úc một trung tâm văn hóa, bảo tàng có tên là Casula Powerhouse lại tổ chức một cuộc triển lãm lớn về đề tài chiến tranh Việt Nam dưới cái tên "Nam Bang" (Tiếng nổ ở Việt Nam) 4/2009... Lần này, khác triển lãm "Cái nhìn từ hai phía" ở Mỹ do William Joiner Center tổ chức lần trước... Trong cuộc "hành quân" tại Úc lần này, tôi đã gặp nhiều đứa trẻ như thế, và gặp cả William Short, lính chiến trong Sư đoàn Anh Cả Đỏ (Mỹ) năm xưa, người đã từng chống lệnh hành quân 1969 ở Đền Cát và bị nhốt vào côngtơ, người đã cùng tôi tham gia "Cái nhìn từ hai phía" ở Boston năm trước.

Người đầu tiên tôi gặp ở Úc là chuẩn úy bộ binh Ray Beattie, gốc Ailen, cơm tây mà gầy nhẳng, từ cuộc chiến trở về, vợ bỏ, sống bằng trợ cấp cựu chiến binh, làm họa sỹ, nhiều năm sau, hai chữ Việt Nam không dứt khỏi đầu, lại lấy vợ nữa, một phụ nữ Việt Nam, chị Bội Trân (chị là nhà nghiên cứu nghệ thuật và đã cùng chống đưa ra dự án tổ chức "Nam Bang"). Cuộc sống với mức sống trung bình, nhà thuê, xe trả góp... Bao nhiêu tiền nường cả vào các hoạt động vì Việt Nam, ngày chia tay Ray tặng tôi một tấm ảnh đen trắng, trong ảnh, dưới rừng cao su nhiệt đới, Ray với AR15 trong tay và quần phục lính Úc... Anh hồn nhiên kể cho tôi nghe trận đánh ấy, rồi lái xe đưa tôi đi thăm Bảo tàng lịch sử Quân sự Úc ở Thủ đô Calbera, một bảo tàng hiện đại mà vào đó, gió cánh quạt trực thăng, cỏ lau cháy rập, mùi khét lẹt của thuốc súng, âm thanh gầm rú của 10 chiếc trực thăng trong chiến đoàn trực thăng vận đang đổ quân, đạn pháo nổ, bộ đàm gào thét, liên thanh cấp tập... Trên màn ảnh rộng, rừng cây rạp xuống, và tôi đã âm thầm khóc... khi thấy lấp ló trong bóng lá rừng những chiếc mũ cối... Không biết trong số họ, ai còn ai mất tới ngày nay... ra khỏi phòng triển lãm, thấy mặt tôi đỏ hoe. Ray tỏ ra ân hận, thị ngày xưa tụi trẻ vẫn thương tôi mỗi khi chúng ra đòn nặng với tôi trong những trận đánh nhau, khác gì đâu!

Người thứ hai là Trevor. Anh là một họa sỹ biếm họa, anh mang đến Nam Bang một tác phẩm đồ sộ gồm hơn 400 bức biếm họa, định cư tại Tây Úc, độc thân, ông này thì mới thật đúng là trẻ con, gặp anh, tôi cứ nhớ đến một câu của ai đó "Những đứa trẻ không biết già" hoặc "những người già còn trẻ mãi", vô tư, hồn nhiên. Nghe Trevor kể về các cuộc hành quân có chó becgie dẫn đường hoặc nhìn anh cẩn mẫn dùng đinh ghim, găm hơn 400 bức biếm họa lên tường như ngày xưa huấn luyện chó, lòng tôi buồn vô hạn. Nhìn Trevor và Ray ăn, tôi thấy như gặp lại tụi trẻ trong đội bóng đá của chúng tôi năm xưa ăn bánh rán hồ Ha Le hoặc ăn kem Tiến Đạt phố Yết Kiêu ngày nào, hi hà hi hục, suýt sà suýt soát... Ăn mà hùng hục như thế thì chỉ có lũ nhóc mà thôi!

Sân bay Sydney. Chỉ còn vài phút nữa tôi đã phải chia tay rồi, đứng kia là Short, lính Mỹ, và đây Ray/ Trevor, lính Úc! Tôi kiên quyết nghiêng chặt răng, quay gót ra sân bay... Chị Bội Trân và vợ con Short có cho tôi là người dứt tình, lạnh lùng không? Tôi không biết nữa, nhưng tôi phải kiên quyết thôi, vì biết, chắc chắn, nếu còn nán lại, còn nán lại, tôi sẽ khốc nắc lên mất... Những người lính chúng tôi, sao lại mau nước mắt như thế? Lúc xách cái valy lên, tôi thấy Trevor cũng khóc, cả Ray, cả Short nữa...

Có lẽ, bởi vì những người lính chúng tôi, mãi mãi là những bé thơ? Tôi nghĩ thế!■

HỒNG THỦY TIÊN

Giữ chút dịu dàng

Hương vị của tách trà đầu nóng
Không thôi bằng khuôn

Hạnh phúc lướt qua
Thăng thốt từng ngón tay nhỏ
Làm sao em níu giữ
Thời gian mất hút theo vệt nắng cuối chiều

Nơi góc hồ Xuân Hương phẳng lặng
Ta đã sẽ chia
Chút sương mờ rơi nhẹ
Mà lòng nao nao ấm

Hãy giữ chút dịu dàng Đà Lạt hôm ấy
Một màu hoa
Một đôi mắt
Một tình cờ
Để hồn nhiên giữa thực và mơ
Em thêm những chân thành không kiểu cách
Để biết em bên anh rất gần

Dù hạnh phúc lặng thầm
Như hương đầu bằng khuôn...

NGÔ THỊ Ý NHI

Chút hương quế trầm

T
ràng hoàng cung tàn chưa,
Bên ngọn đèn chong,
Một mình đối bóng.
Mai theo trăng xuôi về phương nam,
Thôi, ta làm kẻ phụ đèn.
Rượu sẽ rót tràn thêm hoa chúc mừng trăm năm...
Ừ, chuyện trăm năm cũng chỉ trăm mùa lá rụng.
Mà chuyện ngàn năm...
Ngàn năm mây trắng vẫn còn bay.
Mây có bay qua trời Ô Lý xa xôi,
Cho ta gửi vệt son môi,
Quê hương trời đất Ơi.
Chiều sẽ lặn về phía mặt trời chìm.
Ngọc nát,
Vàng phai,
Ta là hạt bụi...
Thì thời,
Núi rừng, dòng sông, con suối...
Ô Lý Ơi,
Cho ta gửi chút hương quế trầm còn vương trong
nếp tàn y

Ngày mai ngàn dặm ra đi,
Một lần ngoài lại.
Nghe sóng sông Hồng vỗ mãi trái tim đau.
Thăng Long đi Thăng Long, ngàn năm mây trắng,
Ngậm ngùi thương tóc xanh...

VŨ HÙNG GIA THANH

Hà Nội tìm nay

H
à Nội trưa hè lặng gió
Cơn mưa đầu mùa gọi cánh bằng lăng
Chợt sắc Trường Sơn tím lòng thành phố
Hoa giầu gia xoan trắng mạn man màu nón
Người về đội bóng hình cây
Bỏ tôi lạnh hạt mưa bay dầm dề ngõ vắng
Bằng khuôn ba sáu phố phường xưa tìm nay

Hà Nội rắng trời mây
Kì ức Cuộc chia li màu đỏ
Đường Thanh niên bờ sương rơi nhàu cỏ
Đêm ứa vành trăng Hồ Tây
Chiếc bánh phồng tôm em chia tôi bẻ nửa
Bụi ngùi hương vị hôm nay

Hà Nội xa nhớ gần quên
Đình Đoài, Chùa Láng, cốm hương sen
Cao ốc dườn mình bờ ngõ
Căn hộ treo cầu thang chung ngõ
Lạc tầng mây nhăm cửa nhà bên

Hà Nội anh gọi em
Trên đường cao tốc Thăng Long
Dòng xe dòng đời nông nả
Tụ gốc Ba Đình rừng thu xanh lá
Tỏa nhánh phong ba Trường Sa nắng nở
Phát lộ nền Thành Cổ phong rêu

Hà Nội ký ức tôi yêu
Tiếng ve kêu trái sầu rụng chiều
Ngậm vành trăng non hoàng hôn rắng đỏ
Phượng nở nụ hôn cuối ngày
Lạc bước về
Hà Nội tìm nay...



SẼ CÓ NHỮNG TÁC PHẨM LỚN!

Vừa qua, Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc 2006- 2010 do Bộ VH - TT&DL, Hội Mỹ thuật VN đồng tổ chức; đã khai mạc tại Trung tâm triển lãm Văn hóa nghệ thuật VN. Đây là cuộc hội tụ 5 năm một lần của các nghệ sĩ tạo hình trong cả nước. Nhân dịp này, PV Văn nghệ đã phỏng vấn nhanh họa sĩ Trần Khánh Chương- Chủ tịch Hội Mỹ thuật VN, về những vấn đề liên quan đến hội họa đương đại...

PV- Thưa họa sĩ Trần Khánh Chương. Ông đánh giá thế nào về xu hướng phát triển của hội họa Việt Nam?

Họa sĩ TRẦN KHÁNH CHƯƠNG - Hội họa hiện đại Việt Nam đã phát triển được 85 năm, cùng với sự biến động của xã hội, biến động về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư duy về cuộc sống, cả vật chất và tinh thần... 85 năm không phải là quá dài với lịch sử, nhưng hội họa VN đã có những vị trí rất xứng đáng. Khi tiếp xúc với những họa sĩ nước ngoài như Hàn Quốc, Mỹ, Pháp... chúng ta thấy họ đều ngạc nhiên về nền Mỹ thuật Việt nam (MTVN)- vừa phát triển hiện đại, lại vừa giữ được bản sắc dân tộc. Chúng ta đã qua thời kỳ vừa Ấn Độ vừa Trung Quốc; chúng ta cũng qua một thời kỳ gần một trăm năm du nhập nghệ thuật Pháp, Tây Âu và vài chục năm nghệ thuật Đông Âu; lại có một số năm ảnh hưởng nghệ thuật của Mỹ... Nhưng nhờ bộ lọc đó, nhìn chung, chúng ta có nền mỹ thuật phát triển rất riêng của Việt Nam.

- Mọi so sánh đều khập khiễng, nhưng nếu thử so sánh với những thành tựu của



Họa sĩ Trần Khánh Chương trao giải cho các tác giả

thế hệ họa sĩ Tô Ngọc Vân; thì MTVN hiện nay đang ở mức độ nào, thưa ông?

- Chúng ta không thể nói thời họa sĩ Tô Ngọc Vân phải vẽ thế này và thời nay phải vẽ thế kia để đánh giá. Thời gian trước cách mạng 1945, rồi kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cho đến thống nhất đất nước 1975 và hiện nay là đổi mới, hội nhập...

nằm trong những giai đoạn xã hội Việt Nam hoàn toàn khác- từ chế độ chính trị, văn hoá, xã hội, kinh tế... cho đến quan niệm sống, lối sống... vì thế, không thể có một cái chuẩn chung về nghệ thuật cho mọi người. Đến nay, MTVN đã có tới 5 thế hệ họa sĩ hiện đại: Họa sĩ tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương; họa sĩ của thời

kỷ kháng chiến chống Pháp và 10 năm đầu hòa bình lập lại ở miền Bắc; họa sỹ trường thành trong kháng chiến chống Mỹ và 10 năm đầu hòa bình thống nhất đất nước; thế hệ đổi mới từ năm 1976 đến 2005; thế hệ thứ năm là thế hệ sau đổi mới- hay nói cách khác là thế hệ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. MTVN hiện đại dường như là một cuộc chạy tiếp sức của 5 thế hệ họa sĩ. Vì là cuộc chạy tiếp sức, nên khó nói đoạn nào là đoạn thành công nhất, đoạn nào là thành công vừa vừa... nhưng mỗi đoạn đều có sự thành công nhất định của nó. Tôi cho rằng, không có gì buồn hơn, là sự giống nhau trong sáng tạo nghệ thuật của các thế hệ nghệ sĩ. Thành tựu của những cuộc tiếp sức đó sẽ cho ta những tác phẩm mang tính thời đại. Tất nhiên, muốn tác phẩm mang tính thời đại; thì chúng ta phải có tính kế thừa nền văn hóa của dân tộc mình.

- Nhưng lại có ý kiến cho rằng, các họa sĩ ngày nay ít có những tìm tòi sáng tạo được ghi nhận, mà chủ yếu là phá cách, thử nghiệm còn gây ra nhiều tranh luận?

- Chúng ta hãy tin rằng, chắc chắn sẽ có những tác phẩm lớn; nhưng nó không ra đời ngay vì phải được tìm tòi, thử nghiệm, và phải qua thước đo của thời gian... Qua triển lãm lần này, anh em đã biết chọn lọc những cái gì, bỏ đi những cái gì... những bức tranh vẽ hiện thực như ngày xưa dường như rất ít; nhưng những tác phẩm chạy theo bề ngoài hay cách nhìn hơi hợt, dường như cũng không còn nữa. Những vấn đề của xã hội, của chiến tranh, đấu làng động và có tứ; nên đã gạt hái được những thành công nhất định trong sáng tác của thế hệ họa sĩ trẻ... bây giờ họ mới 25, 30 tuổi, ta cứ chờ vài chục năm nữa rồi hãy đánh giá.

- Xin trân trọng cảm ơn ông!

THIÊN LINH (thực hiện)

ĐIỀU KHẮC LÊ ĐÌNH QUỲ

ĐẶNG TRƯỜNG LƯU

ẤN tượng với tôi, cũng có thể với nhiều người cùng thời về một Lê Đình Quỳ, bắt đầu từ tác phẩm *Lão dân quân Hoàng Trường*. Không hiểu đây có phải là tác phẩm đầu tay của ông hay không; nhưng chắc chắn là một trong những tác phẩm điêu khắc ra đời sớm nhất, phản ánh sự chống trả quyết liệt của nhân dân, khi cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ đó leo thang ra miền Bắc Việt Nam. Một lão nông dân quần xắn cao quá gối, bộ ngực phanh trần, bàn chân vững chãi xoà ra bám vào mặt đất, tay phải gơ cao vòng tre đơn sơ - một vật tự tạo dùng để ngấm bắn máy bay giặc- tay trái cầm chiếc mũ rơm phòng tránh mảnh bom. Sinh khí của một con người chân chất và lẫm liệt toát ra từ hình tượng, cho ta cảm giác như ông lão vừa vọt lên từ đất đai, đồng ruộng...

Trong những tác phẩm điêu khắc tượng đài, tôi thích phác thảo *Thánh Gióng* - lúc nào cũng cho ta cảm hứng vút lên, cho dù toàn bộ hình tượng được cấu trúc theo hướng trục hoành. Hình tượng ngựa vọt dài như mũi tên, như những thân tre *Đặng Ngà* mà *Thánh Gióng* dùng làm vũ khí. Bờm ngựa, đuôi ngựa, cả những đám mây, đám lửa chống nhau trùng điệp, mảng khối thể hiện giản đơn và mạch lạc, tạo nên hùng khí thiêng liêng của chiến trận, nhưng lại quá đỗi quen thân khi nhân vật *Thánh Gióng* được thể hiện qua hình tượng đứa bộ. Một đứa bộ ngồi trên lưng ngựa, đuôi giặc cứu nước như vô vàn trẻ em Việt Nam, hồn nhiên cười trâu thổi sáo, thả diều... Việc thể hiện nhân vật *Thánh Gióng* của Lê Đình Quỳ theo một quan niệm mở, đó buộc người xem phải ngẫm ngời nhiều hơn, về sự quật cường và khát vọng lớn nhanh, lớn mạnh của một dân tộc nhỏ bé. Khát vọng ấy luôn là một nhu cầu từ trong lòng các thế hệ trẻ. Bởi vậy tác phẩm đã vượt ra khỏi những yếu tố thông tấn.

Với tượng đài *Khát vọng Thống Nhất*, Lê Đình Quỳ thể hiện bằng ngôn ngữ hiện đại với nhiều mảng lớn có tính khái quát mạnh mẽ. Hình tượng người phụ nữ và đứa

trẻ trong tư thế đứng hồi tưởng, thành tâm, lặng lẽ, giữa những đài cao như mũi tên, mũi mác, rừng chông, như ngọn lửa ý chí của lòng người, được cách điệu từ hình những tàu lá dừa cắm ngược. Giá trị tác phẩm bởi chính sức gợi, buộc người xem phải ngẫm, phải sẻ chia với những gì phía sau, phía trong sự hoành tráng thâm lặng kia.

Chỉ với gần hai chục công trình tượng đài suốt chiều dài đất nước, cùng cơ man tượng tròn, tượng vườn, tranh sơn dầu trừu tượng khổ lớn; đủ nói lên sức lao động phi thường trong khiêm nhường thân phận - Lê Đình Quỳ đặt quan niệm sáng tạo trong quan niệm sống một cách hài hoà, không mấy đề cao đột biến, phá phách trong nội dung và hình thức sáng tạo. Tác phẩm của ông đã minh chứng - từ hình tượng bảo thai *Ấu Cơ* đến vẻ đẹp mê hồn thiếu nữ trong giai điệu hùng vĩ mệnh mỏng của biển cả, từ nét khắc khổ, cương nghị đến quyết liệt trong vẻ mặt đáng người những tù nhân trong tác phẩm *Bất khuất*, đến cái ngón ngón thanh xuân thách thức đạn bom của những cô gái trong tượng đài *Ngà ba Đồng Lộc*... Có một cái gì đó rất riêng, rất Lê Đình Quỳ trong nghệ thuật khai thác nội tâm nhân vật, dẫn dắt đầy thuyết phục người xem đến với giá trị nhân văn của tác phẩm, qua bao nhiêu le lói thẳm thì của đường đao, thứ đá. Ông vừa ở những tài tình dẫn dụ, vừa kín ở khả năng ám ảnh và neo buộc lòng người. Đến với Lê Đình Quỳ, người ta tìm thấy những tố chất về thiên, những cảm quan bập bùng âm dương, vũ trụ... Có lẽ đó là tâm trạng, là phương châm ứng xử cộng đồng, nên sáng tạo của ụng không mấy manh nha kể lể và vụn vặt.

Tuổi Canh Thìn (sinh 1940) - một con rồng cựa trong đất và có bay lên thì sự quấy cựa ấy cũng chẳng ớn ào - từng học điêu khắc ở Liên Xô, nhưng Lê Đình Quỳ không bị khúc xạ bởi nền điêu khắc Xô Viết. Ông là một trong không nhiều những nhà điêu khắc có dấu ấn rất riêng, từ mười năm cuối thế kỷ XX cho đến nay của nền Mỹ thuật Việt Nam. ■

Những người làm nghề Mỹ thuật, gọi là họa sĩ hay điêu khắc gia, có cái hạnh phúc may mắn hơn nhiều người ở chỗ họ có thể gửi gắm những vui buồn, những khoảng khắc cô đơn của mình vào tác phẩm. Nó như người bạn tri kỷ trung thành an ủi lúc ta buồn, động viên lúc ta vui. Nó cũng chính là phiên bản của họ mà đôi khi còn thật hơn con người họ phải sống trong đời.

ĐỂ GỬI GẮM NHỮNG VUI BUỒN...

LÊ HUY TIẾP

NGOÀI tất cả những từ ngữ mà nghệ thuật đương đại ngày nay thường nhắc tới như "thông điệp", "phát triển", "tìm tòi"... thì hình như "thẩm mỹ âm thanh của tình cảm văn chương" vẫn chiếm phần lớn giá trị của toàn bộ tác phẩm nghệ thuật. Triển lãm tranh, tượng, ảnh, của hai nữ tác giả là chị em Vũ Bạch Hoa và Vũ Bạch Liên thực sự không có sự ồn ào chói sáng ngợp của kích thước, màu sắc và đề tài; nhưng nó có thể làm ta phải xem, nghĩ và cảm.

Chị-em, nhưng họ là hình ảnh của hai thế hệ khác nhau. Người đã biết thế nào là vất vả, mệt mỏi của thời chiến tranh, thời bao cấp- nên trong sáng tác chị chỉ muốn nhìn thấy sự bình yên, yêu sự đơn giản của đời sống hòa bình (*Thôn nữ* - gỗ; *Trăng* - phù điêu; *Đêm thu*- lithography; *Góc vườn*- in độc bản). Ca ngợi cái đẹp bình dị thường ngày (*Mẫu tử* - đá; *Đèn trời* - in độc bản) và thì thoảng nhớ lại những câu chuyện xưa đẹp đẽ của tình người (*Đêm trăng làng Vũ Đại* - phù điêu; *Tiên Dung* và *Chữ Đổng Tử* - phù điêu; *Hồng nhan* - phù điêu). Cái cách chị gò, nặn, đục hay vẽ những khối hình chứa chất đầy tình cảm yêu thương đối với từng nhân vật, làm ta chợt nghĩ hình như khi đã sống đủ để hiểu đời sống mong manh của con người; người ta bao giờ cũng bao dung nhân hậu hơn lúc nghĩ về sự đời. Những tác phẩm của Vũ Bạch Hoa là vậy.

Người sinh sau chiến tranh, Vũ Bạch Liên là một họa sĩ đồ họa trẻ chuyên nghiệp với nhiều ham vọng tìm tòi ngôn ngữ, kỹ thuật, chất liệu tranh in. Từ in độc bản, khắc lôm, lithography trên đá và bản nhôm đến cả ảnh kỹ thuật số. Là thành viên của cộng đồng thế hệ trẻ đầu thế kỷ XXI, họa sĩ mang trong mình những bản khoăn trước bao sự thay đổi tích cực và tiêu cực của đời sống xã hội, cá nhân. Chị nhìn nhận thế giới khát



Thị Mầu

khe hơn, đôi khi nghi ngờ ngay cả với chính mình (*Tự vấn*- lithography). Nhưng cạnh đó ta lại thấy phần lớn tác phẩm chứa đựng đầy lòng trắc ẩn, yêu thương với con người nhất là khi chị vẽ về phụ nữ và trẻ em (*Đom đóm trong thành phố* - in đá; *Cô ấy* - digital art; *Thị Mầu* - digital art). Qua tất cả các tác phẩm tranh và ảnh của Vũ Bạch Liên, thấp thoáng đâu đây là những ví dụ giải thích cho những nghiên cứu của nhà phân tâm học Sigmund Freud; nhưng tất cả đều đến với chúng ta qua lăng kính của thẩm mỹ tạo hình bằng sự diễn đạt thành công của các ngôn ngữ kỹ thuật đồ họa mới.

Một người chỉ có nhiều nét biểu cảm trang trí trong tác phẩm; cùng một người em mà sự tìm tòi để mong biểu hiện cái tôi khó hiểu bên trong- sẽ là một triển lãm thú vị đáng xem, thêm một lần chiêm nghiệm về những giá trị nhân văn truyền thống của nghệ thuật tạo hình đương đại Việt Nam! ■

(Tiếp theo trang 1)

- Hôm trước hẳn ngồi ở đây, cô cứ lượn qua lượn lại, mông thật mông giả ngoáy đến chóng cả mặt mà nói chả thèm.

Bị người ngồi bên đống chất, môi mông định cãi, thì ai đó huých vào tay. "Xuyt, hẳn kia". Mọi người ngược nhìn người đàn ông trung niên tắm thuốc trong bộ quần áo màu chàm kiểu dân tộc miền núi. Tóc anh muối tiêu, búi như củ tỏi sau gáy. Khuôn mặt rất đàn ông. Chỉ vì râu quai nón không cạo tıra làm anh có vẻ hoang dã. Riêng đôi mắt của anh sáng và buồn chứ không lạnh như người đàn bà môi mông kia đã tả. Anh gật đầu chào bà Béu rồi rẽ vào ngõ. Anh là Tấn, chuyển đến ngõ này đã gần một năm. Ngoài bà Béu ở sát vách và ông tổ trưởng dân phố, chẳng ai biết tên anh và cũng chẳng ai biết anh là nhà giáo.

Tối nay Đồng mở chai rượu gì mà êm quá, càng uống càng vào. Rượu ngấm. Đồng đưa Tấn về lúc nào

khúc khích của nàng... Nàng cúi xuống luồn ngón tay dưới bộ râu của anh. Hôm nay nàng mặc quần áo lụa trắng mỏng như sương càng nổi lên đôi vú tròn căng và bờ mông hẳn rõ quần lót. Nàng gỡ tóc. Mái tóc dài rủ xuống tràn qua vai. Hương bồ kết với hương sả quen thuộc làm anh rạo rực. Tấn Thì thảo. "Em đấy ư?" "Vâng, em đây". Lụa người nằm xuống, nàng gạt mái tóc ra phía sau, nhẹ nhàng trút bỏ quần áo. Một tay luồn qua gáy Tấn, tay kia ôm ngang ngực anh. Tấn xoay hẳn người lại, tay anh lướt dọc tấm lưng thon của nàng. Toàn thân nàng mềm mại áp sát vào người Tấn. Anh hôn lên đôi mắt nóng nần khao khát, hôn lên đôi môi khêu gợi, hôn lên khuôn mặt phẳng phất nét tươi mát như trẻ thơ của nàng. Tấn ôm ghi vợ trong vòng tay mình, sung sướng đến nghẹt thở. "Lâu quá rồi, phải không em?" Nàng chỉ cười...

Con Thạch Sùng tắc lưỡi từng tiếng sắc gọn, như đánh thức chủ nhà. Hè mắt nhìn lên, Tấn thấy nó nằm đối diện với anh. Anh nhẹ nâng cánh tay vợ khỏi ngực

minh...

...Buổi chiều tan trường năm ấy Tấn gặp Thảo ở ngoài cổng trường. Chắc nàng ngóng đợi ai, anh chào rồi đi qua. "Anh Tấn!" Tấn ngoảnh lại thấy Thảo cười đôn hậu, nụ cười ấy đến chết anh cũng mang theo.. Em nghe các bạn nói, anh có cuốn tuyển tập truyện ngắn của MacXim Gooki, anh có thể cho em mượn được không ạ, chỉ một tuần em xin trả ngay". "Sáng mai lên lớp anh đưa cho, em cứ đọc bao giờ đưa lại cũng được". Thảo cảm ơn, rồi như một tia nắng ban mai nàng tràn vào những lớp sinh viên đi về phía kí túc.

Một tuần sau đúng điểm gặp hôm trước Thảo lại đợi Tấn. "Em trả anh cuốn sách đấy ạ". "Em đọc nhanh thế?" "Em đã say thì đọc nhanh lắm". Tấn cầm cuốn truyện định bỏ vào trong kẹp sách xong sẽ nhảy lên xe phi thắng. Anh muốn chạy trốn chính mình. Chạy trốn cả sự cuốn hút của người con gái đang đứng trước anh. Chợt Thảo nhỏ nhẹ: "Em có việc ở đầu phố, anh Tấn dắt xe đi với em một đoạn nhé". "Thôi đi bộ làm gì em, ngồi lên xe anh chở đi cho nhanh". "Nhưng em muốn đi bộ cơ".

Thực ra hôm ấy nàng chỉ muốn đi bên anh một đoạn đường thôi. Sau này thành vợ chồng nàng mới nói anh quá ngốc trước phụ nữ.

...Về nhà. Tấn rút cuốn sách Thảo vừa trả đặt lên vị trí cũ trên giá sách. Hình như nhân duyên của anh có bàn tay của số phận sắp đặt. Nếu không, cuốn sách đã chẳng tuột khỏi tay anh rơi xuống để văng ra ngoài một phong thư được gấp bằng giấy kẻ ô nhỏ. Trong thư chỉ vền vền vài từ. "Anh Tấn! em yêu anh. Thảo". Phút chốc Tấn như bị say sồng, đầu óc quay cuồng choáng váng, rồi chuyển sang trạng thái mụ mẫm như kẻ mất hồn, mãi lâu sau anh mới trở lại bình thường.

Những ngày tiếp theo, Tấn cố tình tránh Thảo. Quanh nàng biết bao chàng trai khác trẻ hơn anh đang muốn tỏ tình. Anh cho rằng nàng đã giuộc người đàn ông "quả lủa" như mình. Mãi đến ngày ra trường Tấn mới biết Thảo vẫn chỉ yêu anh. Tấn đón nhận tình yêu của nàng như báu vật trời cho...

...Lúc đó phong như dòng nước mát đang thấm vào tấm hồn đã khô cằn của Tấn mỗi ngày. Một năm sau ngày cưới. Biết sắp được làm cha, niềm vui của người đàn ông không còn trẻ trong anh cứ lằng lằng như hồi mới lớn...

Tấn thở dài, xoay nghiêng người vào trong. Mười năm mà như mới đây thôi. Kí ức lại đưa anh về cái đêm mùa đông rét buốt. Hình như tất cả các mùa đông trong cuộc đời anh đã dồn tất buốt giá vào mùa đông năm ấy, để mỗi lần nhớ đến, nó lại làm anh tê tái trở lại.

...Cái đêm đưa Thảo đi sinh, gió bắc bổ sung lạnh lắm. Ánh sáng trắng xanh từ những bóng đèn tuýp đổ xuống dãy hành lang khoa sản dài hun hút càng làm cho nơi thoát thai những sinh linh mới của cõi người vừa thiêng liêng vừa nghiệt ngã.

Chắc đau lắm, khuôn mặt Thảo lúc gồng lên cố chịu, lúc lại nhăn nhó rên rít sâu trong họng. Bước vào phòng cách ly, nàng còn quay lại nói với Tấn. "Anh đừng lo, vì anh vì con em vượt qua được mà. "Nàng nhếch miệng cười để trấn an chồng mình.

Hành lang vắng ngắt thỉnh thoảng có người ra vào. Gió trút thêm cái lạnh cho sự chờ đợi. Tấn dồn mắt về phía hai cánh cửa kính đục khếp chặt với dòng chữ: "Cấm vào". Ở trong ấy nàng đang vượt cạn chỉ có một mình. Đồng hồ đã chỉ 12 giờ 30. Càng thẳng quá. Hồi ở chiến trường, trước giờ xuất trận, một mắt một còn cũng không đến nỗi lo lắng hồi hộp như thế này. Cánh cửa phòng vô trùng khẽ mở, Tấn bật dậy lao về phía ông bác sĩ đang bước từng bước mệt mỏi đi ra, "Anh là người nhà của sản phụ Nguyễn Thị Thảo?" "Vâng. Tôi là chồng". "Mời anh vào phòng tôi".

Hai đầu gối Tấn sắp quy xuống vì nét mặt nghiêm trọng của bác sĩ. Giọng ông trầm đặc quánh: "Con anh là một bọc thịt nặng ba cân tư. Bên trong bọc thịt ấy có quả tim chỉ sống theo nhau thai...". Tại Tấn như có gió lùa vào. Ủ đặc. Anh không nghe rõ ông bác sĩ nói tiếp những gì. Trong anh chỉ hiện ra nụ cười của vợ cách đây vài giờ. "Còn vợ tôi, thưa bác sĩ". "Anh phải thật bình tĩnh, tình trạng hiện tại rất xấu. Chị nhà truy tìm do bị xốc đột ngột, chúng tôi đang hồi sức cấp cứu. Chúng tôi muốn có mẫu máu của anh. Ông bác sĩ viết cho anh tờ phiếu xét nghiệm. "Đi hết hành lang rẽ trái là phòng sinh hóa". Có lẽ cố tránh sự hoảng loạn của Tấn nên bác sĩ để anh đứng lại, ông lặng lẽ ra ngoài.

Gần sáng, trời âm ảm như chiều muộn. Những tán cây cổ thụ ngoài sân bệnh viện vẫn xám màu chì, cảnh

NGƯỜI ĐÀN ÔNG SỐNG ĐỘC THÂN

Truyện ngắn của NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ



anh cũng không nhớ nữa.

Đồng thua anh bảy tuổi nhưng cùng một khóa đại học sư phạm. Ra trường Đồng không đi dạy, mà lại làm kinh tế, làm giỏi mới lạ. Hiện giờ Đồng là giám đốc công ty xuất nhập khẩu lớn nhất thành phố. Đồng biết Tấn khí khái nên thường lấy cớ tiếp đối tác của công ty để mời anh đi nhậu lai rai. "Tớ biết gì về công việc của cậu mà ngồi tiếp họ". Đồng nói để anh yên tâm. "Anh chỉ cần kể đám ba giai thoại hài hước cho vui là chính, trong bàn ăn mọi công việc chỉ là phụ". Lần này Đồng lại bảo: "... Đối tác này uống rượu như uống nước lã, em không đợ nổi. Anh phải giúp em thôi". Lúc chia tay bao giờ Đồng cũng nhét vào túi Tấn một phong bì vài triệu hoặc một chai rượu ngoại. Đồng bảo đấy là lộc anh không được từ chối.

...Ánh trăng cuối thu quét qua song cửa sổ hắt vào trong nhà bóng sáng bạc mờ. Gió lay cánh rèm chạm vào má anh nhốn nhột, Tấn muốn kéo tấm rèm lại, nhưng không gir cánh tay lên nổi... Bỗng tiếng cười

minh để dậy trước, nhưng không thấy cánh tay của nàng, chỉ có chiếc phong bì cộm trên túi ngực... Lúc này Tấn mới nhớ ra, tối qua Đồng đã nhét chiếc phong bì này vào túi mình. Anh bàng hoàng tỉnh hẳn. Trần nhà không cao lắm nên Tấn nhìn rõ bụng con Thạch Sùng căng tròn, cái đuôi dài gần bằng thân nó cứ ngoắt bên này lại ngoắt bên kia. Chắc nó đã nhìn thấy cơn mộng mị trong đêm qua. Nhưng bây giờ nó không thể thấy mình đã khóc. Mặc cho nước mắt lăn ướt hai bên vành tai, anh lặng yên thả mình chìm vào kí ức.

...Tứ chiến trường về Tấn mới vào Đại Học. Quanh mình toàn các sinh viên rất trẻ. Trước họ Tấn thành "người đàn ông quá lứa". Bỗng, hạnh phúc như quả Tú Cầu bất ngờ rơi xuống đời anh. Trong lúc gia đình và bạn hữu đang tìm mối để giới thiệu cho Tấn thì Thảo, cô sinh viên cùng khoa lặng lẽ yêu anh mà anh không hay. Tấn vẫn thắm xuýt xoa nét đẹp hồn nhiên của Thảo, nhưng chưa bao giờ mơ đến một ngày nàng là vợ

lá chao đảo vì gió. Tấn đi đi lại lại dọc hành lang dài hun hút ấy không biết bao nhiêu lần nữa. Anh đếm ngược rồi lại đếm xuôi từ một đến một trăm từ một trăm về một, để quên đi sự bồn chồn lo lắng đang đè nặng tâm hồn mình. Chợt hai cánh cửa kính mờ của phòng sinh mở toang. Trong ấy không còn ai. Người ta đẩy Thảo ra ngoài trên chiếc băng ca trắng, tấm vải trắng toát trùm suốt thân thể nàng. Một tốp bác sĩ, y tá đồng phục cũng trắng toát họ lạnh lùng lặng lẽ lướt qua anh.

...Bảy ngày sau Tấn mới đến bệnh viện để làm thủ tục cho sự mất mát của mình. Chắc trông anh tàn tạ lắm nên đôi mắt vị bác sĩ trưởng khoa hơn anh đến chục tuổi cũng trầm buồn ư ất. Ông nói: "Hơn ba mươi năm tôi làm bác sĩ sản, đã chứng kiến nhiều cảnh tử biệt, nhưng với anh tôi thấy như chính mình đang bị nỗi đau ấy dày vò..." Bác sĩ không nói tiếp, ông chỉ đẩy về phía Tấn hai tờ giấy xét nghiệm máu của anh và cái sản phẩm do anh sinh ra. Chúng đều nhiễm Đioxin.

Tấn dướn lông mày mở căng đôi mắt đang trĩu nặng để nhìn vào cái kết quả trước mặt. Hai mảnh giấy vô tri thối miến anh... Tấn mơ hồ thấy từ đấy hiện lên cảnh rừng đơn vị anh đi thám thính cho trận đánh sân bay Biên Hòa năm ấy. Đang mùa mưa mà cánh rừng cây lá khô tái như bị cháy nắng, bốn phía không vọng tiếng chim. Con suối không rộng, không dốc, nước chảy êm đềm trong vạt, nhìn thấy cả những viên cuội nhỏ dưới đáy dòng mà không thấy tầm cá. Chẳng ai nghĩ đến cánh rừng đã bị rải chất độc, chỉ nghĩ đến vượt rừng cho kịp đêm xuống... Trời lại đổ mưa. Mưa như chiếc mảnh thủy tinh giọt mỏng giọt dày buông dài chấm đất. Mưa chạm vào những cánh lá chết, nghe rõ âm thanh khô xác. Tấn cùng bốn đồng đội căng bạt tạm nghỉ chân... Chợt, nửa hư nửa thực, anh nhìn theo cánh tay ai đó chỉ về bên kia suối. Trong màn mưa như thủy tinh nửa trong nửa đục, anh vẫn thấy rõ Thảo nâng cao bọc thịt trên tay đưa về phía anh. Nàng khóc, nước mắt nhòa trong mưa...

Tấn đã thoát cơn mù mịt. Anh gục đầu trên hai mảnh giấy. Lúc ấy, trong anh không có sự giằng xé nội tâm mà chỉ thấy tương đối. Tất cả sự trống rỗng hoang rỗng làm anh rã rời. Vị bác sĩ bắt lực trước nỗi đau của Tấn. Ông biết có nói một lời an ủi nào lúc này cũng bằng thừa, nên ông chỉ lặng im.

Mọi ngày giờ này anh đã dạy rồi. Trước khi ngồi vào bàn làm việc bao giờ anh cũng rót chén rượu đặt trước chân dung vợ. Chờ hương cuốn tàn Tấn mới nâng lên uống cạn. Đôi mắt của nàng vẫn đắm đắm nhìn anh. Giá như ngày ấy có máy siêu âm thì đâu đến nỗi đôi mắt kia đã phiêu lạc về nơi xa lắc. Đâu đến nỗi nàng bị truy tìm khi nhìn thấy quái thai.

Người ta nói chỉ có nỗi đau thực sự mới xuyên thẳng tới trái tim con người. Với Tấn đúng như vậy. Hai thứ vũ khí của giặc sẽ tồn tại trong anh cho đến khi tìm anh ngừng đập, nhưng Tấn không sợ nó bằng sợ sự cô đơn. Sự cô đơn đã đánh anh quy hàng. Rượu là cứu cánh. Chỉ rượu mới vực anh dậy nổi. Từ hồi nghĩ dạy anh chỉ ở nhà. Một mình một rượu. Đọc và viết. Anh viết về số phận từng mảnh đời đã gặp. Nhất định không đưa con chữ mon men vào cuộc đời mình. Thế mà cái ngòi bút chết tiệt trên tay anh đang lan man tản đầu tản đầu lại cứ quay về xoáy vào vùng đau bất tận của chính mình. Có lần Tấn vô nátt bản thảo gục vào hai lòng tay chết lặng.

Tiếng rao quà sáng vọng trong ngõ. Lúc này anh mới thấy toàn thân rệu rã mỗi dữ, như vừa gồng bơi qua khúc sông rộng. Tấn vùng dậy vì có tiếng gõ cửa.

Chú bé con quăng mười hai tuổi có đôi mắt sáng trên khuôn mặt thông minh. Chân nó đi đôi dép nhựa vệt gót, áo quần xộc xệch nhàu nhĩ. Vai nó khoác chiếc túi thô nhàu bụi đứng chờ anh ngoài cửa. Trông thấy Tấn, thằng bé định bỏ chạy. Anh kéo đứa trẻ vào nhà. "Con cần gì?" Nghe chủ nhà gọi nó bằng con với giọng ôn tồn ấm áp, nó trở lại tự nhiên của đứa trẻ sống bụi. "Bà chủ quán nước đầu ngõ mách. Nếu muốn mua vỏ chai rượu tây và vỏ bia lon thì hãy gõ cửa nhà bố".

Tấn thấy rung rung khi nghe nó gọi mình là bố. "Con học lớp mấy?" "Con không được đi học". "Tại sao? Bố mẹ con đâu?" Thản nhiên: "Bố chết ở trong trại vì nghiện ma túy. Mẹ bán nhà rồi đem con gửi bà di họ. Mẹ hẹn năm sau con đến tuổi đi học sẽ về đón. Sáu năm rồi mẹ chẳng thấy về". "Bà di không cho con đi học ư?" nó cười nhạt thếch. "Con bà ấy cũng không đi học, đời nào con được tới trường".

SỔ TAY THƠ



*Rơi chiều vàng, ngơ ngác sông
Xin đừng đổi chỉ chân trời
Anh ngồi im lìm chiếc bóng
Chén này mình với biển thôi.*

*Một cộng với một thành đôi
Anh cộng cô đơn thành biển
Nắng tắt mà người không đến
Anh ngồi rớt biển vào chai*

TRỊNH THANH SƠN

Lời bình của Phạm Minh Trị

BAO trùm bài thơ là không gian mệnh mông của biển chiều vắng, là thời khắc đan diu giao nhau giữa chàng vạng ngày và xâm xẩm tối. Chính cái không gian - thời gian ấy tạo ra một miền mỹ cảm cho người đọc.

Tại sao lại không là: Chiều vàng rơi, sông ngơ ngác. Vì đó mới chỉ miêu tả, là vậ xuôi. Nhưng chỉ một động tác của tư duy kết hợp với cảm xúc dâng trào, cùng với biện pháp nghệ thuật đảo ngữ, người đọc có ngay một câu thơ vừa gợi vừa tượng hình: *Rơi chiều vàng, ngơ ngác sông*. Động từ rơi của cả chiều vàng. Hành động nhẹ như vô tình, không chủ động, được đặt trước đối tượng mà đối tượng mang tính ảo - trừu tượng rộng về bề mặt không gian, diện tích. Cả kích cỡ, phạm vi của không gian, thời gian vũ trụ ấy rơi xuống tạo một phản ứng mạnh giao thoa trong cảm giác. Hành động rơi vừa thực vừa hư cứ bằng lâng tác động đến một sự vật khác của tự nhiên, ấy là sông của biển. Và sông biển không cưỡng lại được phải ngơ ngác.

Tĩnh từ ngơ ngác vừa là từ láy vừa là từ tượng hình nên có cảm tưởng sông là một hình hài sống động, là một sinh linh có tâm hồn mông manh, nhạy cảm, dễ xúc động. Chiều vàng rơi tất yếu sông phải ngơ ngác. Nơi tiếp giao biển - trời - chiều ấy là một con người dõi nhìn đắm đắm về nơi xa xăm. Đó là Anh, anh chờ đợi Em - chờ đợi mong mỏi đến nỗi rơi cả chiều vàng, đến nỗi sông phải ngơ ngác mà chẳng thấy em đâu. Có phải sự chờ đợi trong tình yêu của con người là vĩnh cửu, là tuyệt đối, đến cả thiên nhiên, vũ trụ (chiều, sông) cũng phải cảm động (rơi, ngơ ngác). Quả thật độc đáo. Có sự chờ chờ nào, mong mỏi nào mà khuất phục chinh phục

Tấn cay nghiệt sống mũi khi nghe đứa trẻ kể về gia cảnh mình. Nó cứ tung tung như nói về ai khác. Mới chớm một kiếp người, nó đã như vật hoang phế lẫn lóc bên lề cuộc đời. Lồng ngực Tấn đau nhói, hình như mảnh đạn nằm xưa bất chợt xoay ngang, cửa sát tim mình. Đứa trẻ sợ hãi giật lùi sát bậc cửa khi thấy Tấn nhân mặt. "Trong ngực ta lại đau ấy mà, con đừng sợ". Thằng bé từ từ đến sát Tấn. Nó đặt tay vào ngực trái anh, nét mặt ư ảm già sọm. "Bố đau ở chỗ này à". "Ừ bố đau ở đấy, nhưng bàn tay con chạm vào, bố thấy đỡ hẳn". "Thằng bé cười rạng rỡ. Nó vuốt, nhẹ nhàng sợi râu dưới cằm làm cho người đàn ông chưa bao giờ được làm cha nhẹ bỗng. "Trông bố giống hệt Hắc Toàn Phong Lý Quý". "Giống lắm à?" "Vâng. Giống lắm". "Sao con biết ông ấy?" "Con xem ké ở quán cơm trên phố ấy mà". "Ừ, ta là ông Lý Quý của con đây". Thằng bé lại cười tit. "Từ nay ta sẽ để dành vỏ chai rượu và vỏ lon bia và cả bánh kẹo cho con, nhưng đổi lại, mỗi ngày con phải chịu đến để ta dạy cho con biết chữ".

Thằng bé reo lên sung sướng.

Hai nỗi cô đơn quấn quýt nhau từ đấy. Mỗi lần đứa trẻ đến, trong nhà Tấn ảm hẳn. Ríu rít một già một trẻ. Bây giờ nó đã đọc thông viết thạo, thuộc lòng bản cừu chương, làm được những phép tính cộng trừ đơn giản. Chắc nó sợ bà di nên lúc nào đến và đi cũng vội. Hôm ấy đang tập viết, bỗng nhớ ra việc gì đó nó bỏ sách vở, bỏ cả bữa anh đã làm xong, hấp tấp khoác cái túi cáu bấn chạy ra ngõ. Ở trong bếp Tấn chỉ kịp nghe. "Bố ơi!

BIỂN VẮNG

được cả thiên nhiên như thế? Sự chờ đợi lay động cả chiều và sông biển - thiên nhiên, vũ trụ.

Giữa trời, chiều và sông là Anh chờ đợi Em. Câu thơ được ngắt ra cân đối với nhịp 3/3. Trên, dưới đối nhau cân xứng. Hành động trước (rơi) tính chất tâm trạng sau (ngơ ngác) rồi cả hai hòa nhập làm một. Hòa vào, tan ra rồi cuộn lại thành một nỗi cô đơn giữa đất trời, giữa chiều và sông. Nỗi cô đơn mang tính vũ trụ, nhuộm màu của tự nhiên. Anh đợi Em, chờ Em như từ thừa hồng hoang, khởi thủy. Đợi chờ đến nỗi cảm hóa được từng nhịp sóng của biển cả, đến nỗi biển ảo được cả màu chiều (vàng), đến nỗi khiến cho thời gian không gian phải khua động (rơi). Vậy nên câu thơ mở đầu đầu còn là ngoại cảnh mà đích thực là nội cảnh, tâm cảnh.

Chỉ mình anh đối diện với chiều - sông - biển: *Anh ngồi im lìm chiếc bóng/ Chén này mình với biển thôi*. Lúc này chiều vàng đã rơi làm gì còn ánh nắng để tạo ra chiếc bóng. Nên chiếc bóng im lìm. Chiếc bóng lặn ẩn trong anh. Bóng của anh cũng không có. Nếu chiều vàng chưa rơi, có lẽ anh và bóng là đôi bạn sẽ bớt cô đơn. Anh - nhỏ, biển - lớn. Cứ thế song hành nhau. Biển còn có sóng đan diu với bờ, còn anh đến chiếc bóng cũng bỏ đi? Nỗi cô đơn, chờ đợi của anh lan nhanh từng nhịp sóng. Anh chỉ là một chấm nhỏ trước biển cả mệnh mông. Nhưng nỗi cô đơn, đợi chờ mong mỏi của anh có sức tỏa lan, ngấm sâu khiến biển cũng phải cảm động (*Anh cộng cô đơn thành biển*). Thực ra nỗi cô đơn, mong mỏi đợi chờ trong anh là phép nhân, là phép lũy thừa của mỗi nhịp sóng vào bờ. Thế nên mới có: *Anh ngồi rớt biển vào chai*. Đây là phép logic trong tâm tưởng. Chiều vàng cảm động, sông ngơ ngác, biển đồng cảm tất nhiên Anh uống hết cả biển cô đơn. Càng rớt cô đơn bao nhiêu, càng thiếu bấy nhiêu. Tác giả dùng cái vô cùng của thiên nhiên để biểu đạt cái trừu tượng trong suy tư. Dùng cái cụ thể định hình - *chai* - để chứa đựng cái mệnh mang vô hạn để biến hóa - *biển*, dùng cái bất biến - *chai* - để chế ngự cái hữu biến - *biển*. Một phép biến hóa ít ai dùng thành công nên tạo nên một cảnh tượng ảo kỳ trước mắt người đọc. Thiên nhiên mỗi một - nắng tắt, nhưng con người - *anh* - vẫn đợi chờ, mong mỏi và hy vọng khát khao (*anh ngồi rớt biển vào chai*). Nỗi cô đơn đã cảm hóa được thiên nhiên. Nỗi cô đơn xao động cả chiều vàng.■

con phải đi rồi".

Đã mấy ngày không thấy thằng bé đến. Tấn đứng ngồi không yên. Anh đi ra đầu ngõ ngóng về hai ngã đường. Đứng đến mỏi. Vừa quay vào nhà ngồi chưa ấm chỗ anh lại ra đầu ngõ. Thành phố lên đèn. Đường dọc ngõ ngang vẫn nườm nượp người xe, mà anh thấy trông ténh. Đêm trùm lên Tấn nỗi thất vọng. Nhìn đôi dép và mấy bộ quần áo anh dắt thằng bé đi mua tuần trước. Nó chỉ mặc thử rồi treo lên giá. Nó bảo: "Con để dành đến tết bố ạ".

Tấn chống hai tay lên bàn làm việc đỡ cái đầu tóc rối bù, tê bì. Anh tự trách. Đã có ý định theo thằng bé về xin bà di nó, cho nó về ở với mình. Minh kèm cặp để năm sau xin cho nó được đến trường. Bao giờ mẹ nó về sẽ trả lại. Thế mà không đi theo nó ngay. Bây giờ biết thằng bé ở đâu mà tìm. Con quỷ vô hình trong bụi đời đã nuốt chửng nó mất rồi.

Hai tuần. Ba tuần. Đầu óc Tấn rối hoác. Anh chẳng đọc nổi một cột báo, chẳng viết nổi câu văn, càng không còn bụng dạ nào đi uống rượu cho đồng nũa. Tấn thấp máy nén nhang lên bàn thờ. Anh xin tổ tiên, xin Thảo, xin cả trái tim con người của cái thai quái dị. Hãy dẫn dắt đứa trẻ bụi đời ấy về với anh.

Tấn nằm bẹp, chẳng muốn dậy ăn uống gì miệng đắng chát. Anh chìm trong yên lặng, lắng tiếng vỏ lon bia va vào nhau lanh canh theo bước chân quen thuộc. Đã cuối thu. Ngõ nhỏ sâu nhất của Hà Nội càng hun hút gió.■

Hà Nội - Cuối thu - 2009

THỦY ĐIỆN MỘT GÓC NHÌN RỘNG HƠN

HUY CƯỜNG

CÁCH nay mười ngày, báo chí đưa tin: 36 công trình thủy điện đang thi công phải đình hoãn. Lý do chính được hiểu là do ba nguyên nhân: 1- Làm tổn thương diện tích rừng ảnh hưởng đến môi sinh - 2 - Quản lý và thi công chậm hoặc chưa đạt các yêu cầu chuyên môn- 3 - Thủy điện gây ảnh hưởng đến lũ lụt theo chiều hướng xấu.

Bài viết này xin chia sẻ một số tư duy trên hai giả định:

- Một là tất cả các lý do nêu trên đều đúng.
- Hai là những nét cần bàn lại trong một số nguyên nhân trên.

Ba mươi sáu nỗi âu lo

Để đào thước khởi đầu móng đầu tiên cho công trình, chủ đầu tư ít nhất phải có một năm lên thành xuống tỉnh với bao nhiêu phần việc được giải quyết. Bộ hồ sơ tư vấn kỹ thuật cũng bậc tỷ, các quan hệ qua lại kiểu "Việt Nam" từ tấm giấy phép thành lập Doanh nghiệp đến các văn bản trình duyệt từ sở tài nguyên-môi trường, sở địa chính, sở xây dựng, sở Kế hoạch - đầu tư.v.v., cho đến phê duyệt của Bộ chủ quản ngành điện phải được thông qua.

Nếu ai đã là nhà doanh nghiệp hẳn biết rằng, lộ trình để thông qua từng ấy địa chỉ không phải xuôn đuột, thẳng thớm như việc từ nhà ra siêu thị mua đồ mà nhiều khi trầy vì trắc vạy, bổ sung bổ túc, chờ đợi và điều chỉnh các "khuyết lệch" phát sinh.

Quá trình lo vốn

Một công trình thủy điện nhỏ nhất cũng vài trăm tỷ, lớn là cả ngàn tỷ thường là khả năng chung lưng liên kết của nhiều đối tác hoặc nếu vay mượn thì đó là một gánh nặng lãi suất hoặc các cam kết chia sẻ, trách nhiệm của người vay và người cho vay.

Một Dự án 500 tỷ, Chủ tư túc được 60% , chỉ phải vay 200 tỷ thôi, lãi suất vay của ngân hàng 1,5% tháng thì cứ mỗi lần mặt trời lặn, doanh nghiệp này phải trả 100 triệu đồng tiền lãi !

Nếu công trình bị đình chỉ 6 tháng, riêng khoản tiền bay theo gió này sẽ là 18 tỷ đồng!

Nếu Dự hán bị xóa sổ, công trình bị hủy bỏ và khối lượng đã thi công chỉ là 10 % thôi , phải cộng thêm các hệ lụy khi phá vỡ các cam kết với các các nguồn lực hỗ trợ, Doanh nghiệp sẽ "đút" hẳn trên trăm tỷ đồng dễ như bỡn.

Ví dụ trên không phải chuyện giả tưởng, ba mươi sáu ông chủ của ba mươi sáu dự án bị đình hoãn, khi vào cuộc, thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật, huy động tối đa các quan hệ và lao tâm khổ tứ trong quá trình thi công, nay ngồi trên đồng lúa.

Thiệt hại của ba mươi sáu Doanh nghiệp này sẽ kéo theo nhiều rắc rối, liên đới với hàng trăm doanh nghiệp khác, hàng chục ngàn lao động...

Ba mươi sáu sai lầm

Mấy đợt lũ lụt vừa qua, xuất hiện một số sai lầm trong việc xả lũ, thậm chí có con đập bị vỡ gây thiệt hại cho một vùng dân sở tại.

Sau đó, như một sự "giật thột" nói theo kiểu nói Nam bộ, các ngành chức năng tổng rà soát việc đầu tư thủy điện và ba kết luận về những tác hại của thủy điện nêu trên đầu bài được đưa ra.

Sau đó là lệnh đình, lệnh hoãn.

Nếu những nhận định ấy đúng hết thì tại đây, bộc lộ rất nhiều sai lầm, thiếu sót của một hệ thống hành chính, chức năng tham gia phê duyệt những dự án này trước ngày hoãn. Hầu như họ không biết gì đến ba "nút" nhấn trên đây!

Theo quy trình để thực hiện thì các doanh nghiệp làm

thủy điện đã đi qua hết các "cửa" từ địa phương lên trung ương để có được sự chấp thuận. Bây giờ "bỗng dưng" stop! Vậy vai trò của những người ký duyệt này ở đâu? Nếu những người ký duyệt không sai thì hệ thống quy định bao gồm các nguyên tắc đã lạc hậu, vô bổ, vô dụng.

Nếu bị kiện trong một vụ án dân sự, ai sẽ là người phải bồi thường các thiệt hại phát sinh?

Vậy vấn đề của thủy điện là gì?

Thủy điện có thể gây nên những tác động như nói trên nhưng nó cần chúng ta, những nhà báo, những người hữu trách một tư duy rộng rãi, nghiêm cần hơn là giạt mình ố lên một tiếng rồi "câu đầu trăm" thủy điện.

Xin đưa ra đây 4 điều để chia sẻ:

1- Cuối mùa khô vừa qua, tình cảnh cắt điện luân phiên, cắt điện cách nhật, cắt điện bất tử đã kéo cái quạt mo của anh Bờm từ văn học sử trở lại đã cho ta thấm thía.

Dự báo phát triển mỗi năm tới là 17% đã ấn định.

Công nghiệp, dịch vụ phát triển có nghĩa là nhu cầu điện phát triển.

Các dự báo về phát triển điện trong vài năm tới rất yếu, khó thỏa mãn.

Thiên nhiên luôn biến động, thách thức, mỗi tháng mười âm người ta đã vén quần lợi bộ qua sông Hồng là một cảnh báo dữ rần cho tình hình điện trong những năm tới.

Do vậy, thủy điện, cho dù mang đủ ba cái "tội" trên vẫn sẽ là một phương án cần chọn lựa. Được mặt này, thuyền giảm lợi ích mặt kia là chuyện thường tình trong đời sống, trong chính sách phát triển quốc gia.

2- Những thách thức về an toàn kỹ thuật là có thực, nhưng tại đây, nó cần sự sáng tạo, quả cảm và nhìn nhận khách quan mọi vấn đề để vì cái lợi ích chung.

Nếu cao trình N, chỉ vừa đủ vận hành và giữ an toàn ở mức bình thường thì để nghị nhà đầu tư nâng kết cấu mới lên cao trình tới mức N + X mét để dự phòng. Số tiền dư lên là tiền để bảo đảm an ninh quốc gia, nhà nước ghê vai chia sẻ cùng doanh nghiệp là hợp lý.

3- Nhiều báo chí đưa ra con số để có được một nhà máy thủy điện, "mất" vài trăm héc ta rừng.

Phải nhìn vấn đề này dài rộng hơn.

Môi trường chỉ bị hủy hoại khi ta làm cạn kiệt dòng nước, nguồn nước.

Thủy điện giữ lại nguồn nước. Một phần cho chảy qua đập làm điện, tạo dòng nước cho hạ lưu.

Vài trăm héc ta , thậm chí cả ngàn ha cây xanh nếu còn cũng là để bảo đảm nguồn nước dưới lớp thảm thực vật dưới chân nó. Nếu người ta thay diện tích rừng đó bằng diện tích đối trọc, hoang hóa thì là tội phá hoại môi sinh nhưng Thủy điện "thay" cây bằng một hồ nước nhiều gấp bội phần tích nước tự nhiên đó. Một phần làm điện, một phần thấm xuống chính khu vực đó tạo vùng sinh thái âm rất tốt cho thảm thực vật kế cận.

4- Thủy điện làm thay đổi trực tiếp bộ mặt xã hội của vùng hoạt động. Ngoài nguồn thủy sản góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống ra, lượng nước nó cấp cho bà con qua hệ thống thủy nông tạo nên những giá trị rất lớn.

Thủy điện nhỏ Ayun Hạ ở Chư Sê tỉnh Gia Lai đã hồi sinh cho hàng ngàn hecta ruộng đất khô cằn chỉ làm được một vụ xua nay trở nên trù phú, làm thay đổi chất lượng cuộc sống hàng chục ngàn dân vùng thiếu số.

5- Cuối cùng là nhân tố môi trường, có lẽ không mấy ai để ý đến, là đối phó với biến đổi khí hậu thì Thủy điện được xem là giải pháp hiệu quả giúp giảm phát thải khí carbon dioxide (CO2), do giảm sử dụng nguyên liệu địa khai như dầu hỏa, than đá, để vận hành nhà máy nhiệt điện.

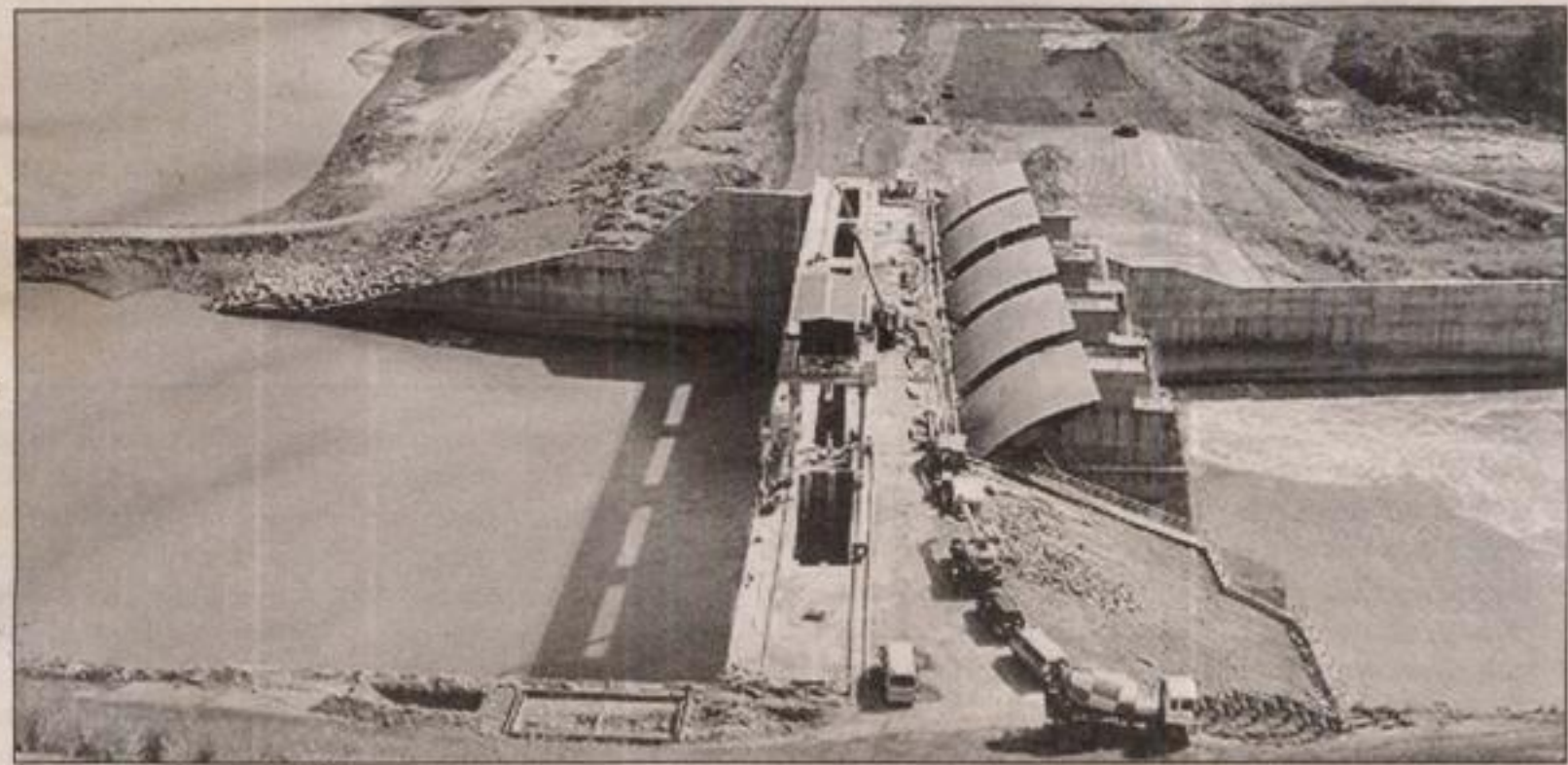
Theo Nghị định thư Kyoto năm 1997 về giảm phát thải khí nhà kính trong đó chủ yếu là khí CO2, các nước đang phát triển như Việt Nam có thể tận dụng nguồn viện trợ không hoàn lại từ các nước phát triển để xây dựng các nhà máy thủy điện thông qua một phương thức gọi là Cơ chế Phát triển Sạch (CDM).

Dựa vào CDM, doanh nghiệp có thể xây dựng dự án, tính toán công suất phát điện, quy đổi ra lượng CO2 phát thải tiết kiệm được, rồi đưa lên một ủy ban quốc gia và quốc tế về CDM xem xét. Nếu được chấp nhận, doanh nghiệp sẽ được cấp cái gọi là tín dụng carbon và tín dụng đó có thể mua bán được trên thị trường quốc tế. Doanh nghiệp có thể thu hồi vốn từ cách này.

Chẳng hạn, với dự án công nghệ thủy điện mùa mưa Trà My - Quảng Nam, khi nâng công suất phát điện lên thêm 1,2 MW trên suối Nước Oa có thể giúp giảm lượng phát thải là 7.780 tấn CO2/năm hoặc 116.700 tấn CO2 sau 15 năm vận hành.

Điều chỉnh phát triển thủy điện cần một tổng quan ít ra là như vậy. Nếu chúng ta cứ quan đầu hành hàng phương cách cam kết an ninh hoặc duy lý thì vô tình, chúng ta tạo nên hàng loạt những hệ quả ngoài mong muốn.

Đã đến lúc, việc nâng cao tính trách nhiệm, việc nâng cao chất lượng của các cơ quan điều hành đất nước phải được chú trọng hơn nữa, qua những hành xử như thế này.■



Công trình thủy điện Buôn Kuốp nằm trên sông Srepôk.

HẮN VÀ CÔ

(Tiếp theo trang 14)

thảo đầu ra, quyết định đầu tư mới...ngán ấ việc đã quá bận rộn, vậy mà đôi khi cô cũng nghĩ đến hần- tên quan hoạn cuối cùng của thế kỷ trước. Nếu hần không khước từ tất cả thì cô đã không nghĩ đến hần.

Một buổi tối, hần bỗng tìm đến. Vẫn là cử chỉ có vẻ lóng ngóng vụng về, giọng lẩn nháy hơi khàn.

- Tôi đến để chia tay chị- Hần nói- Tôi đã tìm được việc làm ở một nơi rất xa nơi đây. Lương khá.

Cô lẳng lặng đứng lên đi về phía tủ lạnh sáng bóng ở góc nhà, lấy quả chanh và pha nước. Rồi trở lại đặt cốc nước xuống trước mặt hần, cô hỏi:

- Sao anh còn đến đây?

Hần cầm cốc nhắm nháp, nheo nheo mắt sau cặp kính, nhìn thẳng vào cô trả lời:

- Hằng, tất nhiên cả chị nữa chưa biết

điều này: tôi lớn lên là đứa trẻ không bố. Ngày trước tôi đã hỏi mẹ bao nhiêu lần mà mẹ chỉ bảo bố đi xa, rất xa rồi. Cách đây hai năm, mẹ bị bệnh hiểm nghèo, trước lúc qua đời bà tỉnh táo nhưng vẫn lắc đầu, nước mắt dàn dụa và bà đã mang cái bí mật ấy theo mãi. Tôi từng hơn tui bị bạn bè trên học suốt thời thơ

ấu vì là đứa trẻ không cha. Lớn lên tôi càng thương mẹ hơn, nỗi khổ đau giày vò làm mẹ phải âm thầm chịu đựng suốt đời ở vậy nuôi con. Tôi đã bị ám ảnh mỗi khi nhớ lại cuộc rao giá của chị, chủ yếu ám ảnh về đứa con...

- Thôi- Cô cắt lời- Anh đừng nói nữa. Tôi hiểu. Mỗi người một hoàn cảnh, một số phận.

Hần ngồi im, nhắm nháp cốc nước chanh. Lát sau hần vụt đứng dậy. Cô vội kéo hần ngồi lại:

- Tôi vẫn chưa nói hết mà.

Hần miễn cưỡng ngồi xuống.

- Tôi có thể tìm một việc làm cho anh, đúng chuyên môn, lương khá- Cô nhìn thẳng vào mắt hần nói tiếp- Ngay tại

thành phố này. Tôi nói vậy, không có nghĩa anh phải thực hiện việc rao giá lần trước. Tóm lại, tôi và anh không có sự ràng buộc nào cả. Còn tôi, ý tôi đã quyết thì không thay đổi. Càng không thích người khác xía vào đời tư mình, tỏ ý thương hại mình. Cuộc đời dạy tôi bao giờ cũng phải cứng cỏi, quyết đoán.

Hần cầm lại cốc nước chanh và uống cạn đến tận đáy. Hần nói:

- Cảm ơn! Tôi cũng giống chị, ý đã quyết thì không thay đổi.

Hần đứng dậy. Cô cố ý giữ lại lâu hơn cái ấm nóng của bàn tay với những ngón trắng trẻo thon dài của hần.■



XI MĂNG BỈM SƠN DIỆN MẠO MỚI - SỨC MẠNH MỚI

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn tự hào là đơn vị thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM. Với vị thế và diện mạo mới, Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn và các thành viên cam kết kế vai cùng thách thức thời gian, đưa đất nước lên những tầm cao mới

TRỤ SỞ CHÍNH: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Thanh Hóa
Điện thoại: 0373 824 242 - Fax: 0373 824 046
Website: www.ximangbimson.com.vn
Email: bccjsc.bcc@gmail.com



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

TRỊ - PHẢI TRỊ TẬN GỐC ĐỂ NGỪA TÁI PHÁT !

Trĩ là bệnh khó trị và phổ biến hiện nay ở cả nam nữ, là nỗi ám ảnh ám ảnh của những ai mắc phải. Tâm lý người bệnh rất ngại đi khám và điều trị, nhất là với phụ nữ. Chỉ đến khi chảy máu nhiều hoặc bị sa búi trĩ thì bệnh đã ở cấp độ nặng, không thể dùng thuốc mà phải chỉ định phẫu thuật.

DẤU HIỆU TRỊ

Trĩ là bệnh do sự căng giãn quá mức tại các tĩnh mạch ở trực tràng - hậu môn gây viêm sưng hoặc xuất huyết. Thường xảy ra ở người bị táo bón kinh niên, công việc ít đi lại, phụ nữ mang thai. Người bị trĩ mới đầu chỉ có cảm giác ngứa rất đôi chút. Lâu dần, sẽ đi ngoài ra máu đau rất nhiều hơn. Trĩ ở cấp độ nặng, người bệnh có thể sờ được bên ngoài hậu môn gọi là sa búi trĩ, gây cảm giác vướng víu, khó chịu và dễ làm tổn thương dẫn đến xuất huyết nặng, gây viêm sưng hay nhiễm trùng búi trĩ.



PHẢI TRỊ TRỊ TẬN GỐC ĐỂ TRÁNH TÁI PHÁT !

Trong điều trị để trị tận gốc bệnh trĩ và ngăn ngừa tái phát, thuốc trị trĩ thường tập trung tác động chính trên tĩnh mạch trĩ với các tác động: Làm bền thành mạch, kháng viêm, chống nhiễm khuẩn, giảm đau, cầm máu và phải có tính nhuận tràng mạnh giúp trị táo bón. Hiện nay, thể mạnh điều trị bệnh trĩ thuộc về các bài thuốc đông dược nhờ có ưu thế

vượt trội là giúp cơ thể thanh nhiệt, nhuận tràng chống táo bón. Trong đó, Hòe giác (Quả hòe) được xem là vị thuốc dùng chữa các bệnh như: táo bón, trĩ, kiết lỵ rất hiệu quả. Các nghiên cứu y học hiện đại gần đây cho biết: Hòe giác có tác dụng thanh nhiệt, nhuận tràng cao, làm giảm tính thấm thấu của mao mạch (giảm xuất huyết) và gia tăng độ bền thành mạch, giảm trương lực cơ trơn của đại tràng, giúp cầm máu. Chủ trị các bệnh: Trĩ đi ngoài ra máu, lỵ, trĩ ra máu, tiêu trừ nhiệt độc, giúp co búi trĩ. Với sự kết hợp giữa hòe giác và các vị được liệu như đương quy, phòng phong, chi xác, hoàng cầm giúp điều hòa các chức năng các tạng phủ, lưu thông khí huyết, thanh nhiệt, mát tràng, bền thành mạch, co búi trĩ. Bài thuốc này đã được chứng minh bằng những cơ sở khoa học trên nghiên cứu công dụng của các loại dược liệu này cũng như kinh nghiệm sử dụng điều trị hiệu quả cho rất nhiều bệnh nhân trĩ. Bởi trĩ luôn là bệnh khó nói nên việc hiện đại hóa bài thuốc trên thành chế phẩm cho người bệnh dễ sử dụng, thuận tiện, kín đáo mà vẫn đạt hiệu quả tốt trong điều trị rất cần được khuyến khích. Người bệnh sẽ không e ngại mà quyết tâm xua đi sự chịu đựng bấy lâu của mình. Theo tổng kết, các yếu tố gây bệnh trĩ là do thói quen sinh hoạt và ăn uống không điều độ. Tốt nhất mỗi người hãy cải thiện chế độ ăn nhiều rau xanh, hạn chế sử dụng các gia vị quá "nóng", bia rượu và sinh hoạt hợp lý ngay khi bệnh còn chưa biểu hiện hoặc còn nhẹ.

Được sĩ Văn Anh
(Theo báo Sức khỏe Đời sống)



Thông tin sản phẩm:

Thuốc đông dược **Tiểu trĩ SAFINAR** kết hợp các dược liệu như hòe giác, đương quy, phòng phong, chi xác, hoàng cầm, địa du với các dược tính thanh nhiệt, giải độc, giúp nhuận tràng, gia tăng tính đàn hồi của mạch máu, làm bền thành mạch, kháng viêm, chống nhiễm khuẩn, giảm đau, giúp tiêu dẫn búi trĩ. Chuyên trị: trĩ nội, trĩ ngoại, trĩ có viêm, táo bón, đi ngoài ra máu. Thuốc tiểu trĩ **Safinar** do công ty CP Dược TW Mediplantex sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, đã được ứng dụng lâm sàng được sử dụng điều trị cho rất nhiều bệnh nhân trĩ, chính là giải pháp hiệu quả an toàn giúp người bệnh Trị trĩ nhanh và ngừa bệnh tái phát.

Điện thoại tư vấn : 043.6686226 - website : <http://www.nhatha.vn>

“HỒI SINH” SAU BA LẦN BỊ TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

Đó là trường hợp của ông Hoàng Minh Đạo - một giáo viên cấp III sống tại Cụm 6, thôn Kỳ Úc, thị trấn Phúc Thọ, Hà Nội. Có thể nói ông đã "từ cõi chết trở về" sau cơn tai biến để lại di chứng rất nặng nề. Và ông cũng là một trong những bệnh nhân may mắn phục hồi rất tốt sau tai biến mạch máu não nhờ có phương pháp điều trị thích hợp.



Ảnh minh họa

NẾU không để ý đến dáng đi thì ít ai có thể ngờ cách đây 3 năm ông từng "liệt giường liệt chiếu". Giọng trầm ấm, hài hước của một thầy giáo dạy văn thì vẫn còn vẹn nguyên, ông Đạo kể: "Đầu tháng 7/2007, chỉ vài ngày mà trong gia tộc tôi có tới 2 người trẻ tuổi ra đi đột ngột". Là con trưởng và là trụ cột chính, ông Đạo phải đón đầu lo nhiều việc với niềm tiếc thương vô hạn với người đã khuất: "Ba đêm thức trắng, cộng với việc ăn uống thất thường làm tôi mệt mỏi, đầu đau như búa bổ". Khi công việc xong xuôi, ông vẫn giữ thói quen đi bộ, nhưng: "Mới đi được khoảng 200m tôi bỗng thấy toàn thân tê dại, chân tay co rúm. Lúc này, tôi đã có linh cảm là mình bị tai biến mạch máu não".

Ngày hôm đó, gia đình đưa ông Đạo tới bệnh viện khám bệnh, kết quả cho thấy ông bị nhồi máu bán cầu não trái với triệu chứng liệt nặng. Sau một tháng điều trị, bệnh của ông có đỡ đôi chút, tuy nhiên, vẫn không thể đi lại được.

Tình hình điều trị ngoại trú trong khoảng 3 tháng sau đó không tiến triển được bao nhiêu, thì bất ngờ: "Đầu tháng 01 năm 2008, tôi lại phải cấp cứu tại bệnh viện vì bị cơn tai biến khác. Hơn 20 ngày sau, tôi được xuất viện về ăn Tết". Tình trạng bệnh của ông khi đó cũng có tiến triển, nhưng di chứng chưa cải thiện là bao.

Tuy nhiên, chỉ được vốn vẹn 11 ngày, đúng ngày 4 Tết 2008, bệnh của ông lại tái phát theo chiều hướng xấu. Ông Đạo được người nhà đưa thẳng xuống bệnh viện dưới Hà Nội nằm điều trị một tháng mà "chân tay vẫn thế, chẳng có tiến triển gì". Vốn trí tuệ còn minh mẫn hoàn toàn, ông hiểu rằng, bệnh này thật "khó sống chung" nếu cứ tái phát liên tục. Ông bị rơi vào trạng thái trầm cảm, không muốn nói chuyện với những người đến thăm. Bệnh của ông càng nặng, như lời vợ ông: "Ông ấy đổ bệnh lên thứ 3 tưởng chết".

Với gia đình ông Đạo thì "còn nước còn tát",

ông chuyển sang khoa Đông y của bệnh viện nằm điều trị một tháng rưỡi. Trong thời gian ở đây, ông được giới thiệu về Nattospes - sản phẩm có khả năng hỗ trợ điều trị tai biến mạch máu não hiệu quả. Gia đình quyết định cho ông dùng thử với 4 viên/ngày. Thật diệu kỳ, tình hình sức khỏe của ông tiến triển theo chiều hướng tốt. Ông xuất viện với niềm hy vọng sẽ phục hồi và trở lại sinh hoạt bình thường. Không giấu nổi niềm vui, ông cho hay: "Chỉ sau hơn 3 tháng dùng Nattospes, tôi thấy mình khỏe hơn, ăn được, ngủ được, lên cân, dần dần chân tay lại co duỗi được, đi lại được và tự làm các sinh hoạt cá nhân". Tin tưởng sản phẩm Nattospes, hiện nay ông vẫn duy trì 2 viên/ngày.

Nhớ lại những ngày tháng vật lộn với những cơn tai biến, ông Đạo không khỏi bồi hồi: "Khi chưa biết đến sản phẩm Nattospes, tôi cứ bị tái phát liên tục, sau gần 3 năm uống đều đặn, đến nay, tôi không còn bị tái phát nữa. Hiện nay, tay tôi đã cử động được gần như cũ, từ chỗ không thể cầm bút thì nay đã viết được rồi. Tôi thấy uống Nattospes cho kết quả rất khả quan, lại là thực phẩm chức năng nên không có tác dụng phụ gì và có thể yên tâm sử dụng lâu dài".

Vẫn giữ giọng hài hước, sôi nổi, ông Đạo tiến chúng tôi ra vẻ với ánh mắt rạng rỡ, thể hiện niềm vui của người "được hồi sinh" sau tai biến mạch máu não. ■

Thùy Dương

(Theo Báo vệ Pháp luật cuối tuần - Số ra ngày 4/9/2010)

MẠNG RIÊNG ẢO QUỐC TẾ

"Mạng của chính Khách hàng"

Cuộc sống đích thực

VNPT



IS-VPN

Gọi 18001001

Để biết thêm chi tiết



Công ty Viễn thông Quốc tế

www.vti.com.vn

Sản phẩm của VNPT



VNPT

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập : NGUYỄN TRÍ HUÂN

• Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO • Thư ký tòa soạn: NGUYỄN ĐĂNG BẦY • Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

• Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640

• Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội

• Trình bày: PHẠM MINH HẢI • Giá: 5.900 đồng.